

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN



KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC

“GIÁO DỤC CÔNG TÁC BẢO TỒN VĂN HÓA
DÂN TỘC CHO CÁN BỘ VÀ SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN”



ĐẮK LẮK, 2021

BAN BIÊN TẬP

- | | |
|---------------------------------------|---------------|
| 1. PGS.TS. LÊ ĐỨC NIÊM | Trưởng ban |
| 2. TS. TRƯƠNG THÔNG TUÂN | P. Trưởng ban |
| 3. PGS.TS. BUÔN KRÔNG THỊ TUYẾT NHUNG | P. Trưởng ban |
| 4. THS. TRẦN THỊ LỆ THANH | Ủy viên |
| 5. CN. H WEN ALIO | Ủy viên |
| 6. CN. Y NEI RAH LAN | Thư ký |

MỤC LỤC

TÁC GIẢ	NỘI DUNG	TRANG
PGS.TS. Lê Đức Niêm	ĐỀ DẪN KHAI MẠC HỘI THẢO KHOA HỌC	1
TS Phạm Phương Anh	VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG CÔNG TÁC BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC TỪ THỰC TIỄN GIẢNG DẠY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN	3
CN. Rơ Lan A Nhi	VAI TRÒ CỦA ĐOÀN THANH NIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TÂY NGUYÊN	7
TS. Đoàn Tiến Dũng	GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT THỰC HÀNH CAO NGUYÊN QUA CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM	12
TS. Nguyễn Minh Hải	GIÁO DỤC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN TRONG DẠY HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	19
CN. Y Nei Rah Lan, CN. H'Wen Alio	BIẾN ĐỔI VĂN HÓA VÀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI ÊĐÊ Ở HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK	30
ThS. Nguyễn Bảo Lâm	GIÁO DỤC CHỦ QUYỀN VĂN HOÁ CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN HIỆN NAY	39
TS. Phạm Trọng Lượng	SINH VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI VAI TRÒ TRUNG TÂM CỐ KẾT CỘNG ĐỒNG, KIẾN TẠO VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ	43
PGS.TS. Buôn Krông Tuyết Nhung, ThS. Trần Thị Lệ Thanh	THƯƠNG HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN (TTN) – GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG KIẾN TẠO VÀ PHÁT TRIỂN	53
TS. Trương Thông Tuần	MỘT SỐ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TÂY NGUYÊN	64
ThS. Phạm Huy Tựa	TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG BÀO TÂY NGUYÊN CHO SINH VIÊN	68
TS. Triệu Văn Thịnh	VĂN HOÁ CỔ TRUYỀN M'NÔNG, THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	78
TS. Nguyễn Khắc Trình	SỰ HỒI SINH VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA Ở TỈNH ĐẮK LẮK	82

**ĐỀ DẪN KHAI MẠC HỘI THẢO KHOA HỌC
GIÁO DỤC CÔNG TÁC BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC CHO CÁN BỘ VÀ
SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

PGS.TS. Lê Đức Niêm

Phó Hiệu Trưởng Trường Đại học Tây Nguyên

Kính thưa Quý vị đại biểu!

Kính thưa các nhà khoa học!

Trường Đại học Tây Nguyên rất vui mừng khi được đón tiếp quý vị đại biểu, các nhà khoa học, các giảng viên và các em sinh viên về dự Hội thảo *“Giáo dục công tác bảo tồn văn hóa dân tộc cho cán bộ và sinh viên Trường ĐHTN”*. Ban tổ chức Hội thảo xin nồng nhiệt chào đón toàn thể Quý vị đã hội tụ về đây để trao đổi học thuật, giao lưu và hợp tác vì mục tiêu chung - *Giáo dục văn hóa nhà trường và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong quá trình hội nhập*.

Nền văn hóa Việt Nam được vun đắp qua hàng ngàn năm lịch sử đã trở thành điểm tựa vững chắc, là nguồn lực to lớn tạo nên những thắng lợi vĩ đại trong lịch sử. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, Đảng ta đã xác định quan điểm, đường lối và chính sách phù hợp với thực tiễn để phát huy nguồn lực văn hóa, góp phần thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: *“Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”*. Người chỉ rất rõ mối quan hệ giữa văn hóa, kinh tế và chính trị: *“Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”*¹. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: - *Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên nguồn nhân lực trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến căn bản, mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng giáo dục, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí phấn đấu vươn lên, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*².

Trường Đại học Tây Nguyên đã nhận thức sâu sắc về nguồn lực văn hóa trong xây dựng và phát triển của Nhà trường. Với một nội dung quan trọng trong Sứ mạng của Nhà trường là bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc song hành với Triết lý giáo dục phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học, các hoạt động về giáo dục công tác bảo tồn văn hóa dân tộc cho cán bộ và sinh viên Trường ĐHTN được đặc biệt quan tâm.

Quá trình hội nhập quốc tế và giao thoa văn hóa tộc người như hiện nay đã có những tác động nhất định, làm thay đổi phương thức tư duy, lối sống của cán bộ, giảng viên, sinh viên theo hướng hiện đại và tích cực, chủ động hơn. Trước xu hướng hội nhập, biến đổi, song song với việc trao truyền di sản văn hóa dân tộc, giảng viên và học sinh – sinh viên tại Trường Đại học Tây Nguyên có điều kiện bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, tiếp tri thức mới ngày càng thuận lợi.

Hội thảo diễn ra trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân đang hướng tới công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nước nhà. Càng mang tính thời sự và cảm xúc hơn khi Hội thảo được tổ chức giữa lúc Tây Nguyên đang chuyển mùa để bước sang

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 7, tr. 246.

² *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 54, 115 – 116

xuân 2022. Xã hội, cộng đồng và toàn thể giảng viên, sinh viên đang nỗ lực xây đắp giá trị cốt lõi đồng thời hiện thực hóa tầm nhìn của Trường Đại học Tây Nguyên. Hội thảo này chính là nhịp cầu kết nối tâm huyết, trí tuệ của tất cả quý vị cho công tác giáo dục nhận thức bảo tồn văn hóa dân tộc cho cán bộ và sinh viên Trường ĐHTN.

Với 13 báo cáo tham luận được lựa chọn từ các bài viết của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học, cán bộ quản lý văn hóa trong và ngoài Trường, chúng tôi hy vọng, bằng tâm huyết, trí tuệ và sáng tạo của quý vị đại biểu sẽ tiến hành chia sẻ, trao đổi các vấn đề liên quan đến bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Những ý kiến đóng góp tại Hội thảo và các bài tham luận là tư liệu quý để tổng kết, xây dựng chiến lược phát triển văn hóa nói chung cũng như hiện thực hóa sứ mạng của Trường Đại học Tây Nguyên. Kết quả Hội thảo khoa học là một minh chứng sinh động của chúng ta về công tác bảo tồn và phát triển của văn hóa dân tộc, đồng thời đóng góp cho các giải pháp, bước đi trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung.

Thưa quý vị đại biểu!

Hội thảo không những đánh giá công tác giáo dục về nhận thức bảo tồn văn hóa dân tộc của Trường trong thời gian qua mà còn là tiền đề để mở ngành đào tạo và các lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng văn hóa dân tộc, đáp ứng thời kỳ hội nhập và chuẩn hóa giáo dục đại học phát triển hiện nay.

Thay mặt Ban tổ chức Hội thảo, chúng tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến toàn thể Quý vị. Sự quan tâm, hưởng ứng nhiệt tình của đội ngũ các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học, các giảng viên, các em sinh viên đã góp phần quan trọng cho thành công của Hội thảo. Lời cảm ơn đặc biệt xin được gửi đến Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên, các báo cáo viên và lãnh đạo Trường, những cá nhân đã hỗ trợ Hội thảo bằng tất cả tâm huyết của mình.

Thay mặt Ban tổ chức, tôi xin long trọng tuyên bố khai mạc Hội thảo!

Xin chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc!

Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TRONG CÔNG TÁC BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC TỪ THỰC TIỄN GIẢNG DẠY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

TS Phạm Phương Anh

Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Tây Nguyên

TÓM TẮT

Trường Đại học Tây Nguyên được thành lập là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử đối với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, là trường đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Quá trình giáo dục và đào tạo của Nhà trường đạt được những kết quả quan trọng trong suốt thời gian qua, và có được những kết quả đó là do sự quyết tâm của Nhà trường trong đó có đội ngũ giảng viên đóng vai trò quyết định đến chất lượng đào tạo. Giảng viên lý luận chính trị tại trường Đại học Tây Nguyên không chỉ là người cung cấp tri thức, là người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng - lý luận của Đảng mà còn góp phần quan trọng trong công tác bảo tồn các giá trị văn hoá của dân tộc thông qua các bài giảng của mình. Bài viết cho thấy rõ vai trò của đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị trong công tác bảo tồn các giá trị văn hoá các dân tộc để có những giải pháp phát huy hơn nữa vai trò của giảng viên lý luận chính trị trong công tác bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc từ thực tiễn giảng dạy tại trường Đại học Tây Nguyên.

Từ khoá: Bảo tồn, văn hoá dân tộc, giảng viên, lý luận chính trị, trường Đại học Tây Nguyên

1. NỘI DUNG

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS luôn là một nội dung quan trọng được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, chỉ đạo trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước. Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định, văn hóa các DTTS là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất, đa dạng. Bởi đây là những giá trị vật chất, tinh thần tinh túy nhất, cô đọng nhất, bền vững nhất, là sắc thái cội nguồn, riêng biệt của mỗi dân tộc, là yếu tố để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác. Hơn nữa, việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số không chỉ có ý nghĩa là giữ gìn nền tảng tinh thần của xã hội mà còn trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh tại các vùng, miền trên cả nước. Tầm quan trọng của công tác bảo tồn giá trị văn hoá dân tộc được nhất quán trong các kỳ Đại hội đặc biệt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025, Đảng ta xác định một trong các nhiệm vụ, giải pháp quan trọng là: “Gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, nâng cao đời sống nhân dân. Xây dựng, phát huy yếu tố văn hoá để thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế...Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá tốt đẹp của các dân tộc” [2, tr.134 -135]. Và trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030: “phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người

Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước” [2, tr.115-116]. Như vậy, bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá tốt đẹp của các dân tộc là chiến lược phát triển bền vững quốc gia, là nhiệm vụ chung của toàn xã hội trong đó giáo dục nói chung và giáo dục văn hoá dân tộc trong Nhà trường giữ vai trò quan trọng, thông qua giáo dục, các giá trị vật chất và tinh thần của các dân tộc được lưu truyền qua các thế hệ, giúp cho người học hiểu biết, tôn trọng, bảo tồn, gìn giữ các giá trị truyền thống của dân tộc mình, tôn trọng bản sắc văn hóa của các dân tộc anh em... Tại Đại hội XIII của Đảng cũng xác định tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo trong đó “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua Internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khoá, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế” [2, tr.150].

Tỉnh Đắk Lắk là trái tim của vùng Tây Nguyên, là nơi hội tụ của 47/54 dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nền văn hóa của các dân tộc nơi đây rất đa dạng, nhiều sắc màu. Do vậy, công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đóng vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội và là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh của Đắk Lắk nói riêng, vùng Tây Nguyên nói chung. Trường Đại học Tây Nguyên là một trường đại học đứng chân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội. Trường Đại học Tây Nguyên được thành lập là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử đối với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Đây là điều kiện thuận lợi để con em các dân tộc thiểu số được đào tạo trình độ đại học và sau đại học ngay trên quê hương mình. Sự ra đời của Nhà trường là một tất yếu lịch sử phù hợp thống nhất giữa chủ trương của Đảng và Nhà nước với nguyện vọng thiết tha của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Tây Nguyên. Đến nay, Trường Đại học Tây Nguyên đã trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển. Những bước phát triển của Trường đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm gắn liền với sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo cùng với sự phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của đất nước.

Năm 2019, Trường Đại học Tây Nguyên đã ban hành Quyết định khẳng định rõ tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, mục tiêu chiến lược và triết lý giáo dục: Trong đó, về sứ mạng là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc” và mục tiêu chiến lược là: “Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, cơ sở vật chất hiện đại, chương trình đào tạo tiên tiến; Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị Nhà trường; Kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”. Như vậy, bên cạnh việc xây dựng đội ngũ nhân

lực có chuyên môn phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học thì song song đó là mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá của dân tộc.

Tính đến 30/06/2021, tổng số cán bộ viên chức toàn trường là 655 người, trong đó có: 432 cán bộ giảng dạy, viên chức người lao động người đồng bào dân tộc thiểu số là 26 người. Năm học 2020-2021 tổng số học sinh sinh viên toàn trường là 9.103, số học sinh sinh viên là người dân tộc thiểu số là 1.553 chiếm tỷ lệ 21,67 %. Sinh viên trường Đại học Tây Nguyên đến từ mọi vùng miền trên cả nước, hội tụ những sắc màu dân tộc khác nhau để cùng góp phần tạo nên nét phong phú và đặc sắc về văn hóa dân tộc tại ngôi trường. Với đội ngũ cán bộ giảng viên giàu kinh nghiệm, có trình độ cao là nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho giáo dục và đào tạo, cho sự phát triển kinh tế - chính trị - văn hoá của vùng Tây Nguyên nói riêng và cả nước chung. Khoa LLCT là một trong 8 khoa đào tạo tại trường có nhiệm vụ chính trị quan trọng trong Nhà trường với đội ngũ bao gồm 17 cán bộ, trong đó có 16 giảng viên tham gia giảng dạy các môn Lý luận chính trị cho sinh viên chuyên và không chuyên tại trường Đại học Tây Nguyên.

Vai trò của quan trọng của giảng viên giảng dạy lý luận chính trị không chỉ trang bị những kiến thức cho sinh viên mà góp phần vào việc hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, phát triển tư duy chính trị, nhân sinh quan cách mạng, xây dựng bản lĩnh văn hóa và tích cực đấu tranh chống lại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng và văn hóa cho sinh viên. Bởi lẽ, dưới sự tác động của đời sống kinh tế, xã hội, sự giao thoa, du nhập văn hóa của các vùng miền đang có xu hướng lẫn át, làm mờ nhạt văn hóa bản địa. Một số giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS không còn lưu giữ thậm chí bị biến đổi. Bên cạnh đó, sự xâm nhập văn hóa ngoại lai, dẫn đến thế hệ trẻ thờ ơ với những văn hóa truyền thống của dân tộc mình dẫn đến nguy cơ bị xâm lấn, đồng hóa bởi nhiều yếu tố văn hóa ngoại lai khác. Chính vì vậy, công tác bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc là trách nhiệm của các cấp chính quyền, các ngành, mỗi cộng đồng các DTTS mà trong đó giáo dục trong trường học đóng vai trò quan trọng trong quá trình bảo tồn, lưu giữ các giá trị truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số.

Vì vậy, bên cạnh giảng dạy kiến thức thì các giảng viên lý luận chính trị cần phải chú trọng đến công tác giáo dục tư tưởng, văn hóa cho sinh viên và làm cách nào để đưa văn hóa truyền thống các dân tộc vào giảng dạy các học phần LLCT nhằm phát huy những giá trị văn hoá và nét đẹp trong đời sống tinh thần của học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số tại trường Đại học Tây Nguyên. Với mục đích trang bị cho người học những kiến thức, giá trị, thái độ và kĩ năng phù hợp, hiểu biết về văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số của địa phương. Trên cơ sở đó hình thành cho các em những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực.

Để phát huy tốt vai trò của đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận trong công tác bảo tồn giá trị văn hoá dân tộc tại trường Đại học Tây Nguyên cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, đầu tư những tiết học hướng đến việc hình thành và phát triển những phẩm chất đạo đức, văn hóa nhân văn của dân tộc và nhân loại gắn với các nội dung liên quan đến vấn đề con người, văn hoá, dân tộc trong nội dung chương trình các môn học lý luận chính trị.

Thứ 2, xây dựng cách đánh giá môn học bằng hình thức tiểu luận với nội dung

phong phú trong đó chú trọng các chủ đề liên quan đến vấn đề bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc của sinh viên nói chung và sinh viên là người dân tộc thiểu số nói riêng để sinh viên có sự hiểu biết nhất định về tầm quan trọng của việc phát huy những giá trị văn hoá dân tộc từ trong chính việc học tập.

Thứ 3, tổ chức các buổi thảo luận lồng ghép mô hình văn hoá các dân tộc để tạo sân chơi học hỏi, tiếp thu các giá trị văn hoá dân tộc giữa các bạn sinh viên là người kinh và sinh viên người dân tộc thiểu số từ đó tạo nên hành trang quý giá cho mỗi sinh viên trong quá trình hội nhập và phát triển.

Thứ 4, xây dựng một số nội dung trong các môn LLCT gắn với thực tiễn qua hình thức tham quan, tìm hiểu về trang phục truyền thống của dân tộc thiểu số tại địa phương cho bởi vì qua hoạt động thực tiễn này, sinh viên có dịp tuyên truyền, vận động bà con các dân tộc giữ gìn và phát huy trang phục truyền thống của dân tộc mình, tạo nên sự gắn kết giữa nhà trường và cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt (2020), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt (2020), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Hội đồng lý luận trung ương (2021), Những điểm mới trong các văn kiện đại hội XIII của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
4. Trường Đại học Tây Nguyên (2021), Dự thảo báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2021-2022, tháng 9 năm 2021.
5. Trường Đại học Tây Nguyên (2019), Quyết định V/v Ban hành “Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi” của Trường Đại học Tây Nguyên, Quyết định số 132/QĐ-ĐHTN ngày 18 tháng 1 năm 2019.
6. <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/dak-lak-bao-ton-phat-huy-gia-tri-van-hoa-dan-toc-587281.html>.

VAI TRÒ CỦA ĐOÀN THANH NIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN VỚI CÔNG TÁC BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC

CN. Rơ Lan A Nhi

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Tây Nguyên

Tóm tắt:

Nói đến Tây Nguyên là nói đến các lễ hội truyền thống, các nghi lễ vòng đời, các câu chuyện sử thi,... của cộng đồng các dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc đều có những sắc thái cội nguồn, những nét đặc trưng của từng dân tộc. Tuy nhiên với xu hướng hội nhập và sự phát triển của kinh tế - xã hội cũng đã tác động không nhỏ đến sự tồn tại và phát triển của văn hóa truyền thống, đặc biệt ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc của một số bộ phận giới trẻ hiện nay. Ở tham luận này, chúng tôi xin nói đôi lời về vai trò của tổ chức Đoàn thanh niên Trường Đại học Tây Nguyên với công tác bảo tồn văn hóa dân tộc Tây Nguyên và đề xuất một số giải pháp.

Từ khóa: Đoàn thanh niên, công tác bảo tồn văn hóa, giải pháp.

1. Lời nói đầu

Vùng đất Tây Nguyên với các sắc thái văn hóa vô cùng phong phú và đa dạng, được biểu hiện qua kho tàng văn học truyền miệng, qua nghệ thuật cồng chiêng, qua các lễ hội của các dân tộc Tây Nguyên. Đó là những di sản văn hóa truyền thống vô cùng đặc sắc và quý báu mà cha ông đã để lại cho con cháu hôm nay và mai sau. Những di sản đó không chỉ là tài sản có giá trị giáo dục truyền thống, giáo dục nhân cách, quy tắc ứng xử giữa con người với con người, con người với xã hội và con người với môi trường thiên nhiên, mà di sản văn hóa dân tộc còn có sự tồn tại một năng lượng to lớn có thể huy động phục vụ có hiệu quả trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Có thể nói văn hóa Việt Nam là nền văn hóa đa dạng trong sự thống nhất, là vườn hoa muôn màu muôn sắc tỏa ngát hương thơm thì văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên là một trong những bộ phận cấu thành rất quan trọng để làm nổi bật nên diện mạo đó. Bởi vậy, giới trẻ bây giờ là những chủ nhân tương lai của đất nước cần thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị di sản, bản sắc văn hóa dân tộc. Hiện nay, Đất nước ta với xu thế hội nhập và phát triển kinh tế xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Điều đó mang lại cơ hội to lớn cho sự nghiệp phát triển của đất nước, nhưng cũng là thách thức không nhỏ trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đặc biệt là ở Tây Nguyên. Chính vì vậy, năm 2011 Chính phủ ra Nghị định số 05/2011/NĐ-CP về công tác dân tộc, trong đó công tác bảo tồn văn hóa dân tộc được thể hiện rõ nét trong điều 13 của Nghị định này. Để công tác bảo tồn văn hóa dân tộc ở Tây Nguyên được hiệu quả, đòi hỏi phải có sự chung tay, góp sức từ cá nhân đến các cơ quan, đoàn thể, ban ngành. Trong đó, Trường Đại học Tây Nguyên là một đơn vị sự nghiệp công lập đóng chân trên địa bàn, mang trong mình một sứ mạng là “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc”. Vì vậy, ngoài giáo dục kiến thức, kỹ năng cho tuổi trẻ của Trường Đại học Tây

Nguyên, Nhà trường còn phải luôn coi trọng giáo dục ý thức, trách nhiệm cho giới trẻ về việc bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của quê hương.

2. Một số hoạt động động của tuổi trẻ Trường Đại học Tây Nguyên

Đáp ứng sự kỳ vọng của Nhà Trường, Tuổi trẻ trường Đại học Tây Nguyên luôn nhận thức đúng đắn vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Trong những năm qua, Nhà trường và Đoàn thanh niên Trường Đại học Tây Nguyên đã có nhiều hoạt động, định hướng tổ chức cho thanh niên tham gia vào việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc thông qua nhiều hình thức phong phú và đa dạng. Năm 2019, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Đắk Lắk kết hợp với Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên – Trường Đại học Tây Nguyên tổ chức triển khai mở lớp truyền dạy diễn tấu cồng chiêng cho giới trẻ, các đoàn viên thanh niên là người dân tộc thiểu số đang sinh hoạt và học tập tại trường Đại học Tây Nguyên. Nhận được thông báo chiêu sinh từ Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên, Đoàn thanh niên đã chủ động triển khai thông báo rộng rãi đến toàn thể các bạn đoàn viên thanh niên về mục tiêu và ý nghĩa của khóa học để các bạn đăng ký tham gia lớp học. Bằng sự tận tình và lòng nhiệt huyết từ các nghệ nhân giàu kinh nghiệm về kiến thức, kỹ năng diễn tấu chiêng đồng, chiêng tre cùng với sự đam mê và trách nhiệm của các em đoàn viên, sinh viên. Sau một thời gian tham gia và hoàn thành khóa học, các em đã nắm được những kiến thức, kỹ năng cơ bản về chiêng tre, chiêng đồng của người Êđê và chiêng đồng của người Ba Na, đồng thời các em cũng có thể tự đánh được các bài chiêng “Đón khách”, “Mừng chiến thắng” và “Đoàn tụ”. Thông qua việc truyền dạy kỹ năng đánh cồng chiêng, đã giúp các em có lòng tự hào và trân trọng về vốn văn hóa vô cùng quý báu để tiếp tục kế thừa và gìn giữ bản sắc văn hóa của dân tộc. Có thể trong tương lai các em sẽ là những hạt nhân văn hóa, có thể tham gia các hội thi, hội diễn, liên hoan giao lưu văn hóa, văn nghệ, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cồng chiêng trong nhà trường và cộng đồng.

Kế thừa những thành quả trên, với vai trò gìn giữ và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc kết hợp quảng bá hình ảnh tuổi trẻ Trường đại học Tây Nguyên. Đoàn thanh niên trường Đại học Tây Nguyên đã đưa những tiếng đàn chiêng tre đến với các sự kiện, hoạt động do các cấp bộ Đoàn tổ chức trên địa bàn tỉnh để giao lưu, học tập. Cùng với đó, Trung Tâm KHXH&NV Tây Nguyên đã luôn chủ động kết nối với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài trường để đưa tiếng cồng, tiếng chiêng kết hợp với những điệu múa soang mềm mại, uyển chuyển khi thể hiện bài chiêng đón khách và làn điệu mạnh mẽ, dứt khoát khi thể hiện bài chiêng mừng chiến thắng, mừng đoàn tụ do chính các em đoàn viên, sinh viên diễn tấu được trình diễn tại các sự kiện, hoạt động và ngày lễ lớn của Nhà trường và của các đơn vị ngoài trường. Ngoài ra, Nhà trường còn tạo điều kiện cho các bạn đoàn viên, sinh viên trải nghiệm văn hóa cộng đồng thông qua những chuyến đi thực tế. Các em được tham quan các bảo tàng, nhà rông, các làng văn hóa truyền thống nơi lưu trữ, gìn giữ những nét văn hóa đặc sắc của cộng đồng dân tộc. Bên cạnh đó, trải nghiệm ý nghĩa nhất là được trải nghiệm cuộc sống thực tế tại các buôn, làng nơi diễn ra các hoạt động văn hóa, nghệ thuật truyền thống, nơi sinh hoạt thường nhật của cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Ở đó, các em được ăn, được ở, được thưởng thức hương vị men rừng

của chén rượu cần, được nhảy múa soang theo tiếng cồng tiếng chiêng ngân vang bên ánh lửa trại. Qua những hoạt động trên, chúng ta thấy được những vai trò quan trọng của Nhà trường và tổ chức Đoàn thanh niên trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

3. Thực trạng và hướng giải quyết

3.1. Thực trạng hiện nay

Tuy nhiên, việc phát huy vai trò của thanh niên trong việc bảo tồn những truyền thống văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay cũng gặp không ít khó khăn, đó là: Trong những năm vừa qua, Đoàn thanh niên triển khai tổ chức rất nhiều hoạt động phong trào, tuy nhiên những hoạt động liên quan đến bảo tồn văn hóa truyền thống vẫn chưa được quan tâm chú trọng đúng mức bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Ngoài ra, nhận thức của một bộ phận không nhỏ đoàn viên, thanh niên về văn hóa truyền thống chưa thực sự đầy đủ và đúng đắn, do đó chưa thấy được hết vai trò, trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa mà cha ông để lại. Sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường, xu thế hội nhập hóa, quốc tế hóa và sự biến đổi của kinh tế xã hội đang hàng ngày, hàng giờ tác động mạnh mẽ vào mọi lĩnh vực của đời sống, mọi thành phần trong xã hội, nhất là thế hệ thanh niên. Bên cạnh đó là âm mưu thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt của các thế lực phản động trong và ngoài nước trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, tác động tiêu cực vào nhận thức và lối sống của thanh niên, làm xói mòn các giá trị truyền thống gây ảnh hưởng trực tiếp đến vai trò của thanh niên trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.

3.2. Một số giải pháp

Để khắc phục những khó khăn nêu trên, nhằm tăng cường vai trò của thanh niên trong việc tham gia tích cực, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc của các cấp bộ Đoàn nói chung và tổ chức Đoàn thanh niên trường Đại học Tây Nguyên nói riêng cần có những chủ trương đổi mới sáng tạo trong từng giai đoạn cụ thể:

- Đoàn thanh niên cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về văn hóa truyền thống cho đoàn viên, thanh niên. Giúp thanh niên thấy được những cái hay, cái đẹp, những giá trị nhân văn sâu sắc của văn hóa truyền thống. Từ đó nâng lên thành niềm tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm, quyết tâm hành động của tuổi trẻ trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa đó. Tổ chức Đoàn phải là người định hướng, dẫn dắt, là cầu nối để đưa các giá trị văn hóa truyền thống đến với đoàn viên, thanh niên thông qua nhiều phương tiện, hình thức, nhiều nội dung khác nhau như: Thông qua các kỳ sinh hoạt đoàn, hội, các hoạt động tham quan, dã ngoại, về nguồn, hành trình đến với những bảo tàng, địa danh lịch sử, làng văn hóa truyền thống.... Tìm hiểu về văn hóa truyền thống thông qua các hình thức thi viết, thi sân khấu hóa, sưu tầm ghi chép lịch sử địa phương, dân tộc,....

- Với vai trò là tổ chức quản lý đoàn viên, thanh niên của Nhà trường, Tổ chức Đoàn thanh niên cần đặc biệt quan tâm hơn nữa trong công tác duy trì đối với đội, nhóm diễn tấu cồng chiêng của Nhà trường hiện có và có thể thành lập Câu lạc bộ liên quan đến văn hóa dân tộc. Vì mỗi năm sẽ có một lượng lớn đoàn viên thanh niên ra trường về với địa phương sinh hoạt, nên Đoàn thanh niên cần có kế hoạch lâu dài như tham mưu với Lãnh đạo Nhà trường hỗ trợ kinh phí, phối hợp chặt chẽ với

Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên trong việc tổ chức và tuyển thành viên kế cận tham gia vào đội, nhóm để tiếp tục học tập, rèn luyện kỹ năng diễn tấu công chiêng và các nhạc cụ dân tộc khác. Đây chính là hình ảnh cụ thể và thiết thực về nét đẹp bản sắc văn hóa trong tuổi trẻ của tổ chức Đoàn và nó cũng thể hiện đúng sứ mạng của Trường Đại học Tây Nguyên đối với cộng đồng và xã hội. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên cần tạo điều kiện đưa đội, nhóm diễn tấu công chiêng tham gia giao lưu, tham gia các hội thi ra ngoài khu vực để quảng bá những hình ảnh một cách sâu rộng hơn đối với cộng đồng, xã hội.

- Hằng năm, Đoàn thanh niên cần phối với các phòng ban chức năng như Trung tâm, các giảng viên am hiểu về văn hóa dân tộc ở các Khoa để tổ chức hội nghị, hội thảo định hướng cho Đoàn viên thanh niên tham gia nghiên cứu khoa học với những nội dung liên quan đến các di sản văn hóa truyền thống dân tộc. Qua đó, sinh viên có thể tìm hiểu, nghiên cứu sâu sắc hơn về những nét đẹp truyền thống của cộng đồng nơi mình đang học tập và nghiên cứu. Phát huy vai trò của đoàn viên thanh niên trong việc kiên quyết đấu tranh chống sự xâm nhập và ảnh hưởng của các hiện tượng phản văn hoá, sự chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm trong đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn và miễn dịch với nó. Tổ chức và duy trì thường xuyên các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, nhằm phát huy tính hăng hái, sáng tạo của tuổi trẻ, nâng cao đời sống văn hoá tinh thần, tạo sân chơi vui vẻ, bổ ích, thiết thực. Cán bộ và tổ chức Đoàn cần chủ động, gần gũi theo dõi và hướng dẫn đoàn viên, thanh niên, kịp thời nắm bắt, uốn nắn và xử lý các biểu hiện lệch lạc trong việc tham gia sáng tạo, cũng như hưởng thụ văn hoá tinh thần qua các kênh thông tin khác nhau. Tổ chức những đợt sinh hoạt truyền thống sinh động nhân các ngày lễ lớn, phù hợp nội dung ngày kỷ niệm và yêu cầu giáo dục chính trị tư tưởng như: Tổ chức buổi giao lưu gặp gỡ với các nghệ nhân, các nhà khoa học, nhà văn hóa, các nhà hoạt động về văn hóa nghệ thuật, các đoàn viên, sinh viên tiêu biểu,... kể chuyện hoặc đối thoại với đoàn viên, thanh niên với những chủ đề, nội dung liên quan đến công tác bảo tồn văn hóa dân tộc và đưa những chương trình, hoạt động này vào kế hoạch hoạt động thường niên trong năm học của tổ chức Đoàn.

4. Kết Luận

Mỗi dân tộc bao giờ cũng có sắc thái văn hóa đặc thù, phản ánh những phong cách, diện mạo của chính dân tộc đó. Khi một dân tộc quay lưng lại với truyền thống, đánh mất bản sắc văn hóa của dân tộc mình, nhất định văn hóa truyền thống sẽ không còn tồn tại. Đảng ta luôn coi trọng việc bảo vệ bản sắc văn hóa là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài trong quá trình đi lên của đất nước. Mỗi người dân, mỗi tổ chức và đặc biệt là thế hệ trẻ, những người làm chủ tương lai của đất nước phải luôn có ý thức gìn giữ, phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc, đó cũng là thể hiện trách nhiệm với đất nước, với dân tộc.

Song song với nhiệm vụ trọng tâm là giáo dục phát triển kinh tế, xây dựng nền văn hóa, văn minh hiện đại, trong đó việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa bản địa là việc làm vô cùng cần thiết với một trường đại học vùng như Trường Đại học Tây Nguyên. Nơi đây, hội tụ những tri thức trẻ đang được ươm mầm. Trong tương lai với những kiến thức được tích lũy cùng với sức trẻ và tinh thần trách nhiệm

với cộng đồng. Họ sẽ là người trực tiếp trở về phục vụ cho địa phương, cho cộng đồng và cho đất nước. Vì vậy, với vai trò là một tổ chức quản lý giới trẻ, quản lý đoàn viên thanh niên, Đoàn Trường Đại học Tây Nguyên cần thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình với công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Cần xây dựng mục tiêu và phương hướng cho các hoạt động, phong trào gắn liền với công tác bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Bởi đây là những giá trị vật chất, tinh thần tinh túy nhất, cô đọng nhất, bền vững nhất, là sắc thái cội nguồn, riêng biệt của mỗi dân tộc. Hơn nữa, công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số không chỉ có ý nghĩa là giữ gìn nền tảng tinh thần của xã hội mà còn trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh của địa phương và của toàn vùng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định số 5/2011/NĐ-CP của Chính phủ về “công tác dân tộc”, ngày 14 tháng 1 năm 2011.
2. Quyết định số 132/QĐ-ĐTN của Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành “tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi” của trường Đại học Tây Nguyên, ngày 18 tháng 01 năm 2019.
3. Quang Minh, Nguyễn Thị Thu Trang, “Vai trò của cộng đồng nhìn từ góc độ bảo tồn di sản văn hóa”, Tạp chí di sản văn hóa, số 4 (41)-2012, Tr 18.

GIÁO DỤC BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT THỰC HÀNH CAO NGUYÊN QUA CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM

TS. Đoàn Tiến Dũng
Trường THPTTH Cao Nguyên

TÓM TẮT

Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc (VHDT) trong trường phổ thông nhằm mục đích cung cấp cho học sinh (HS) những kiến thức cơ bản, những hiểu biết về vốn văn hoá truyền thống của các dân tộc trên quê hương mình. Giáo dục truyền thống văn hoá, bồi dưỡng ý thức dân tộc, nâng cao thái độ trân trọng di sản văn hoá dân tộc và trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng, hình thành ở HS tình cảm trong sáng, cao đẹp, yêu thương. Làm phong phú nội dung giáo dục đặc thù trong trường, góp phần giáo dục cho học sinh nhân cách con người mới có tri thức và văn hoá, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Từ khóa: Giáo dục, văn hóa, dân tộc.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc (VHDT) trong trường phổ thông nhằm mục đích cung cấp cho học sinh (HS) những kiến thức cơ bản, những hiểu biết về vốn văn hoá truyền thống của các dân tộc trên mảnh đất quê hương. Đồng thời, hình thành và phát triển ở HS các kỹ năng tiếp cận, khai thác tri thức và vốn văn hoá truyền thống của địa phương. Giáo dục truyền thống văn hoá, bồi dưỡng ý thức dân tộc, nâng cao thái độ trân trọng di sản văn hoá dân tộc và trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng, hình thành ở HS tình cảm trong sáng, cao đẹp, yêu thương. Làm phong phú nội dung giáo dục đặc thù trong trường, góp phần giáo dục cho học sinh nhân cách con người mới có tri thức và văn hoá, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trường THPT Thực hành Cao Nguyên được thành lập vào năm 2005, là trường thuộc hệ công lập trực thuộc Trường Đại học Tây Nguyên và được sự quản lý về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk. Đối với công tác chủ nhiệm, nhà trường đặc biệt coi trọng, bởi giáo viên chủ nhiệm không chỉ làm nhiệm vụ dạy dỗ học trò như các giáo viên khác, mà còn phải gánh trách nhiệm, làm chiếc cầu nối giữa nhà trường với gia đình học sinh, giữa các giáo viên bộ môn với học sinh và có vai trò đặc biệt quan trọng giúp các em học sinh giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái quát chung về bản sắc văn hóa dân tộc

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những phát minh và sáng tạo đó tức là văn hóa”.

Khái niệm “văn hoá” theo Từ điển Tiếng Việt: “Toàn thể những thành tựu của loài người trong sản xuất, xã hội và tinh thần”. Sự hiểu biết về sự vật hay về cách xử thế tích lũy bằng việc học tập có hệ thống hoặc thẩm nhuần đạo đức và phép tắc lịch sự. “Văn hoá” được hiểu như trên để phân biệt với khái niệm văn hiến, chỉ “văn vật”,

“văn minh”. Như vậy, văn hóa là sự hợp nhất giá trị sáng tạo của con người trải qua nhiều thế hệ, bao gồm nhiều lĩnh vực, đa dạng về sản phẩm. Sản phẩm văn hóa tồn tại theo hình thức vật chất hay phi vật chất. Sản phẩm văn hóa không ngừng được con người sáng tạo, lưu giữ, vận dụng và phát triển.

Thuật ngữ “bản sắc” nhấn mạnh cái riêng tạo thành phẩm cách, tài năng. Cũng cần phân biệt, từ “đặc biệt” chỉ sự khác xa mức thường, “đặc điểm” chỉ những nét riêng biệt, “đặc trưng” chỉ dấu hiệu đặc biệt nổi trội. “Bản sắc văn hoá” là những đặc điểm riêng biệt, có giá trị cao, gồm những giá trị vật chất và tinh thần được tích lũy và phát triển trong tiến trình đi lên của một dân tộc, nó quy định vị trí riêng biệt về mặt xã hội của một dân tộc.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Xuất phát từ mục tiêu xây dựng con người Việt Nam thời đại mới

Chủ trương xây dựng con người văn hóa luôn được Đảng, Nhà nước coi trọng, tiếp tục kế thừa những nội dung của Nghị quyết TW 5 khóa VIII, Nghị quyết Trung ương 9 đã chỉ rõ: “So với những thành tựu trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng, chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh”. Từ thực tiễn nêu trên đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền và toàn bộ hệ thống chính trị khi triển khai thực hiện phải quán triệt và xử lý tốt mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng kinh tế với phát triển văn hóa, phải xây dựng và thực hiện đồng bộ chính sách văn hóa trong kinh tế và chính sách kinh tế trong văn hóa, đảm bảo cho văn hóa thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế, thúc đẩy các hoạt động kinh tế, tạo điều kiện nhiều hơn cho sự nghiệp phát triển văn hóa. Do đó, các lĩnh vực văn hóa như: Giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn học, nghệ thuật, báo chí truyền thông, di sản văn hóa, thể chế, thiết chế văn hóa, văn hóa tôn giáo, giao lưu văn hóa và tất cả các thành tố của môi trường văn hóa (gia đình, các cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện, đơn vị lực lượng vũ trang, các bản làng, phường, xã...) trong chương trình hoạt động của mình phải hướng tới hiện thực hóa mục tiêu chung: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện hướng đến Chân – Thiện – Mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội; là sức mạnh nội sinh quan trọng, bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh.

2.2.2. Xuất phát từ mục tiêu, nhiệm vụ của ngành giáo dục

Từ chủ trương, đường lối của Đảng, ngành giáo dục cũng vận dụng các giá trị văn hóa là mục tiêu quan trọng, trong Luật giáo dục đã khẳng định: “Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại” (Điều 5, Chương 1, Luật GD sửa đổi bổ sung năm 2009). Bên cạnh đó chính sách trọng tâm đã và đang thực hiện là phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, trong Chỉ thị số 40/2008/CT-BGĐT ngày 22/7/2008 đã nêu rõ: “Mỗi trường đều nhận chăm sóc một di tích lịch sử, văn hóa hoặc di tích cách mạng ở địa phương, góp phần làm cho di tích ngày càng sạch đẹp hơn, hấp dẫn hơn; tuyên truyền, giới thiệu các công trình, di tích của địa phương với bạn bè. Mỗi trường có kế hoạch và tổ chức giáo dục truyền thống VHDT và tinh thần cách mạng một cách hiệu

quả cho tất cả học sinh; phối hợp với chính quyền, đoàn thanh niên và nhân dân địa phương và phát huy giá trị của các di tích lịch sử, văn hóa và cách mạng cho cuộc sống của cộng đồng ở địa phương và khách...”.

2.2.3. Xuất phát từ tình hình thực tiễn của nhà trường

Những năm đầu thành lập 2005, Trường THPT Thực hành Cao Nguyên có khoảng 250 em học sinh, chia thành 6 lớp (10A,10B, 10C, 10D,10E, 10G), cho đến nay, quy mô nhà trường đã khang trang bề thế về cả số lượng và chất lượng với gần 800 em học sinh, các em là con em của các dân tộc trên toàn tỉnh. Ngôi trường trở thành ngôi nhà chung của các học sinh thuộc nhiều dân tộc khác nhau. Là một trường thực hành với đặc thù, nhà trường không chỉ tập trung giáo dục văn hóa mà còn phải coi trọng giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho các thế hệ học sinh.

Trước thực trạng xã hội đang mai một, lai tạp các giá trị văn hóa truyền thống, đặc biệt là trong học sinh hiện nay, có nhiều học sinh dân tộc thiểu số đang đánh mất dần những thuần phong mỹ tục, chạy theo lối sống đua đòi, hưởng thụ. Nhiều em không sử dụng thậm chí là không biết ngôn ngữ của chính dân tộc mình, nhất là học sinh dân tộc phía Bắc (Thái, Tày, Nùng...); không biết hoặc biết rất mơ hồ về phong tục tập quán của dân tộc mình như: lễ hội, các làn điệu dân ca, nghi thức trong ma chay, cưới hỏi... Từ quá trình công tác chủ nhiệm, gắn bó với các em chúng tôi rút ra một số nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên:

Thứ nhất, xuất phát từ nếp nghĩ của bản thân các em cảm thấy tự ti, mặc cảm là người dân tộc thiểu số, nên không muốn mặc trang phục dân tộc mình và sử dụng tiếng mẹ đẻ.

Thứ hai, trong quá trình chung sống với nhiều dân tộc khác nhau nên ảnh hưởng cách sống, cách nghĩ, đặc biệt là gia đình của chính các em cũng không coi trọng việc giáo dục con em mình giữ gìn và phát huy những bản sắc dân tộc.

Thứ ba, là những ảnh hưởng, tác động của lối sống hiện đại công nghệ thông tin các trò chơi điện tử không lành mạnh.

3. Giải pháp giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh THPT qua công tác chủ nhiệm

3.1. Chú trọng giáo dục ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh

Trước hết, cần giúp các em hiểu giá trị văn hóa của mỗi dân tộc, ý nghĩa của các giá trị truyền thống; giáo dục các em phải luôn tự tôn, tự hào về những bản sắc của dân tộc mình; phân biệt rõ cho các em hiểu thế nào là sự tiếp thu học hỏi để làm phong phú văn hóa, thế nào là sự lai căng, pha tạp không cần thiết. Việc giáo dục ý thức cho các em không hời hợt, mà phải thường xuyên, không chỉ qua các tiết sinh hoạt 15 phút đầu giờ mà còn gặp gỡ các em qua các tiết ngoại khóa. Bên cạnh đó, giáo viên phải thường xuyên giáo dục học sinh biết trân quý những bản sắc của dân tộc mình như sử dụng tiếng mẹ đẻ, tìm hiểu các phong tục tập quán, lễ hội của dân tộc mình.

3.2. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh

Muốn thực hiện được điều này bản thân giáo viên chủ nhiệm phải có sự hiểu biết về vốn văn hóa và các phong tục tập quán của nhiều dân tộc khác nhau, nhất là các dân tộc bản địa như Êđê, M'ông và một số dân tộc phổ biến như Tày, Thái, Mường,... Trước khi hướng dẫn học sinh, giáo viên chủ nhiệm cần xây dựng kế

hoạch, dựa vào kế hoạch của nhà trường, các chủ điểm hoạt động của Đoàn thanh niên, chọn thời điểm, chủ điểm phù hợp và có thể mang lại hiệu quả giáo dục cao, thông báo và hướng dẫn học sinh thực hiện các hoạt động. Chẳng hạn, tập trung thực hiện các chủ điểm như sau:

*** Chủ điểm 20/11: Nhớ ơn Thầy Cô**

Tháng 11 hằng năm là tháng thường diễn ra nhiều hoạt động thi đua sôi nổi chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam. Bên cạnh việc thường xuyên đôn đốc, khích lệ các em thi đua trong học tập, rèn luyện, giáo viên chủ nhiệm xây dựng các hoạt động, nhất là các tiết mục văn nghệ, thông qua đó giáo dục bản sắc văn hóa cho học sinh như:

- Thi trình diễn trang phục dân tộc (yêu cầu lớp chuẩn bị trang phục của dân tộc: Kinh, Mnông, Hmông, Tày, Nùng, Mường, Êđê... Trong quá trình trình diễn một em thuyết trình ngắn gọn về đặc điểm của mỗi loại trang phục.

*** Chủ điểm thứ hai: Thi tìm hiểu Bản sắc văn hóa**

Đây là hoạt động nội bộ của lớp nhưng được tổ chức có đánh giá:

- Nhóm 1. Sưu tầm 5 truyện dân gian, thể hiện 3 làn điệu dân ca của các dân tộc thiểu số và nêu ý nghĩa của mỗi câu chuyện, nội dung, ý nghĩa của mỗi làn điệu dân ca.

- Nhóm 2. Thuyết minh về một phong tục tập quán , một đặc sản của dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên mà em ấn tượng nhất.

- Nhóm 3. Thuyết minh về một số phong tục truyền thống hoặc lễ hội dân gian trong dịp Tết của các dân tộc miền núi phía Bắc.

- Nhóm 4. Trong vai trò là một hướng dẫn viên du lịch em hãy giới thiệu cho khách tham quan về một nghề thủ công truyền thống và sản phẩm của nghề thủ công.

Sau hai tuần, cả 4 nhóm đều hoàn thành rất tốt nhiệm vụ, các nhóm đều thể hiện sự đầu tư công phu về cả phần nghe và phần nhìn bằng những minh họa, sản phẩm cụ thể, ấn tượng.

Kết quả:

- Nhóm 1 sưu tầm được 5 truyện dân cụ thể là: Người chồng bội bạc (H'mông), Tướng chết mà giàu sang, ác độc (Tày), Sự tích dòng sông Krông Ana (Ê đê) và các em trình bày được 3 làn điệu dân ca: hát Then (Tày), hát Sli (Nùng), một đoạn trong bài hát ru bằng làn điệu pá yong của dân tộc Mnông.

- Nhóm 2 thuyết minh về lễ hội đâm trâu và đặc sản là món cơm lam quen thuộc của đồng bào Tây Nguyên, trong quá trình thuyết minh các em không chỉ sưu tầm hình ảnh mà còn tự tay làm sản phẩm để minh họa.

- Nhóm 3 thuyết minh về tục đón giao thừa Pong-chay và tục đi lấy nước suối vào sáng mùng 1 của người Thái và Lễ hội Lồng Tồng của người Tày.

Nhóm 4 giới thiệu về nghề dệt thổ cẩm và sản phẩm là bộ váy áo thổ cẩm của người Êđê.

Trong quá trình thực hiện các em rất hào hứng và có ý thức hợp tác cùng làm việc, biết phân việc phù hợp với khả năng của từng bạn, biết nhờ sự hỗ trợ của cha mẹ, đặc biệt còn tự tay nấu cơm lam để minh họa, các em vừa rèn luyện được một số kỹ năng sống vừa lĩnh hội được rất nhiều kiến thức bổ ích để phục vụ cho học tập và cuộc sống.

*** Chủ đề ngày 26/3: Lễ hội Văn hóa dân gian, khéo tay hay làm**

Nhà trường đã tổ chức các trò chơi vận động như nhảy bao bố, bịt mắt đánh

trống, nhảy sạp..., cuộc thi ẩm thực dân gian do học sinh tự chế biến như: bánh chưng, bánh tét, bánh bột lọc... được trưng bày tại các gian hàng của các lớp. Ngoài ra, tại lễ hội cũng diễn ra cuộc thi Trang phục truyền thống và các tác phẩm văn học dân gian trong chương trình Ngữ văn 10 được sân khấu hóa như: Truyền thuyết An Dương Vương, Mỵ Châu - Trọng Thủy; Truyện cười Tam đại con gà, nhưng nó phải bằng hai mày; Chiến thắng Mtao - Mxây... Ngày hội văn hóa dân gian thật sự là hoạt động hết sức bổ ích và thiết thực, giúp các em được tiếp cận vốn văn hóa dân tộc, nâng cao nhận thức và thấy tự hào về đất nước mình và khắc sâu bài học, tôn vinh những giá trị truyền thống cội nguồn dân tộc, nhằm khắc sâu kiến thức các em đã học trong sách vở.

3.3. Phát huy thế mạnh của bộ môn giảng dạy vào công tác chủ nhiệm

Giáo viên chủ nhiệm bao giờ cũng là một giáo viên trực tiếp giảng dạy một bộ môn nào đó mà bất kỳ môn học nào – nhất là các môn xã hội như Văn, Sử, Địa, GDCD, đều có thể khai thác để giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho học sinh. Đối với giáo viên chủ nhiệm, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm ở trường thực hành sư phạm, thời gian tiếp cận, gặp gỡ học sinh khá nhiều như ngoài các tiết dạy, sinh hoạt 15 phút đầu giờ, tiết sinh hoạt, giáo viên chủ nhiệm còn phải quản lý học sinh vào các buổi tự học, theo dõi việc ăn ở, sinh hoạt của các em ở kí túc xá... Cho nên, ngoài những tiết học trên lớp, giáo viên chủ nhiệm còn khéo léo, linh động liên hệ lồng ghép kiến thức bộ môn có liên quan đến những giá trị văn hóa dân tộc vào thực tiễn đời sống để giáo dục các em.

Chẳng hạn, đối với môn Ngữ Văn, hầu hết các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học viết đều có thể khai thác nội dung giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc, và giáo viên sẽ giúp học sinh phát hiện, xử lý và hệ thống hoá tri thức về văn hoá dân tộc, bản sắc văn hoá của từng dân tộc thông qua các hình tượng nghệ thuật.

- Các tác phẩm văn học dân gian như:

+ Truyện cổ tích khai thác các nội dung về quan hệ ứng xử, giá trị nhân đạo, phong cách ứng xử văn hoá, quan niệm về thiện - ác, nhân - quả, những bài học về đạo lý làm người.

+ Các bài ca dao, tục ngữ khai thác hình ảnh, hình tượng về nông thôn Việt Nam, cảnh sinh hoạt, lao động sản xuất hay sinh hoạt gia đình, quan hệ ứng xử, quan hệ tình bạn tình yêu, phong tục nếp sống của cộng đồng người Việt, tình cảm yêu quê hương đất nước...

- Các tác phẩm của văn học viết phong phú, đa dạng:

+ Khai thác các hình ảnh, phong tục, tập quán tốt đẹp cũng như tình cảm sâu đậm của người Việt Bắc (người Tày, người Nùng) đối với cách mạng qua các hình ảnh: “áo chàm chia buổi phân li; Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay” (Việt Bắc); hoặc sự luyến tiếc vẻ đẹp thôn quê của Nguyễn Bính: “Còn đâu cái áo lụa sồi, cái khăn mỏ quạ cái quần nải đen” (Chân quê); hay trong bài Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm có thể khai thác được rất nhiều những giá trị văn hóa truyền thống của người Việt như: đặc trưng của một nền văn minh lúa nước, tục ăn trầu, tục búi tóc, cách lý giải về nguồn gốc những danh lam thắng cảnh...

+ Các tác phẩm truyện ngắn: Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành; Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài..., có thể khai thác các hình tượng nhân vật tiêu biểu cho

văn hoá các dân tộc miền núi. Qua tác phẩm này, cũng như có thể thống kê hàng loạt các hình ảnh tiêu biểu cho lối sống phong tục tập quán của người Mèo (phong tục ăn Tết, chơi xuân; tục bắt vợ, tục cúng ma trình làng, phạt vạ...). Hình ảnh cụ Mết (trong Rừng Xà nu) là biểu tượng cho núi rừng Tây Nguyên hùng vĩ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược. Đồng thời, tác phẩm cũng hiện lên hình ảnh những con người Tây Nguyên với các nét phẩm chất đẹp đẽ như: lòng quả cảm đáng kính trọng cùng với những phong tục tập quán, những giá trị văn hoá lâu đời đã được gìn giữ, đã được phát triển và đã góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại cho dân tộc.

3.4. Kết hợp giáo dục giữa gia đình và giáo viên chủ nhiệm

Gia đình, nhà trường, xã hội là ba môi trường liên kết, gắn bó chặt chẽ với nhau trong quá trình hình thành và phát triển của mỗi cá nhân. Gia đình là một trong ba môi trường xã hội hoá trẻ em, quyết định trực tiếp tới mặt tự nhiên và xã hội trong mỗi con người, thông qua gia đình mỗi cá nhân người ngày càng hoàn thiện cả về mặt tự nhiên và mặt xã hội. Gia đình còn là nơi lưu giữ, bảo tồn, truyền dạy, phát huy tốt nhất cho các thành viên trong gia đình những giá trị văn hóa truyền thống, cũng như tiếp nhận những giá trị văn hóa hiện đại tạo nên những giá trị văn hoá tốt đẹp, vừa truyền thống vừa hiện đại. Từ đó, góp phần hình thành nên nhân cách con người Việt Nam hoàn thiện và chuẩn mực vừa truyền thống, góp phần gìn giữ bản sắc văn hoá gia đình truyền thống của dân tộc, vừa hiện đại góp phần đưa gia đình truyền thống Việt Nam hòa nhập vào xu thế hiện đại. Chính vì vậy, trong quá trình giáo dục học sinh, giáo viên phải hết sức coi trọng việc tác động gia đình cùng phối hợp để giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho các em. Đối với học sinh trường THPT Thực hành Cao Nguyên việc gặp mặt, tiếp xúc với phụ huynh học sinh gặp nhiều khó khăn, bởi hầu hết các em đến từ các huyện xa xôi. Cho nên, giáo viên cần nêu rõ những hiện trạng thực tế và những nguy hại của sự mai một các giá trị văn hóa dân tộc để phụ huynh hiểu rõ, tiếp đó giải thích để phụ huynh thấy được vai trò, ý nghĩa của bản sắc văn hóa mỗi dân tộc đối với việc giữ gìn và phát triển đất nước. Đồng thời, cũng cần phân biệt cho cha mẹ học sinh hiểu được những bản sắc văn hóa cần được khôi phục, bảo tồn (ngôn ngữ, các giá trị văn hóa dân gian, các nghi thức, lễ hội...) và đâu là những hủ tục lạc hậu cần phải xóa bỏ (nạn tảo hôn, chữa bệnh bằng cúng bái, tục thách cưới tốn kém ở một số dân tộc...). Từ đó, giáo viên đề nghị phụ huynh cần chú ý giáo dục bản sắc dân tộc cho con em mình bằng hành động thiết thực chẳng hạn: Sử dụng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp với cha mẹ, dạy cho các em chữ viết của dân tộc mình; khuyến khích con em mặc trang phục dân tộc trong các dịp lễ tết hoặc khi gia đình, họ hàng có việc trọng đại; dạy các em biết ít nhất một nghề truyền thống – bởi đa phần ông bà, cha mẹ các em đều biết dệt thổ cẩm, đan mây, tre, thậm chí có phụ huynh còn là nghệ nhân nổi tiếng của tỉnh; đối với những phụ huynh là người dân tộc bản địa như Mạ, MNông, Ê đê...nên dạy cho các em biết cách đánh cồng chiêng và hiểu được cơ bản về không gian văn hóa cồng chiêng.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho học sinh, đặc biệt là học sinh ở Trường THPT Thực hành Cao Nguyên trở thành một nhiệm vụ quan trọng, cần thiết đối với chiến lược phát triển con người văn hóa trong thời đại mới. Thông qua quá trình tổ chức nghiên cứu thực tế và với mục đích góp phần vào nhiệm vụ giáo dục bản sắc

văn hoá dân tộc cho học sinh, chúng tôi đưa ra những kết luận sau: Một là, vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc cho học sinh trong các trường THPT tuy đã được quan tâm nhiều song hiệu quả chưa cao. Một trong những lý do cơ bản là vấn đề giáo dục bản sắc văn hoá các dân tộc chưa được thể hiện rõ nét trong nội dung giáo dục, phương thức giáo dục cũng như tổ chức các hoạt động. Hai là, giữa nhận thức về tầm quan trọng của nhiệm vụ giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc với hành vi thực hiện của học sinh có sự khác nhau. Việc nghiên cứu lối sống của học sinh qua hoạt động học tập, sinh hoạt giao lưu, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao... đã cho thấy các em chưa thể hiện rõ nét bản sắc văn hoá của dân tộc mình.

Từ thực tiễn đã được khảo sát và kết quả đạt được, tôi mạnh dạn nêu ra những kiến nghị như sau:

Cần xây dựng các biện pháp đồng bộ nhằm giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc nói chung và bản sắc các dân tộc cho học sinh các trường THPT, cần coi trọng nội dung cơ bản của quá trình giáo dục bản sắc văn hoá dân tộc là quá trình tiếp thu cái hay, cái tốt có ở mọi dân tộc, để tiếp biến thành cái riêng của mình. Như vậy, việc giữ gìn đồng thời với việc phát triển theo định hướng sáng tạo. Giá trị nhân văn được coi là linh hồn của bản sắc văn hoá, là định hướng cơ bản của giáo dục bản sắc văn hoá trong nhà trường. Các biện pháp cơ bản cần thực hiện ngay trong các trường THPT hiện nay là: xây dựng chương trình giáo dục chính khoá theo hướng lồng ghép, tích hợp đồng thời với việc tổ chức các chuyên đề ngoại khoá nhằm hình thành và phát triển nhân cách văn hoá cho học sinh; phát triển các kỹ năng tìm hiểu các giá trị văn hoá của dân tộc mình của học sinh, kỹ năng tìm hiểu, thẩm thấu các giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2001), Thiết kế mẫu một số môđun giáo dục môi trường ở trường phổ thông, (Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và DANIDA.
2. Nguyễn Lân Dũng (2001), Xã hội văn minh và con người văn hoá, Tạp chí Tài hoa trẻ, số (150) tr.6.
3. Phạm Minh Hạc (2000), Hồ Chí Minh về văn hoá và con người, Tạp chí Thế giới trong ta, số (114), tr.5.
4. Viện khoa học giáo dục Việt Nam (1993), Bản sắc dân tộc về những vấn đề đặt ra cho giáo dục và đào tạo. Lưu hành nội bộ.
5. Lê Ngọc Trà (2000), “Về những hướng tiếp cận vấn đề đặc trưng và bản chất văn hoá Việt Nam”, Tạp chí Văn học số (10), tr.20.
6. Trần Ngọc Thêm (1997), Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam, NXB Thành phố Hồ Chí Minh,
7. Ngô Đức Thịnh - Đa dạng văn hoá và sự phát triển xã hội hiện nay. Tạp chí Cộng sản, số 15 - 8/1997.
8. Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ sở văn hoá Việt Nam, NXB Giáo dục.

GIÁO DỤC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN TRONG DẠY HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Minh Hải

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tây Nguyên

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất, đã để lại hệ thống tư tưởng toàn diện và sâu sắc về văn hóa, trong đó có nội dung bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Bài viết khái quát nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nêu lên một số nội dung và giải pháp giáo dục bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên giai đoạn hiện nay thông qua dạy học tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ khóa: bảo tồn, phát huy, bản sắc văn hóa, tư tưởng Hồ Chí Minh, sinh viên.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Hướng tới kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1990), tại Khóa họp 24 của Đại Hội đồng tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã thông qua Nghị quyết ghi nhận Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam. Nghị quyết khẳng định: Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam và góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân loại và hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; Người có sự đóng góp quan trọng về nhiều mặt trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật; tư tưởng của Người là sự kết tinh truyền thống văn hóa hàng ngàn năm của dân tộc Việt Nam, hiện thân cho khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau.

Cống hiến của Nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh thể hiện ở nhiều mặt, trong đó nổi bật là việc xác lập hệ thống quan điểm về văn hóa và xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam. Tháng 8/1943, trong phần cuối của tập Nhật ký trong tù (Mục đọc sách) Hồ Chí Minh đưa ra quan niệm về văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”³.

Trong quan niệm này, Hồ Chí Minh đã tiếp cận văn hóa theo nghĩa rộng nhất, đó là toàn bộ những giá trị vật chất và những giá trị tinh thần mà loài người đã sáng tạo ra, nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống, đòi hỏi của sự sinh tồn và cũng là mục đích cuộc sống của loài người. Quan niệm này khắc phục được nhận thức phiến diện về

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, t.3, tr.458.

văn hóa trong lịch sử và hiện tại, coi văn hóa là lĩnh vực tinh thần, văn học, nghệ thuật, hoặc là giáo dục, phản ánh trình độ học vấn.

Trong quá trình tồn tại và phát triển của mình, một dân tộc tất yếu có sáng tạo văn hóa, đó là ngôn ngữ, đạo đức, pháp luật, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày,... Những sáng tạo này giúp cho dân tộc đó vươn lên làm chủ tự nhiên và làm chủ cuộc sống của mình. Chính những sáng tạo văn hóa, sự thể hiện những giá trị văn hóa trong đời sống hàng ngày, giúp cho dân tộc đó khẳng định sự tồn tại của mình trong thực tế. Mất văn hóa đồng nghĩa với việc dân tộc đó không còn tồn tại. Vì lẽ đó, theo Hồ Chí Minh việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc có ý nghĩa sống còn đối với mỗi dân tộc.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của văn hóa, ngay sau khi nước nhà độc lập, Hồ Chí Minh với cương vị là Chủ tịch nước, đã bắt tay ngay vào việc chỉ đạo, thiết kế, xây dựng nền văn hóa dân tộc, đó là nền văn hóa mới mang tính dân tộc, khoa học và đại chúng. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc chính là xây dựng tính dân tộc cho nền văn hóa.

Tính dân tộc của nền văn hóa được Hồ Chí Minh biểu đạt bằng nhiều khái niệm như đặc tính dân tộc, cốt cách dân tộc, nhằm nhấn mạnh đến chiều sâu bản chất của văn hóa dân tộc, giúp phân biệt, không nhầm lẫn với văn hóa của các dân tộc khác. Người cho rằng, để được như vậy phải trau dồi cho văn hóa, văn nghệ có tinh thần thuần túy Việt Nam, phải lột tả cho hết tinh thần dân tộc, đó là chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập, tự cường, mình vì mọi người, cần kiệm liêm chính,...

Bản sắc văn hóa dân tộc được nhìn nhận qua hai lớp quan hệ. Về nội dung, đó là lòng yêu nước, thương nòi; tinh thần đoàn kết; tinh thần độc lập, tự cường, tự tôn dân tộc,... Về hình thức, cốt cách văn hóa dân tộc biểu hiện ở ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội, cách suy nghĩ, hành động,...

Bản sắc văn hóa dân tộc chứa đựng những giá trị lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trách nhiệm của các thế hệ người Việt Nam là phải trân trọng, giữ gìn, phát huy, phát triển những giá trị của văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng của từng giai đoạn lịch sử.

Theo Hồ Chí Minh, nội dung giáo dục bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phải bắt đầu từ giáo dục lịch sử và phải đặc biệt quan tâm đến việc giáo dục lịch sử cho mọi tầng lớp nhân dân: “Dân ta phải biết sử ta. Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”⁴. Hiểu lịch sử dân tộc tức là hiểu được sự sinh tồn, sự sống, sự sáng tạo văn hóa của dân tộc tích lũy qua quá trình lịch sử, từ đó mỗi người trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa đó trong điều kiện lịch sử mới.

Giữ gìn bản sắc dân tộc không có nghĩa là nền văn hóa khép kín. Giữ gìn bản sắc nhưng đồng thời phải tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho nền văn hóa của dân tộc. Người chỉ rõ: “Tây phương hay Đông phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và văn hóa nay, trau dồi cho văn hóa Việt Nam thật có tinh thần thuần túy Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ”⁵. Như vậy, mục đích của việc tiếp thu văn hóa nhân loại là để làm giàu cho văn hóa Việt Nam, xây dựng văn hóa Việt Nam hợp với

⁴Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, t.3, tr.255.

⁵Hồ Chí Minh: *Về văn hóa*, Báo tăng Hồ Chí Minh xuất bản, Hà Nội, 1997, tr.350.

tinh thần dân chủ. Nội dung là tiếp thu toàn diện bao gồm Đông, Tây, kim, cổ. Tiêu chí tiếp thu là cái gì hay, cái gì tốt ta học lấy. Lấy văn hóa dân tộc làm gốc, đó là điều kiện, cơ sở để tiếp thu văn hóa nhân loại.

2. Nội dung và giải pháp giáo dục bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên trong dạy học tư tưởng Hồ Chí Minh

Trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, từ các ngành sư phạm, lý luận chính trị, khoa học tự nhiên - công nghệ đến các ngành y dược, kinh tế, nông lâm, chăn nuôi, thú y. Đối tượng sinh viên cũng rất đa dạng, thuộc nhiều dân tộc khác nhau, từ dân tộc thiểu số tại chỗ đến dân tộc thiểu số từ nơi khác di cư đến Tây Nguyên, có cả sinh viên nước ngoài là sinh viên Lào học tập. Trong dạy học tư tưởng Hồ Chí Minh liên quan đến nội dung giáo dục bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cần hết sức chú ý đến tính đa dạng về ngành nghề và thành phần dân tộc của sinh viên.

Nội dung giáo dục bảo tồn và và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc không phải là một bài riêng trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh mà là một phần ở trong chương 6 “Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người”.

Trong quá trình dạy học, giảng viên cần chú ý tập trung khai thác các nội dung sau:

- Giáo dục đạo đức mới: cụ thể là giáo dục phẩm chất “trung với nước, hiếu với dân”, “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, “tình yêu thương con người, sống tình nghĩa”. Phân tích, làm rõ nội hàm của những phẩm chất đạo đức này được xây dựng trên cơ sở kế thừa, phát triển các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Giáo dục lối sống mới: đó là lối sống có lý tưởng, hoài bão, văn minh, kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại. Sửa đổi cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại, cách làm việc cho phù hợp với đời sống hiện tại.

- Giáo dục phong cách sống, phong cách làm việc: sống khiêm tốn, giản dị, chừng mực, ngăn nắp, vệ sinh, yêu lao động, biết quý trọng thời gian, cởi mở, chân tình, độ lượng, khoan dung. Trong làm việc cần giáo dục tác phong quần chúng, tác phong tập thể - dân chủ, tác phong khoa học. Đặc biệt chú ý việc nêu gương, nói đi đôi với làm.

Trong quá trình dạy học luôn chú ý liên hệ những vấn đề chung của tư tưởng Hồ Chí Minh với các nội dung sinh hoạt, học tập cụ thể của sinh viên, cũng như phong tục, tập quán của sinh viên dân tộc thiểu số. Trong đó, đặc biệt chú ý liên hệ với việc thực hiện 03 qui định hiện hành đối với sinh viên của Trường Đại học Tây Nguyên:

(1) Qui định thực hiện văn hóa học đường đối với sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên (Ban hành theo Quyết định 1576/QĐ-ĐHTN-CICT&HSSV ngày 16/8/2016 của Hiệu trưởng).

Qui định này nhằm giúp sinh viên rèn luyện lối sống, phong cách sống văn minh, xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện.

(2) Qui định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính qui Trường Đại học Tây Nguyên (Ban hành theo Quyết định 2570/QĐ-ĐHTN-CICT&HSSV ngày 6/12/2018 của Hiệu trưởng).

Qui định này giúp đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên chặt chẽ, khách

quan, công bằng, góp phần giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh, nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

(3) Quy chế công tác sinh viên hệ chính qui Trường Đại học Tây Nguyên (Ban hành theo Quyết định 2003/QĐ-ĐHTN ngày 05/11/2021 của Hiệu trưởng).

Quy chế này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt và nghiên cứu khoa học nhằm thực hiện triết lý phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học và mục tiêu chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; có đạo đức, tri thức, sức khỏe và ý thức nghề nghiệp cao, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có khả năng đáp ứng, thích nghi với yêu cầu và thực tiễn lao động sản xuất.

Việc gắn nội dung giáo dục bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc với việc thực hiện các quy định, quy chế nêu trên là cần thiết để gắn lý luận với thực tiễn, tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của sinh viên, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của từng ngành đào tạo của Nhà trường, phù hợp với triết lý, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi mà Trường Đại học Tây Nguyên đã nêu ra.

3. Kết luận

Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là một nội dung quan trọng trong tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh. Nội dung này đã được Đảng ta cụ thể hóa thành đường lối xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Do đó, việc giáo dục nội dung này cho sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên là rất cần thiết, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Quá trình giáo dục không thể tách rời đặc thù của từng ngành nghề đào tạo và triết lý, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi mà Nhà trường đã nêu ra./.

HÀNH TRÌNH SƯU TẦM CHÉ TUK NGƯỜI Ê ĐÊ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

ThS. Đặng Quốc Huy

Trung Tâm Thông tin, Trường Đại học Tây Nguyên

Ché cổ là một chủ đề được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, đặc biệt là ché cổ Bình Định, cũng như mối quan hệ giữa ché Tuk ở Đắk Lắk với ché cổ Bình Định. Bài viết sau nêu lên một số vấn đề liên quan đến nội dung trên.

1. Các cơ sở sản xuất Ché Tuk tại Bình Định

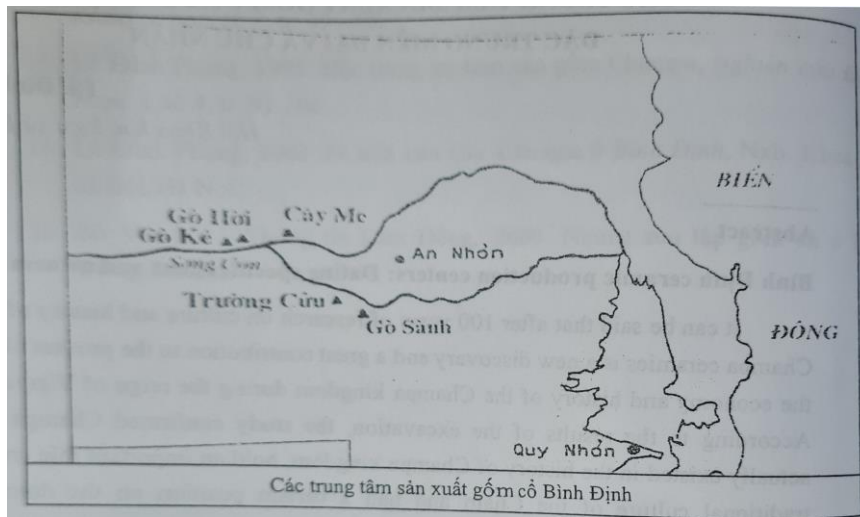
1.1 Một số trung tâm sản xuất

Hơn 500 năm hình thành và phát triển gốm cổ Gò Sành xuất hiện trong lịch sử như những kẻ tiên phong. Chính vì vậy, Gốm Gò Sành hay Gốm Chăm được nhắc đến qua công trình nghiên cứu của một của một học giả người Mỹ R.M. Brown chuyên gia nghiên cứu về gốm cổ Đông Nam Á. Nhờ nhân duyên bà đã tiếp cận với nhà sưu tập gốm cổ Gò Sành Hà Thúc Cần ở Hồng Kông, bà R.M. Brown đã viết một chương luận án tiến sĩ về dòng gốm Gò Sành cho công trình nghiên cứu của mình. Bình Định còn được biết đến là một trung tâm gốm cổ với sáu lò sản xuất gốm tập trung trong thời đại vương triều Vijaya (Thế kỉ 11 -15). Những phát hiện về gốm cổ tại Bình Định từ năm 1974 đến nay vẫn còn quá nhiều bí ẩn chưa được giải mã. Gốm cổ Bình Định cũng đã được tìm thấy tại nhiều nơi trên thế giới, từ Indonesia, Philippines, Brunei, Nhật cho đến Ai Cập, Các tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Pháp ...

Gốm Cổ Gò Sành được gọi chung cho 6 trung tâm sản xuất gốm men và đất nung, các trung tâm nằm trên địa bàn An Nhơn và Tây Sơn. Tại thị xã An Nhơn có các lò: Khu lò Gò Cây Me; khu lò Gò Sành; khu lò Trường Cửu; Tại huyện Tây Sơn có các lò: khu lò Gò Ké, khu lò Gò Hời và khu lò Gò Giang. Tất cả các khu di tích này đều nằm dọc hai bờ sông Côn chảy vào vịnh Thị Nại (cảng Quy Nhơn ngày nay) - một vị trí thuận lợi để vận chuyển bằng đường thủy.

Tất cả các khu lò trung tâm sản xuất gốm cổ đều nằm phía tây thành Đồ Bàn và gần như có cùng một mẫu số chung về: kĩ thuật xây dựng lò, vị trí phân bố, cấu trúc mặt bằng, kĩ thuật nung, nguyên liệu sản xuất, tạo dáng, màu men, hoa văn trang trí, ...

Những cuộc khai quật khảo cổ tại Gò Sành được thực hiện vào các năm 1991, 1992, 1993. Đến năm 1994 bên cạnh các nhà khoa học Việt Nam, có thêm sự hợp tác của các học giả Nhật Bản. Trong số các di chỉ lò sản xuất Ché Tuk đã được xác định ở Khu lò gốm Trường Cửu, Khu lò gốm Trường Cửu và Khu lò gốm Gò Cây Me.



Khu lò gốm Gò Sành: Thuộc thôn Phú Quang, Xã Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn. Hiện nay là khi định cư của dân, khảo sát trên từng khu vườn còn khá nhiều khu gò nhỏ cao vồng lên so với bề mặt xung quanh. Trên bề mặt các gò, đất có màu đỏ gạch, không ít đoạn tường lò còn sót lại, xung quanh vương vãi nhiều mảnh sành chén bát, hũ, ché, bao nung. Với những hiện diện của dấu tích có thể khẳng định đó là dấu tích của lò nung. Khảo sát trên bề mặt của làng Phú Quang, chúng tôi xác định có ít nhất 20 phế tích lò nung. Tài Gò Sành đã tiến hành 4 cuộc khai quật, trong đó có 1 cuộc khai quật hợp tác Việt – Nhật. Đây là khu lò mà các nhà nghiên cứu, khảo cổ tiến hành khai quật đầu tiên, mở đầu cho việc nghiên cứu gốm cổ Chăm Bình Định.

Khu lò gốm Trường Cửu: Trường Cửu, tục danh của một thôn định cư của dân dọc theo triền bờ sông Côn. Trên bề mặt các gò, đất có màu đỏ gạch, không ít đoạn tường lò còn sót lại, xung quanh vương vãi nhiều mảnh sành chén bát, hũ, ché.

Khu lò gốm Cây Me: Có 2 cây Me cổ thụ rất là to, vị trí gần giống với khu lò gốm Gò Sành, khu lò gốm Trường Cửu là nằm ven sông Côn, xung quanh bên Sông người để người dân đi tắm bò và giặt quần áo gần khu lò gốm Cây me có nhiều mảnh sành chén bát, hũ, ché.



Nhà Sư tầm, nghiên cứu Đặng Quốc Huy đi thực tế tại khu lò Gò cây Me



Các nhà khoa học đang tiến hành khai quật khảo cổ học di chỉ lò gốm Gò Cây Me (xã Nhơn Mỹ, TX An Nhơn, Bình Định).

1.2. Kỹ thuật sản xuất Ché các lò gốm Bình Định

1.2.1 Về cấu trúc lò

Từ trước đến nay, các tài liệu công bố về các khu lò gốm được khai quật và nghiên cứu chủ yếu ở các tỉnh phía bắc Việt Nam. Dựa vào kích thước, cấu trúc lò các nhà nghiên cứu chia ra lò gốm Việt Nam có 2 dạng, lò Cốc và lò Rồng.

Lò Cốc: Về kích thước lò, lò Cốc dài từ 2m-4m. Hình dáng lò Cốc có dạng như cái chai, bên trong có 2 phần: bầu lò và thân lò. Bầu lò hình như cái phễu, thân lò hình chữ nhật, cửa ra vào sản phẩm trên thân lò.

Lò Rồng: Rồng dài từ 12 m trở lên, phía Bắc mà đại diện là lò Đại Lai – Bắc Ninh, dáng hình chữ Nhật, cấu trúc bên trong chia làm 3 phần: bầu lò, thân lò, hậu lò, Bầu lò có hình phễu, bên hông có cửa ra vào sản phẩm, ống khói trở hậu lò kích thước dài 12m.

Lò Bình Định, hình dáng gần giống với lò Đại Lai – Hà Bắc, cấu trúc bên trong chia làm 3 phần: bầu lò, thân lò và hậu lò. Kích thước dài 14m, cửa tiếp lửa và cửa vào sản phẩm bên hông, ống khói ở phần hậu lò.

Vật liệu xây dựng, lò Đại Lai vật liệu dùng gạch đặc, không có tường hậu, lò Bình Định vật liệu xây dựng có hai giai đoạn, thời kỳ đầu tường đất, thời kỳ sau tường bao nung. Cả hai lò ống khói đều bố trí phía sau hậu lò. Lò Đại Lai chỉ có 1 ống khói duy nhất, lò Bình Định bố trí 5 ống khói thoát thẳng ra phía sau hoặc thẳng đứng lên trời. Nền lò Đại Lai tạo dật cấp, lò Bình Định tạo nền phẳng dốc từ cửa lò lên đến hậu lò theo một độ dốc hợp lý.

Với những đặc trưng của hai dạng lò Đại Lai và Bình Định, các nhà nghiên cứu xếp lò Đại Lai thuộc dạng lò Rồng và lò Bình Định thuộc dạng lò ống một buồng lò, một kỹ thuật xây dựng rất khác so với các lò đã phát hiện.

Qua một số đặc trưng nêu trên, có thể nói các lò gốm Bình Định không lẫn với bất cứ khu lò nào hiện biết ở nước ta.

1.2.1 Về kỹ thuật xây dựng

1.2.1.1 Vị trí xây cất. Các khu lò gốm Bình Định giống với tất cả đặc điểm của các dân tộc khác khi chọn địa điểm xây dựng đó là “*Cận Giang*” tất cả các khu lò Bình Định đều nằm dọc ven bờ tả và hữu ngạn sông Côn, và đều nằm trong khu giàu nguyên liệu về đất sét và chất đốt.

1.2.1.2 Hướng lò: Sau khi bóc tách làm rõ tường khu lò từ Gò Sành, Gò Hời và Trường Cửu, chúng tôi cho rằng việc xây dựng lò gốm cổ Bình Định hoàn toàn không chọn một hướng nào cố định, đó là điều rất khác biệt của các kiểu xây dựng lò gốm Bình Định, điều này đã kiểm chứng qua khai quật tại 3 khu lò Gò Sành, Gò Hời và Trường Cửu trên đất Bình Định.

1.3. Về nung đốt sản phẩm

Quá trình bóc tách làm rõ phần hậu lò, kiểm tra hố than không thấy dấu vết than củi, với chứng cứ vật chất để lại có thể khẳng định nguyên liệu dùng nung đốt trong các lò gốm Bình Định là dạng củi nhỏ, điều này khác với các lò phía bắc dùng củi gỗ lớn, củi cành để khai thác và là nguyên liệu rất dồi dào, một vấn đề nữa là nhóm lò nhanh, chi phí thấp và một yếu tố khác nữa đó là có thể chủ động điều chỉnh nhiệt độ trong lò nung, cao hay thấp khi cần thiết.



Chồng xếp sản phẩm trong lò nung, trong 5 lần khai quật tại Gò Sành và Gò Hời, giới nghiên cứu trong nước và nước ngoài cho rằng cách chồng xếp sản phẩm đều được bỏ vào trong bao nung loại này chỉ có 1 bao nung dùng cho 1 sản phẩm Ché Tuk hay sản phẩm độc bản.

Một vấn đề trước đây chưa được làm rõ, cách chồng xếp sản phẩm vào lò, bao nung đặt úp hay ngửa lên, chưa ai lý giải? khi khai quật khu lò gốm khu lò Trường Cửu những tồn tại chưa được giải thích thì tại đây những người tham gia khai quật đã tìm ra lời giải đáp trong kĩ thuật ra vào sản phẩm và cách xếp các bao nung trong lò.

Cách chồng xếp bao nung: Từ những dấu vết để lại bên ngoài trên nhiều đáy các bao nung chúng tôi cho rằng, cách chồng xếp bao nung và lò là úp miệng vào bao nung, cứ cái này úp vào đáy cái kia không phải ngửa lên ngộ nhận từ trước đến nay. Việc chồng xếp bao nung ngửa hay sấp có gì liên quan đến kĩ thuật mà là một cách tiết kiệm nắp đáy mà thôi. Ngoài ra cũng phát hiện ra bao nung loại hiện vật độc bản dùng cho các sản phẩm hũ, bình, ché tuk, ...



Chồng xếp sản phẩm
Sản phẩm đơn trong bao nung

2. Kĩ thuật tạo hình, men, hoa văn trên ché Tuk

Vùng đất An Nhơn có trữ lượng lớn đất sét nguyên liệu để làm Ché Tuk. Tác giả giới thiệu quy trình nghệ nhân làm ra những chiếc Ché Tuk người Ê Đê huyền bí.

Bước đầu tiên trong quy trình làm ché Tuk là phải chọn đất sét loại tốt nhất. Bước tiếp theo, đất sét được tinh luyện qua nhiều công đoạn để có thể lấy được đất tốt nhất để có thể làm ché Tuk.

Đất sét sau khi được khai thác thường rất rắn nên phải được tưới nước rồi dùng mai thái mỏng. Sau đó, đất sẽ được loại bỏ những tạp chất và dùng chân nhào thật kỹ rồi đắp thành từng đồng lớn. Đất sẽ được thái đi thái lại nhiều lần để tạo nên độ mịn, dẻo. Bước làm gốm đầu tiên này gọi là thấu đất.

Các bước tạo hình để hoàn thiện ché Tuk. Trên thực tế, có tới 3 phương pháp để tạo hình gốm chính, đó là: Tạo hình trên bàn xoay; Tạo hình bằng khuôn in; Nặn đắp bằng tay. Tuy nhiên, có những trường hợp sản phẩm phức tạp được tạo ra bởi sự kết hợp giữa cả 3 phương pháp trên.

Khi sản phẩm mộc đã hoàn chỉnh, người nghệ nhân có thể nung sơ gốm ở nhiệt độ thấp rồi đem tráng men hoặc dùng ngay sản phẩm mộc đó trực tiếp tráng men rồi mới nung. Người nghệ nhân thường chọn phương pháp tráng men trực tiếp lên trên gốm mộc hoàn chỉnh. Trước khi đem tráng men, sản phẩm phải được làm sạch bụi bằng chổi.

Sản phẩm mà xương gốm có màu trước khi tráng men bắt buộc phải có một lớp men lót để có thể che bớt màu của xương gốm và đồng thời cũng phải tính toán đến tính năng của mỗi loại men định tráng trên từng loại xương gốm, nồng độ men, mức độ khô của xương gốm và cả thời tiết.

Men gốm Gò Sành là một khâu rất quan trọng để quyết định thành bại về sản phẩm. Theo nghiên cứu các chuyên gia về men gốm Gò Sành được mua ở Thương cảng Cổ Hội An và pha trộn theo công thức riêng: tro rơm, đá xay, vôi, vỏ cây rừng, ... Men sử dụng trong ché Tuk nói riêng người sản xuất họ sử dụng men lửng để tiết kiệm.

Một số màu đặc trưng của ché Tuk Gò Sành: Da lương, nâu, xám, dưa cải, xanh ngọc, vàng đậm.

Hoa văn trên ché Tuk Gò Sành được chia làm 2 loại: vẽ que và đắp nổi (đắp nổi thủ công và đắp nổi in khuôn).

3. Mối quan hệ Ché Tuk tỉnh Đắk Lắk với lò gốm Gò Sành Bình Định

Đắk Lắk là một miền đất trên cao nguyên, có 47 dân tộc anh em tạo nên một cộng đồng văn hóa đa dạng độc đáo. Bức tranh phong phú phong phú về tộc người và đa dạng văn hóa được tạo dựng bằng truyền thống ba dân tộc bản địa: Êđê, Mnông, Giarai, có văn hóa xuất phát từ lịch sử phát triển của nền văn minh nương rẫy như: Luật tục, sử thi, hát dân ca, múa chim, ... Gắn liền với các lễ nghi, lễ hội theo vòng đời người hay các mối quan hệ xã hội.

Trong quá trình thực hành các lễ thức, cổ một hiện vật không thể thiếu, đó là những chiếc ché làm bằng gốm, ủ rượu từ men lá, củ, quả của rừng, uống bằng cần gọi là “*rượu cần*”. Theo quan niệm người Êđê các vị Yang trú ngụ ở khắp mọi nơi, trong mỗi chiếc ché đều có một linh hồn. Do đó, ché không đơn thuần là một hiện vật, mà còn mang tính thiêng. Bên cạnh đó, ché còn là phương tiện giao lưu sinh hoạt cộng đồng, dòng họ, ...

Người Êđê phân biệt ché thành bốn loại chính là: ché Tuk, ché Tang, ché Ba, ché Bô. Ngoài ra còn có các loại ché Jăn, ché Duê, ché Kriăk, ... Do có nhiều địa phương, nên đôi khi cùng một loại ché nhưng lại có tên gọi khác nhau.



Tác giả nghiên cứu về mối quan hệ ché Tuk và lò gốm cổ Gò Sành Bình Định. Người bản địa theo lối sống tự cung tự cấp, những chiếc ché được đổi bằng sản vật của gia đình như heo, bò, trâu, voi cho thương lái từ miền Trung tỉnh Bình Định sử dụng hình thức di chuyển là con đường trên bộ.

Ché Tuk được coi là loại ché quý nhất (phải đổi ngang 1 con voi hay 8 con trâu),

chỉ được sử dụng trong các lễ nghi rất quan trọng, có con vật hiến sinh từ heo đực hiến trở lên. Ché Tuk cũng không thể cho mượn, người ít tuổi không được lại gần, phải cất kín ở nơi riêng biệt. Đối với đồng bào Tây Nguyên, chiêng, ché được coi là tài sản quý giá nhất, do đó người ta thường cất giữ trong nhà để làm của cải, càng nhiều càng tốt. Gia đình, dòng họ, bộ tộc nào có nhiều chiêng, ché thì chứng tỏ được sự giàu có và uy lực của mình. Ché Tuk không chỉ là tài sản quý giá, mà còn là tài sản tích lũy cho gia đình. Vì thế, hàng năm gia chủ làm lễ cúng cho cho ché Tuk. Đối với những gia đình khá giả, ché Tuk được làm của hồi môn cho con gái. Ngoài ra, ché còn là vật nộp phạt với những ai vi phạm luật tục của cộng đồng và là tài sản chia cho người đã mất. Ché Tuk dùng trong các lễ cúng lớn của gia đình (cúng 5 trâu trở lên) như: cúng sức khỏe, kết nghĩa, mừng thọ, đãi khách quý, ... Trong các lễ cúng, ché được đặt ở vị trí đầu tiên.

Về hoa văn trên ché Tuk thường thấy có sóng nước thủy ba, lá đề, mẹ bông con, sen, bông cúc, rồng, phụng, hổ, chuối ngọc, giáo long, quái thú, quai thú, quai ngang...

Về sự tích ché Tuk rất có nhiều câu chuyện huyền bí về buổi tối Ché Tuk biến thành nàng Sơn Nữ, đàn Voi, đàn Trâu đi ăn trong rừng, ...

Để hữu duyên sở hữu được Ché Tuk báu vật của đại ngàn tác giả phải lận lội sưu tầm mọi miền đất nước hơn 10 năm ròng rã tốn không ít dành nhiều tâm huyết thời gian và tiền bạc.

4. Giải pháp bảo tồn và phát huy ché cổ

Là nhà sưu tầm về bộ môn Ché Cổ Tây Nguyên, tác giả xin có đề xuất như sau: Sớm xây dựng quy hoạch tổng thể bảo vệ và phát huy giá trị của các di tích Gốm Chăm tại Bình Định. Tiếp tục kêu gọi, tạo điều kiện và phối hợp với các cơ quan chuyên môn tiến hành khai quật khảo cổ các Lò gốm cổ Chăm còn lại. Tăng cường công tác quảng bá, tuyên truyền giá trị lịch sử, văn hóa của Ché Tuk từ đó nâng cao ý thức giữ gìn và bảo vệ các di tích cho cán bộ, nhân dân.

Bên cạnh hoạt động trưng bày hiện vật tại các Bảo tàng, nên phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tổ chức truyền thông về giá trị lịch sử văn hóa nói chung, gốm Ché Tuk nói riêng. Ví dụ, nhà trường có thể mở các lớp ngoại khóa, cho các em đến trực tiếp các di tích lò gốm cổ, tháp, bảo tàng, khu di tích để tham quan, học tập và thuyết minh cho các em nghe về lịch sử, ý nghĩa của di tích, cũng như ý thức của các em trong việc bảo vệ gìn giữ các di tích.

Do chưa được khai quật khảo cổ và nghiên cứu đầy đủ nên các di tích chưa được xếp hạng. Dù đã giao trách nhiệm bảo vệ cho chính quyền huyện, xã nhưng bởi chưa xác định được ranh giới bảo vệ nên trong công tác quản lý còn nhiều lúng túng.

Đối với các di tích lò gốm Gò Sành đã được khai quật khảo cổ, đây là một loại hình di tích đặc biệt, vì nó nằm trong lòng đất qua nhiều thế kỷ nên đã mất đi thì không thể nào làm lại. Vậy nên có quy hoạch cụ thể, làm mái vòm bảo quản và trưng bày các hiện vật thu thập được. Biện đó là bảo tàng sống, nơi trưng bày giới thiệu gốm Chăm để



người dân, học sinh có thể đến tham quan, nghiên cứu góp phần quảng bá văn hóa Chăm đến khách tham quan và nghiên cứu.

Đối với cá nhân vận động và đề ra phương án phù hợp như phát triển du lịch cộng đồng để người dân có khoản thu nhập chính đáng bền vững để phát huy tinh thần giữ gìn và bảo tồn văn hóa bản địa.

Cần có vị trí trưng bày tại Trường Đại học Tây Nguyên để sinh viên, giảng viên, các đối tác của Nhà Trường, các đối tượng đến tham quan nghiên cứu tìm hiểu,

5. Kết luận

Bài viết dựa trên kết quả khảo sát thực tế tại 6 trung tâm sản xuất gốm xứ nói chung và Ché Tuk nói riêng trong thời đại vương triều Vijaya (thế kỉ 11 đến thế kỉ 15); và hành trình tâm huyết đi khắp nơi tìm hiểu, nghiên cứu, sưu tầm hơn 10 năm của tác giả.

Tác giả đã chia sẻ nội dung về kĩ thuật sản xuất, tạo hình ché Tuk các lò gốm Bình Định đồng thời làm rõ mối quan hệ Ché Tuk tỉnh Đăk Lăk với lò gốm Gò Sành được trao đổi bằng sản vật của gia đình như heo, bò, trâu, voi cho thương lái từ miền Trung tỉnh Bình Định sử dụng con đường trên giao thương trên bộ với câu ca dao nổi tiếng *“Ai về nhứt với nậu nguồn - Măng le gửi xuống cá chuồn gửi lên”*. Tác giả thông qua bài viết cũng đã đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát huy ché cổ.

Có thể thấy Ché Tuk không chỉ là phương tiện ủ rượu cần mà còn có giá trị về lịch sử, nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, mối quan hệ miền thượng miền xuôi, có giá trị trang trí, kinh tế, thẩm mỹ, phong thủy, là tiếng nói của thời gian và là tài sản vị thế của gia đình dòng tộc đối với buôn làng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aoyaji Yoji, 1991: Đồ gốm Việt Nam đào được ở các hòn đảo ở Đông Nam Á, Khảo cổ học số 4 -1991, tr 37-41.
2. Kerry Nguyễn Long, 1999: Di tích gốm cổ Bình Định, gốm và sản phẩm liên quan, khảo cổ học, số 3 -1999, tr.655-658.
3. Đinh Bá Hòa, 1996, Gốm Champa những phát hiện và triển vọng nghiên cứu, Những phát hiện mới về khảo cổ học, tr.626
4. Nguyễn Bá Lăng, 1972: Gò Sành một trung tâm sản xuất gốm cổ tại Bình định, Khảo cổ học tập san, Sài Gòn, tr.36.
5. Trịnh Cao Tường, Lê Đình Phụng, Đinh Bá Hòa, 1991, Báo cáo khai quật Gò Sành, Tư liệu Bảo tàng Bình Định.
6. Hội thảo khoa học gốm cổ Bình Định, 2017, Vương quốc vijaya và mối quan hệ kinh đô Thăng Long – Đại Việt (Thế kỉ 11 -15).
7. Bảo tàng tỉnh Đăk Lăk, 2018, Bộ Sưu tập Ché của Người Ê đê.

BIẾN ĐỔI VĂN HÓA VÀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI Ê ĐÊ Ở HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

CN. Y Nei Rah Lan, CN. H'Wen Alio

Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên

Tóm tắt: Trong bối cảnh đất nước đang công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập Quốc tế; vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trên nền tảng kế thừa di sản văn hóa dân tộc kết hợp học hỏi tinh hoa văn hóa nhân loại cần đặc biệt chú trọng. Chính vì vậy, bài viết này nhằm đánh giá những tác động của sự biến đổi văn hóa đang diễn ra ở cộng đồng người Êđê ở huyện M'đrắk và đề xuất hướng giải pháp thiết thực nhằm bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống ở huyện M'đrắk, giúp bà con phát triển kinh tế và tiếp tục duy trì những nét văn hóa đặc sắc có ở trong đời sống người Êđê ở huyện M'đrắk hiện nay.

từ khóa: Biến đổi văn hóa, bảo tồn văn hóa truyền thống của người Êđê.

1. BIẾN ĐỔI VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI Ê ĐÊ Ở HUYỆN M'ĐRẮK

1.1. Biến đổi văn hóa vật chất

Trong thập niên tám mươi của thế kỷ XX kinh tế - xã hội nước ta lúc đó bị khủng hoảng nghiêm trọng. Nhằm thoát khỏi tình trạng trên, Đảng, nhà nước ta đã ban hành chính sách đổi mới: Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở khu vực Tây Nguyên, đã xây dựng một số vùng kinh tế mới cho đồng bào dân tộc; đưa người Kinh vào ở xen kẽ nhằm hướng dẫn đồng bào về phương thức canh tác, đồng thời đưa phương thức và kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp; mở mang trường học, các cơ sở y tế để nâng cao dân trí và sức khỏe cho đồng bào. Chính những điều trên đã tác động mạnh mẽ và làm thay đổi nền văn hóa truyền thống của người Êđê ở Tây Nguyên nói chung và đồng bào Êđê ở huyện M'đrắk nói riêng.

Trước kia, ở huyện M'đrắk môi trường tự nhiên rất phong phú và đa dạng người Êđê có thể tận dụng để ăn uống và giữ gìn sức khỏe, tạo ra các vật dụng hằng ngày. Nguồn thực phẩm chủ yếu từ săn bắt và chăn nuôi. Do đó, bữa ăn của họ khá đơn giản và đạm bạc. Mỗi khi có tiệc tùng hay lễ hội, bữa ăn có thêm các món ăn phong phú hơn, họ vừa ăn vừa uống rượu cần. Từ trẻ em đến cụ già, từ nam tới nữ đều biết uống rượu cần và coi đó là thú vui, thuốc lá là đồ hút cho cả nam lẫn nữ. Nhưng nay tiến bộ hơn, các bài thuốc hái từ cây, lá rừng ít người sử dụng, người ta đi khám bệnh xin thuốc, mua thuốc tại các trạm xá bệnh viện. Người ta ăn chín uống sôi, hợp vệ sinh, thức ăn mua từ chợ phong phú đạm bạc hơn, nhiều người có nhu cầu ăn ngon, uống nhiều thức uống ngon bổ, sử dụng nguồn nước sạch, v.v...

Trang phục truyền thống chủ yếu chỉ còn ở người cao tuổi trong buôn. Thanh niên không mặc áo quần truyền thống, họ ưa chuộng quần jean, áo thun theo phong cách người Việt, bị "Việt hóa" họ chỉ mặc trang phục truyền thống trong các buổi lễ hội.

Trang phục phổ biến nhất của người Êđê xưa kia là nam đóng khố nữ mặc váy. Trong những ngày lễ hội hoặc đi chơi, phụ nữ thường mặc váy mảnh theo kiểu quần quanh thân, có hoa văn ở cạp và gấu. Áo có thêu hoa văn ở vai, dọc theo nách, cổ tay

và gấu áo. Trang sức của người Êđê khá phong phú. Đến tuổi trưởng thành, họ đều có những chiếc răng cửa. Trẻ em một hai tuổi đã phải xâu lỗ tai. Con trai, con gái đều đeo hoa tai và vòng đồng ở cổ tay. Con gái thường đeo hoa tai được tiện bằng ngà voi khá to, ngược lại con trai đeo những chiếc khuyên tròn bằng đồng ở cổ. Ngày nay, nhu cầu mặc đẹp thường theo kiểu lịch sự, hiện đại như người Việt, các trang sức cũng đã thay đổi nhiều, bằng vàng hoặc bằng đá quý...

Khi đặt chân đến các buôn trên địa bàn huyện M'đrăk rất khó tìm được ngôi nhà sàn dài truyền thống bằng mái tranh, phen nữa mà thay vào đó là những nhà xây theo kiến trúc của người Việt. Đa phần các ngôi nhà được làm hoàn toàn bằng gỗ thiên nhiên, các bậc thang được bê tông hóa, không còn biểu trưng cho chế độ mẫu hệ là cầu thang được trang hoàng bằng những bầu vú cách điệu, là những bậc được đeo kỳ công đậm chất văn hóa. Nhà rông truyền thống đã không còn hiện hữu trong tâm trí bà con nữa mà thay vào đó là sự can thiệp của nhà nước là hàng loạt các nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng được xây dựng.

Nghệ thuật tạo hình của người Êđê huyện M'đrăk khá độc đáo, thể hiện ở điêu khắc, chạm trổ, trang trí hoa văn trên vật dụng hằng ngày, nhà cửa, tượng nhà mồ phong phú, đa dạng có nhiều ý nghĩa biểu trưng cho cuộc sống. Nhưng nay, những yếu tố truyền thống độc đáo ấy không còn nữa mà văn hóa chạm trổ, điêu khắc, trang trí đều ảnh hưởng sâu sắc nét văn hóa hiện đại. Khi xã hội tiến bộ hơn người ta không còn nhu cầu làm nhà sàn dài mà là nhà xây cho sáng sủa, lịch sự, ngăn nắp hơn, các trang thiết bị dụng cụ sử dụng trong gia đình được mua về hợp với thời đại.

Trong cách ứng xử với môi trường tự nhiên, người Êđê huyện M'đrăk vốn là gốc nông nghiệp nương rẫy, phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên, nên cách sống của họ luôn luôn hòa hợp với thiên nhiên, có ý thức tôn trọng thiên nhiên, không dám ganh đua với thiên nhiên. Tuy nhiên, hiện nay trong ý thức của họ, thiên nhiên không còn thiêng liêng, không còn thần linh ngự trị, các sản vật từ thiên nhiên không còn đủ để cung cấp cho con người nên họ cũng sẵn sàng tham gia chặt phá rừng để làm lợi cho cá nhân.

Một số biểu hiện thay đổi khác, phổ biến hiện nay như người ta có nhu cầu cao về sự thay đổi trong kỹ thuật sản xuất để trồng cây lâu năm, đào bồn quanh gốc cà phê, cao su để bón phân tránh bị rửa trôi vào mùa mưa và giữ ẩm vào mùa khô. Họ có ý thức đầy đủ về sự thay đổi công cụ sản xuất: mọi khâu sản xuất trong trồng trọt đã có sự thay đổi: tưới tiêu, làm đất, vận chuyển, thu hoạch; từ các công cụ thô sơ (gậy chọc lỗ, xà gạc, rựa, gùi...) sang công cụ cải tiến hiện đại hơn (cày, bừa, máy cày, máy phay đất...).

Các loại sản phẩm lương thực sản xuất ra vừa tiêu dùng vừa để bán, đó là các loại sản phẩm cây công nghiệp như cà phê, mía, bắp, rau và các cây ăn quả. Bên cạnh đó, còn có những thay đổi về cách thức tiếp nhận kỹ thuật. Những kỹ thuật bản địa trước đây chủ yếu được truyền miệng, học qua kinh nghiệm thực hành và tích lũy lâu đời, được lưu truyền trong cộng đồng người Êđê. Ngày nay, các kỹ thuật mới được tiếp nhận qua quan sát cách làm của người ở nơi khác chuyển đến, qua sách báo, đài truyền thanh, truyền hình, từ các cán bộ khuyến nông qua các lớp tập huấn, các hội thảo đầu về phương tiện canh tác-sản xuất.

1.2. Biến đổi văn hóa tinh thần

Điều kiện môi trường sống thay đổi sẽ kéo theo một số yếu tố văn hóa ứng xử với môi trường xã hội cũng thay đổi. Mặt khác, mặt trái của cơ chế thị trường cũng tạo ra nét văn hóa mới trong đời sống, trong ứng xử khác với văn hoá ứng xử mang tính cộng đồng trước đây. Sự thay đổi về quyền sở hữu đất đai, kinh tế tư nhân phát triển, đặc biệt lối sống định canh định cư và xen cư giữa các thành phần dân tộc là những điều kiện dẫn đến việc ngừng phát triển nhà sàn dài, một nét kiến trúc độc đáo trong văn hóa vật thể dân tộc.

Việc không phát triển nhà sàn dài kéo theo việc không phát triển các không gian văn hóa cộng đồng truyền thống, hạn chế môi trường dung dưỡng các giá trị văn hóa tinh thần khác như âm nhạc công cộng và những đêm “kể khan” (trường ca). Trước đây, có những bản trường ca phải kể cả chục đêm. Ngày nay, ở các buôn được nghiên cứu không còn bất kỳ người nào có thể kể được trọn một đêm khan. Những ràng buộc cũ về tập tục dần dần thay đổi, không bị lệ thuộc vào các quy định văn hoá cũ. Ché, chiêng, nôi đồng, v.v... bây giờ không còn là vật quy định mức độ giàu nghèo nữa mà bằng chính các vật dụng mới trong nhà như bàn, ghế, giường, tủ, ti vi, xe máy...

Nhiều hủ tục lạc hậu trong ma chay, cưới xin không còn thích hợp nữa đều bị loại bỏ, tiếp thu nét đẹp trong văn hóa ma chay, cưới xin theo tập tục mới ngày nay, v.v... Các sinh hoạt văn hóa mang tính truyền thống được tổ chức lại trong các đội văn nghệ của xã. Chỉ khi nào chuẩn bị cho các cuộc hội diễn, các cuộc thi ở các cấp khác nhau, người ta mới luyện tập. Các hình thức hoạt động ở đây không hoàn toàn hướng đến cộng đồng. Âm nhạc công cộng được Nhà nước đánh giá cao, khuyến khích, như đánh công chiêng trong những dịp lễ hội. Đặc biệt, nguồn suối, bến nước cũng góp phần tạo nên một nét văn hóa đặc trưng của đồng bào Êđê, nhưng ngày nay đang bị ảnh hưởng nặng nề và có nguy cơ biến mất hoàn toàn.

Theo GS. TS. Trần Văn Bính “Do cuộc sống xen kẽ từ lâu đời giữa người Kinh với cộng đồng các tộc người nên trên đất nước ta đã sớm diễn ra sự giao lưu văn hóa giữa tộc người với người Kinh, và giữa các tộc người với nhau” [5; tr31].

2. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ VẤN ĐỀ BIẾN ĐỔI VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

2.1. Điểm tích cực và hạn của sự biến đổi văn hóa truyền thống của người Êđê

Văn hóa bắt nguồn từ cuộc sống, được kết tinh qua nhiều thế hệ tạo thành những giá trị bền vững, ổn định. Vì thế, nó sẽ tác động qua lại trong quá trình trưởng thành và tồn tại của mọi dân tộc. Tuy nhiên những biến đổi về văn hóa truyền thống cũng có tính hai mặt của nó.

Trước tiên, những biến đổi về văn hóa truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hóa đã tạo điều kiện cho người Êđê huyện M'đrăk xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong sản xuất, thay vào đó họ đã tiếp thu các phương thức sản xuất và canh tác tiến bộ bằng cách đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất không những nâng cao được chất lượng sản phẩm mà còn góp phần nâng cao cuộc sống của chính bà con.

Các công trình kiến trúc được cách điệu hóa để phù hợp với điều kiện tự nhiên và bền vững theo thời gian, điển hình như nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng ở các thôn buôn đều được xây dựng một cách kiên cố. Các công trình được cách điệu theo nhà sàn dài của người Êđê, cách làm này mang tính bền lâu

nhưng vẫn mang trong mình bản sắc văn hóa. Những thay đổi đó đã làm thay đổi và nâng cao chất lượng cuộc sống người Êđê huyện M'đrắk lên đáng kể.

Mặt khác, song hành với những thay đổi tiến bộ thì cũng tồn tại những mặt trái, đó là sự mai một văn hóa. Hàng loạt các lễ hội và tập tục tốt đẹp bị loại bỏ, nhiều nhạc cụ dân tộc bị thất thoát cùng với những sinh hoạt văn hóa cộng đồng giảm đi, trang phục dân tộc không còn đáng kể. Rõ ràng, văn hóa truyền thống cũng mang lại nhiều vấn đề nan giải trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Những thay đổi trên đang từng ngày làm phai màu văn hóa người Êđê.

2.2. Nguyên nhân biến đổi văn hóa truyền thống

Như thế, một trong những nguyên nhân đã đến sự biến đổi văn hóa truyền thống của người Êđê tại huyện M'đrắk - tỉnh Đắk Lắk là sự đồng hóa văn hóa người Việt, làm đứt đoạn bản sắc văn hóa dân tộc. Điều này không có gì lạ bởi “đồng hóa tự nhiên là một quá trình tiếp xúc, giao lưu ảnh hưởng văn hóa tự nhiên trong các tộc người, thường là các dân tộc có dân số lớn, trình độ phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa cao hơn, thậm chí các tộc người nhỏ ấy có thể bị đồng hóa một phần hay hoàn toàn vào các tộc người lớn hơn”. [4; tr57].

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt chú trọng hướng mục tiêu phát triển kinh tế ở vùng miền núi, đặc biệt là các vùng đặc biệt khó khăn. Từ những năm 1990 đến nay, chương trình xóa đói giảm nghèo, phát triển hạ tầng cơ sở được đồng loạt tiến hành trên hầu hết các địa bàn miền núi ở huyện M'đrắk. Các chương trình như 134 CP, 135CP... đã làm cơ sở hạ tầng thay đổi rất nhiều ở nông thôn miền núi nói chung trong đó có huyện M'đrắk. Sự thay đổi cơ sở hạ tầng và hàng loạt các chủ trương, chính sách xây dựng nông thôn mới đã hình thành các đường giao thông, nước sạch, tạo thuận lợi cho hoạt động giao lưu, buôn bán giữa người dân trên cùng địa bàn cũng như với những người ở các địa phương khác.

Ngoài chính sách phát triển kinh - tế xã hội nói chung, việc nâng cao trình độ dân trí cũng góp phần thay đổi nhận thức của người dân để có thể tiếp nhận nhanh chóng các tri thức khoa học - kỹ thuật áp dụng vào sản xuất cũng như việc tiếp nhận các nhân tố văn hóa mới. Các phương tiện truyền thông đại chúng như loa, đài, ti vi, báo... cũng tạo nên động lực lớn cho người dân ở đây học hỏi lẫn nhau, giao lưu giữa các thành viên trong và ngoài cộng đồng.

Việc người Êđê được dùng điện cũng đã tác động quan trọng về sự thay đổi đối với nhận thức, khả năng tiếp nhận cách thức lao động mới, sử dụng công cụ sản xuất phù hợp hơn và sử dụng các tiện nghi sinh hoạt hiện đại hơn. Thêm vào đó, Nhà nước tích cực triển khai các chương trình khuyến nông với việc hỗ trợ giống, kỹ thuật, có cán bộ khuyến nông hướng dẫn kỹ thuật tận địa phương cũng dễ dàng làm thay đổi những tập quán sản xuất cũ lỗi thời, lạc hậu, năng suất thấp.

Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật là một trong những động lực chính của sự phát triển, bởi việc ứng dụng rộng rãi khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và đời sống đã làm thay đổi dần tập quán canh tác cũng như các loại công cụ lao động mới. Con người ngày càng làm chủ được thiên nhiên, làm thay đổi tập quán sinh hoạt thường nhật, thay đổi cách làm nhà ở, đặc biệt là thay đổi về tập quán tín ngưỡng, lễ hội. Quan trọng hơn, chính người đồng bào cũng tự nhận thấy các tiến bộ này đã làm cho đời sống của họ ngày càng ổn định, nên đã tự giác tiếp nhận và nhân rộng ở

cộng đồng. Sự thay đổi này theo hướng ngày càng hiện đại hóa, lược bỏ bớt những hủ tục lạc hậu, lễ nghi rườm rà, rút ngắn thời gian.

3. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP BẢO TỒN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG NGƯỜI ÊĐÊ Ở HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. Giải pháp về kinh tế- xã hội

Nhà nước và chính quyền địa phương cần có chính sách và cơ chế bảo đảm sự bình đẳng và có sự ưu tiên nhất định đối với người Êđê về phân bổ các nguồn lực phát triển, về tiếp cận các nguồn vốn và cơ hội đầu tư phát triển kinh tế-xã hội ở vùng có người Êđê sinh sống. Nâng cao nhận thức của tất cả các cấp, các ngành, nhất là các chủ doanh nghiệp về việc tuyển dụng, sử dụng lao động người dân tộc thiểu số, nhất là người Êđê và coi đó là nguồn nhân lực tại chỗ rất quan trọng cho phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

UBND cần có chương trình bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về địa phương, về dân tộc bản địa (trong đó có Êđê) cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức, các chủ doanh nghiệp ở tất cả các cấp và các lĩnh vực hoạt động để ý thức được và nhận diện được bản sắc văn hóa của từng dân tộc, để không có sự phân biệt về tiếng nói, màu da... Cần có chương trình trong một khoảng thời gian nhất định giải quyết dứt điểm tình trạng nghèo đói ở vùng các dân tộc người Êđê, đồng thời, hạn chế tối đa sự phân hóa giàu nghèo. Tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc thiểu số (trong đó có dân tộc Êđê) vừa hiểu sâu lịch sử và văn hóa Việt Nam, vừa hiểu sâu về lịch sử văn hóa dân tộc mình (thông qua các hoạt động giáo dục, văn hóa, thông tin, văn học nghệ thuật...). Cán bộ văn hóa xã cần xây dựng và thực hiện các dự án về làng nghề thủ công truyền thống và làng nghề mới cùng với mạng lưới chợ để tạo việc làm và trao đổi buôn bán cho người Êđê. Nghề thủ công (dệt thổ cẩm, đan lát,...) là nghề truyền thống của người Êđê, những sản phẩm của nghề này lại phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của xã hội hiện đại. Vì vậy, xây dựng những làng nghề và cả chợ không chỉ góp phần xóa đói giảm nghèo, mà còn tạo lập thói quen tiếp cận kinh tế thị trường cho người Êđê trong hội nhập.

Ở bất kỳ xã hội nào, dân tộc nào thì vấn đề giáo dục và phát triển nguồn nhân lực luôn được quan tâm và chỉ đạo đến từng người dân. Bởi lẽ, trình độ giáo dục có ảnh hưởng quyết định tới việc tiếp thu tri thức, ứng dụng vào đời sống và sản xuất. Nghiên cứu cho thấy, trình độ dân trí của đồng bào Êđê ở đây rất thấp, những người không biết chữ hoặc tái mù chữ sau khi được phổ cập chiếm một tỷ lệ rất cao, đặc biệt là phụ nữ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức của đồng bào, từ đó cản trở việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống cũng như sự thay đổi nhận thức nhằm xóa bỏ những hủ tục lạc hậu. Việc đưa tiếng Êđê vào giảng dạy song song với tiếng phổ thông trong nhà trường là một giải pháp hữu hiệu được đông đảo đồng bào tiếp thu hưởng ứng.

Cần có các biện pháp hiệu quả hơn nhằm nâng cao trình độ dân trí, đặc biệt là đối với phụ nữ Êđê. Cụ thể là tích cực vận động phổ cập giáo dục, các lớp xóa mù chữ. Cần có các chính sách hỗ trợ về nhiều mặt và tuyên truyền vận động cha mẹ cho con em mình được đến trường. Nhà nước cần tiếp tục có các chính sách đưa người Êđê đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, đào tạo giáo viên dân tộc Êđê và trở về công tác tại địa bàn.

Cần tích cực đẩy mạnh các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về mọi mặt cho đồng bào, cụ thể ở đây là người Êđê . Cần phổ biến đường lối chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, các chính sách bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và chính sách văn hóa. Đồng thời, loại trừ những hủ tục lạc hậu trong phong tục tập quán của người Êđê . Đặc biệt là đẩy mạnh phổ biến luật hôn nhân-gia đình, nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản và góp phần giảm tỷ lệ tảo hôn.

Phát triển kinh tế là một trong những điều kiện tiên quyết để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Vì kinh tế có vững thì mới có điều kiện để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào, và có thể tổ chức được các lễ hội thường xuyên hơn để thu hút đồng bào quan tâm tham gia. Khi kinh tế ổn định và phát triển người Êđê sẽ quan tâm hơn đến vấn đề phát triển và bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc mình.

3.2. Giải pháp về nghi lễ - lễ hội

Trước hết Đảng, Nhà nước ta cần có chính sách cụ thể và kinh phí đáng cho việc khai thác, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong đó có nghi lễ - lễ hội của đồng bào Êđê . Đồng thời nhanh chóng sưu tầm, phục hồi các nghi lễ - lễ hội Êđê , thường xuyên tổ chức giáo dục và khơi dậy niềm tự hào trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống trong cộng đồng, nhất là trong con em đồng bào dân tộc Êđê .

Lần lượt chọn lọc, xuất bản các tác phẩm văn hóa nghệ thuật dân gian Êđê , nhất là nghi lễ-lễ hội, phong tục, tập quán, truyện cổ... dàn dựng các chương trình văn nghệ dân gian, ghi âm, ghi hình để phát sóng thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tiếp tục tổ chức các hoạt động văn hóa lớn như: Ngày hội văn hóa các dân tộc, Liên hoan ca múa nhạc dân gian, Liên hoan văn hóa công chiêng – nhạc cụ dân tộc...

Một vấn đề không thể thiếu đó là tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về dân tộc, văn hóa, tôn giáo cho lực lượng cán bộ công chức ở vùng đồng bào dân tộc và tôn giáo, nhất là cán bộ chuyên trách về công tác tôn giáo. Tăng cường quản lý nhà nước bằng luật pháp, đồng thời vận động quần chúng giáo dân gần gũi với đời, tích cực góp phần vào sự nghiệp đổi mới bằng những hoạt động cụ thể thiết thực trong sản xuất, xây dựng đời sống mới để làm giàu cho mình và cho đất nước.

3.3. Giải pháp đặc thù về văn hóa

Chính quyền địa phương cần có chương trình và phương thức thực hành văn hóa dân tộc, làm cho mỗi người Êđê tự ý thức được vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của tộc người mình. Các lễ hội, hội diễn, liên hoan, các cuộc thi, phong trào văn hóa-văn nghệ,... thuộc văn hóa Êđê hãy để người Êđê thực hiện, tự thể hiện giá trị và sắc thái văn hóa của mình. Chỉ có như vậy, văn hóa người Êđê mới được bảo tồn, lưu truyền trong đời sống hiện thực của nó. Ở đây, cần tránh xu hướng “chạy theo thành tích” bao biện làm thay, “sân khấu hóa” các lễ hội.

Qua đó, hình thành các tổ chức quần chúng để bảo tồn văn hóa truyền thống và phát huy các giá trị văn hóa “ngoại sinh”: “Hội bảo tồn và phát huy di sản văn hóa”, “Câu lạc bộ sáng tác và biểu diễn”, “Quỹ giải thưởng văn hóa Êđê ” v.v... Nòng cốt của những hội này là những nghệ nhân, trí thức, văn nghệ sĩ, già làng, trưởng các buôn là người Êđê . Hội viên của các tổ chức này gồm tất cả các cá nhân và các tổ chức đơn vị, cơ quan, kể cả các doanh nghiệp yêu thích và tâm huyết với văn hóa Êđê .

Cần có những mô hình và kinh nghiệm đã có về xây dựng nhà văn hóa cộng đồng, gia đình văn hóa, làng văn hóa, cần thiết kế mô hình mẫu về “Gia đình văn hóa Êđê”, “Buôn văn hóa Êđê” để thực hiện “Gia đình văn hóa Êđê”, “Làng văn hóa Êđê”. Chính môi trường văn hóa lành mạnh có tác động tích cực không chỉ đến hoạt động kinh tế-xã hội, mà còn thúc đẩy việc hình thành và phát triển nhân cách của người Êđê, nhất là đối với lớp trẻ người Êđê. Hàng năm cần tổ chức các hội nghị, tọa đàm, hội thảo, liên hoan về văn hóa, văn nghệ giữa các dân tộc trên địa bàn tỉnh và với các dân tộc ngoài tỉnh. Đó là điều kiện và cơ hội để các dân tộc giao lưu văn hóa, văn nghệ. Trong đó, mỗi dân tộc khẳng định bản sắc văn hóa của mình, đồng thời tiếp thu những tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác. Đây là một trong những phương thức tốt nhất để bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và phát huy giá trị văn hóa “ngoại sinh” của các dân tộc nói chung và dân tộc Êđê huyện M'đrăk nói riêng.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta thông qua, đã xác định các đặc trưng của mô hình xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đảng ta xác định nhiệm vụ trung tâm của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa là “xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”... “xây dựng lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh”... “xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa” [24;tr 33]

Vì vậy, việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh của đồng bào dân tộc Êđê huyện M'đrăk trong giai đoạn hiện nay là vấn đề thực tiễn-cấp bách và cần có những giải pháp thích hợp.

4. KẾT LUẬN

Ngày nay, cùng với sự phát triển của nền kinh tế-xã hội, sự tăng cường giao lưu kinh tế xã hội giữa các vùng miền, các dân tộc, người Êđê qua các thế hệ đã dần dần trải qua sự tiếp biến văn hóa và đã có một số nét đổi khác so với văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, với đặc thù về mặt địa lý và địa bàn cư trú biệt lập với các vùng và các dân tộc khác, người Êđê ở huyện M'đrăk vẫn giữ được những nét văn hóa đặc trưng riêng có của mình. Điều đó được thể hiện rõ nhất trong các hoạt động sản xuất và đời sống đều gắn chặt với tín ngưỡng và lễ thức theo chu kỳ vòng đời con người và chu kỳ nông nghiệp.

Về tập quán sản xuất, nghề làm nương rẫy (đặc biệt là cao su và cà phê, sắn, ngô) và chăn nuôi đại gia súc vẫn là hoạt động kinh tế chủ đạo mang lại nguồn thu chính cho đồng bào Êđê. Song song với đó là việc duy trì các nghề thủ công truyền thống như thêu dệt thổ cẩm. Hoạt động sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của người Êđê còn mang nặng tính tự cấp tự túc và phụ thuộc phần lớn vào thiên nhiên, kỹ thuật canh tác và sản xuất chậm cải tiến, làm cho năng suất sản lượng nông nghiệp không cao. Tuy nhiên, quy mô và hình thức gia đình đã có nhiều thay đổi theo hướng tăng dần mô hình gia đình mẫu hệ nhỏ.

Bên cạnh việc duy trì những đặc trưng văn hóa truyền thống, người Êđê huyện M'đrăk đã có những biến đổi nhất định. Sự biến đổi này theo chiều hướng đơn giản hóa, lược bỏ bớt các hủ tục lạc hậu, các thủ tục rườm rà, hao tổn thời gian và tiền bạc. Sự biến đổi diễn ra theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Một mặt, văn hóa Êđê tiếp thu những nét độc đáo của các nền văn hóa khác, bổ sung và làm phong phú thêm bản sắc văn hóa truyền thống. Mặt khác, loại bỏ những phong tục,

tập quán, lối thời, lạc hậu. Điển hình như việc rút ngắn thời gian và chi phí cho tổ chức tang lễ, giảm nhẹ các lễ vật thách cưới,... Biểu hiện của sự thay đổi tập quán sản xuất là sự ứng dụng các loại giống mới vào sản xuất và từng bước áp dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến mang lại năng suất cao cho đồng bào. Tuy nhiên, sự biến đổi của văn hóa Êđê cũng đã có tạo nên biểu hiện của sự mất dần bản sắc truyền thống.

Có thể nói, văn hóa là phạm trù lịch sử, là một hình thái ý thức xã hội có môi trường phát sinh, có điều kiện phát triển và biến đổi, được quyết định bởi đặc thù của nền kinh tế. Văn hóa truyền thống dân tộc Êđê được hình thành, phát triển trong cơ chế tự túc, tự cấp và sản xuất bằng kỹ thuật thủ công. Dưới sự tác động của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, cách thức sản xuất của người Êđê từng bước được cải tiến theo chiều hướng tăng cường giao lưu hội nhập giữa các nền văn hóa. Sự biến đổi các giá trị văn hóa của dân tộc Êđê chịu tác động tổng hợp của nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chính phải kể đến là sự tác động của các chính sách phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước cũng như sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều này đã giúp cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, từng bước làm thay đổi các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê ở huyện M'đrăk nói riêng và cả nước nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Bi, Bùi Minh Vũ, Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa các tộc người Êđê , M'Nông. Nxb.Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2009.
2. Trần Ngọc Bình, Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Nxb. Thanh Niên, 2008.
3. Trần Văn Bính, Đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nxb. Chính trị, Hà Nội, 2006.
4. Trần Văn Bính, Văn hóa các dân tộc Tây Nguyên, thực trạng và những vấn đề đặt ra, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004.
5. Nông Hoàng Cư, "Mấy nhận xét về hôn nhân và gia đình của người Êđê ", Tạp chí Dân tộc học số 3, 1980.
6. Nguyễn Thành Chinh, "Luật tục Êđê , M'Nông với việc xây dựng đời sống văn hóa buôn làng", Tạp chí Văn học dân gian, số 1, 2000.
7. Phan Hữu Dật, "Dấu vết bào tộc của người Êđê ", Tạp chí Dân tộc học số 5, 2002.
8. Ngô Văn Doanh, Lễ hội bỏ mả ở Bắc Tây Nguyên, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1995.
9. Ngô Văn Doanh, Trương Bi, Nghi lễ - Lễ hội của người Chăm và người Êđê , Nxb văn hóa dân tộc 2012.
10. Bé Viết Đăng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng, Vũ Đình Lợi, Đại cương về các dân tộc Êđê, M'Nông ở Đắk Lắk, Nxb. Khoa học xã hội, 1982.
11. Bé Viết Đăng, "Một số đặc điểm xã hội của các dân tộc Trường Sơn-Tây Nguyên", Tạp chí Dân tộc học số 1, 1984.
12. Nguyễn Thị Hòa, Nhà và sinh hoạt trong nhà của người Êđê ở Việt Nam, Luận án Tiến sĩ 1996.
13. Phạm Văn Hóa, Văn hóa vùng, vùng văn hóa, Giáo trình lưu hành nội bộ, khoa Ngữ Văn -Văn hóa học, Đại học Đà Lạt, 2011.

14. Vũ Ngọc Khánh, Sơ lược truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, Nxb. Giáo dục, 1998.
15. Vũ Ngọc Khánh, Truyền thống văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, Nxb. Thanh Niên, 2006.
16. Vũ Quốc Khánh, Người Êđê ở Việt Nam, Nxb. Thông Tấn, Hà Nội, 2010.
17. Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Diệu, Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, Nxb. Giáo dục, 1997.
18. Ngô Văn Lệ, Văn hóa tộc người truyền thống và biến đổi, Nxb. Đại học Quốc gia HCM, 2010.
19. Chu Thái Sơn, “Bàn về lịch sử tộc người và đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa cư dân Tây Nguyên”, Tạp chí Dân tộc học số 2, 1979.
20. Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb Giáo dục, 1999.
21. Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Luật tục Êđê , Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
22. Văn kiện hội nghị lần thứ V ban chấp hành trung ương khóa VIII. Nxb chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
23. Lê Trung Vũ, Lễ hội dân gian Êđê , Nxb. Văn hóa dân tộc, 1995.

GIÁO DỤC CHỦ QUYỀN VĂN HOÁ CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Bảo Lâm

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tây Nguyên

1. Mở đầu

Trường Đại học Tây Nguyên là một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực đóng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Là một trung tâm đào tạo và chuyển giao khoa học công nghệ trọng điểm của khu vực miền Trung Tây Nguyên cũng như của cả nước. Đặc biệt, đối tượng sinh viên của trường hết sức đa dạng về dân tộc dẫn đến sự đa dạng về văn hoá. Hiện nay, khái niệm chủ quyền văn hoá quốc gia là một vấn đề mới mẻ đối với nhiều người, trong đó có sinh viên trường Đại học Tây Nguyên. Chính vì vậy, việc giáo dục chủ quyền văn hoá cho sinh viên nhà trường là vấn đề cần thiết và thiết thực.

Chủ quyền văn hoá là một khái niệm đối lập với bá quyền văn hoá. Cái gọi là bá quyền văn hoá là một thứ hành vi bá quyền quốc tế, xuất phát từ lợi ích và mục tiêu chiến lược của quốc gia bá quyền, dựa trên thế mạnh của văn hoá nước mình tiến hành thẩm thấu và khuếch trương văn hoá sang các nước khác, nhất là các nước lạc hậu trên thế giới, ép buộc các nước này tiếp nhận quan niệm giá trị và ý thức xã hội của mình, để đạt tới mục đích ràng buộc, tác động đến quá trình phát triển nội bộ của các quốc gia đang phát triển. Sau đại chiến thế giới lần thứ hai nhất là sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ, tiếp tục coi văn hoá là tài nguyên chiến lược quan trọng; hơn nữa, để mưu đồ bá quyền thế giới, họ đã không ngừng nâng cao vị trí của văn hoá trong chiến lược đối ngoại của quốc gia, xuất khẩu ra nước ngoài quan niệm giá trị và mô hình chế độ của nước Mỹ, bất chấp, thậm chí vượt khỏi giới hạn chủ quyền quốc gia của các nước khác nhất là các nước đang phát triển, xâm thực và làm tổn hại chủ quyền văn hoá của nước đó.[1]

Chủ quyền văn hoá luôn gắn chặt với chủ quyền chính trị của một quốc gia. Bảo vệ chủ quyền văn hoá không những liên quan tới tính độc lập của văn hoá mà còn quan hệ tới chủ quyền chính trị và địa vị độc lập của một dân tộc. Văn hoá là linh hồn của một dân tộc. Một quốc gia hoặc dân tộc muốn giữ vững độc lập của mình, thì trước tiên phải giữ gìn tính độc lập về văn hoá, chỉ có như vậy mới có thể nói tới độc lập hoàn toàn của một quốc gia. Cho dù cuộc đấu tranh của chủ quyền văn hoá với bá quyền văn hoá về mức độ gay gắt nói chung không như cuộc đấu tranh chủ quyền chính trị và chủ quyền kinh tế, nhưng là hành vi thuộc về phạm vi chủ quyền. Vì vậy, chúng ta phải tỉnh táo nhận thức rằng, sau lưng cuộc đấu tranh kinh tế phản ánh đấu tranh chủ quyền chính trị, phản ánh cuộc độ sức của lợi ích quốc gia. Phải luôn luôn quan sát bá quyền văn hoá từ góc độ chính trị, nâng chủ quyền văn hoá tới tầm cao quan hệ đến độc lập chính trị quốc gia, tồn vong dân tộc để nhận thức và xem xét.

2. Giáo dục chủ quyền văn hóa cho sinh viên Đại học Tây Nguyên hiện nay

Việt nam là một quốc gia đang phát triển, cũng là một nước xã hội chủ nghĩa đang vươn lên khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế, về vấn đề an toàn

văn hoá, Việt Nam đối mặt với áp lực rất lớn và với những thách thức rất là gay gắt. Việt nam có lịch sử văn minh lâu dài mấy nghìn năm, có nền văn hoá lâu đời, sâu sắc và tinh túy. Cũng chính vì như vậy, một số nhà chiến lược của các quốc gia phương tây sau chiến tranh lạnh luôn thích ôm khư khư tư tưởng chiến tranh lạnh, nhấn mạnh sự cạnh tranh, thậm chí tính chất đối kháng giữa hai nền văn minh. Nhìn từ ý thức xã hội, Việt Nam xã hội chủ nghĩa có nền kinh tế đi theo con đường khác hẳn với thế giới phương tây, sau biến đổi lớn ở Liên Xô, Đông Âu, phong trào Cộng sản quốc tế ở vào bối cảnh thoái trào, các quốc gia phương tây đứng đầu là Mỹ, coi Việt Nam là trọng điểm thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, điều đó làm cho Việt Nam luôn phải gánh chịu áp lực to lớn đến từ bá quyền văn hoá phương Tây, luôn luôn đứng trước nhiệm vụ nặng nề đó là bảo vệ an toàn văn hoá của quốc gia, dân tộc mình.

Trước thách thức và đe dọa nghiêm trọng đến sự an toàn văn hoá của đất nước chúng ta đã có nhận thức tỉnh táo. Ngay vào những năm đầu của công cuộc đổi mới, ở lĩnh vực văn hóa, Đảng ta đã luôn luôn đứng trên lập trường của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để tiến hành phân tích, xem xét phân biệt và phê phán nội dung tư tưởng và phương thức biểu hiện rất đa dạng của văn hóa, điều đó "quan hệ tới tiền đồ và vận mệnh của đảng và quốc gia". Sau biến đổi ghê gớm của Liên Xô, Đông Âu, khi phân tích sâu sắc đặc điểm chủ nghĩa bá quyền trong điều kiện mới, chúng ta nhận thấy các quốc gia phương Tây, cùng với bá quyền về kinh tế, đang gây ra “đại chiến thế giới thứ ba” không có khói súng, tức là làm cho các nước xã hội chủ nghĩa chuyển hóa chế độ bằng “diễn biến hoà bình”. Vì thế chủ quyền quốc gia, an toàn của quốc gia phải luôn luôn đặt ở vị trí quan trọng. Một số quốc gia phương Tây đã lấy nhiều lý do khác nhau, nào là nhân quyền, nào là chế độ xã hội chủ nghĩa không hợp lý, không hợp pháp làm chiêu bài, trên thực tế là muốn làm tổn hại chủ quyền quốc gia của chúng ta. Chúng ta đã gắn an toàn văn hoá với an toàn quốc gia với nhau để tiến hành phân tích quyền lợi quốc gia, qua đó cho thấy chủ quyền rõ ràng bao gồm chủ quyền văn hoá.

Cùng với cả nước, Trường Đại học Tây Nguyên là một trường trọng điểm ở khu vực miền Trung – Tây Nguyên, khu vực có ý nghĩa to lớn về an ninh quốc phòng, trong có có cả vấn đề an toàn văn hoá. Nhận thức rõ vấn đề này, chúng ta cần giáo dục cho sinh viên của nhà trường về chủ quyền văn hoá, tạo cho sinh viên một thái độ đúng đắn trong việc bảo vệ chủ quyền văn hoá của nước ta hiện nay.

3. Một số giải pháp

Để giáo dục cho sinh viên về chủ quyền văn hoá của Việt Nam trước thời đại hội nhập quốc tế, cũng như những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 của thế giới. Chúng ta cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một, không ngừng tăng cường ý thức an toàn văn hoá của chúng ta, nâng cao tính tự giác chống lại bá quyền văn hoá, bảo vệ chủ quyền văn hoá của chúng ta, tránh tình trạng khi suy nghĩ và phân tích môi trường an toàn quốc gia, chỉ hạn chế ở an toàn quân sự và kinh tế, coi nhẹ tầm quan trọng của an toàn văn hoá. Chỉ có không ngừng tăng cường ý thức an toàn văn hoá, chúng ta mới có thể ngăn chặn được một cách chủ động hơn, tự giác hơn bá quyền văn hoá. Vậy làm thế nào để bảo đảm an toàn văn hóa? Chúng ta chỉ có hình thành nên sự thúc đẩy lẫn nhau

một cách tích cực với thị trường văn hóa quốc tế, hiểu rõ hướng đi hiện thực của văn hóa thế giới, làm quen với quy luật vận hành và kênh phát hành của thị trường văn hóa thế giới, học tập kinh nghiệm quản lý tiên tiến, tích cực xây dựng, bồi dưỡng phát triển thị trường văn hóa trong nước, cố gắng mở rộng thị phần của doanh nghiệp văn hóa trên thị trường văn hóa trong nước, đồng thời tranh thủ ưu thế của văn hóa dân tộc kết hợp với kế thừa các giá trị văn hóa phương Đông, phương Tây để hình thành nên một nền văn hóa vừa tiên tiến, hiện đại vừa giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc.[2]

Hai, định ra chiến lược văn hoá đối ngoại. Bị động thành chủ động, giảm nhẹ áp lực bá quyền văn hoá đối với chúng ta. Chúng ta phản đối việc khuyếch trương và thẩm thấu văn hoá trong quan hệ quốc tế, nhưng chúng ta có thể đưa nhân tố văn hoá vào chiến lược đối ngoại của quốc gia, sử dụng đầy đủ các biện pháp văn hoá, tích cực tham dự cạnh tranh văn hoá quốc tế, tăng cường lực ảnh hưởng quốc tế và sức thu hút của văn hoá và ý thức xã hội của chúng ta, đạt tới mục đích giảm nhẹ áp lực, tăng mức độ an toàn về văn hóa.

Ba, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên văn hoá tự dân tộc, tích cực phát triển công nghiệp văn hoá, chống lại sự xâm nhập của các sản phẩm văn hoá phương Tây có nguy hại tới an toàn văn hoá nước ta. Trước thế tiến công mạnh mẽ của công nghiệp văn hoá phương tây, chúng ta phải coi trọng hơn nữa việc khai thác tài nguyên văn hoá dân tộc, định ra một cách nghiêm túc chiến lược công nghiệp văn hoá quốc gia, tích cực xây dựng hệ thống công nghiệp văn hoá, hình thành nên sức mạnh có thể chống chọi văn hoá phương Tây thông qua các sản phẩm hàng hoá của họ, ồ ạt xâm nhập thị trường văn hóa Việt Nam.

Bốn, mạnh dạn thu hút tinh hoa của văn minh phương Tây, tăng cường hơn nữa sức tự hội văn hoá của dân tộc ta và sức đề kháng đối với bá quyền văn hoá. Chúng ta chủ trương phản đối bá quyền văn hoá, bảo vệ chủ quyền văn hoá, tăng cường an toàn văn hoá, nhưng không gạt bỏ mù quáng một cách giản đơn mọi giá trị văn hoá từ nước ngoài vào, mà ngược lại, phải chủ động thu hút mọi tinh hoa của văn minh phương Tây để phát triển đất nước, nhất là trong bối cảnh Khoa học - Kỹ thuật phát triển mạnh, nhanh như hiện nay. Tốc độ đổi mới hệ thống tri thức tăng nhanh, chúng ta chỉ có thu hút mạnh dạn hơn nữa thành quả văn minh tiên tiến nhất, hoà nhập vào văn hoá Việt Nam, mới có thể làm lớn mạnh hơn nữa thực lực văn hoá, sức mạnh văn hoá Việt nam. Từ đó kích thích hơn nữa niềm tự hào dân tộc, lòng yêu nước và lực hướng tâm dân tộc của quần chúng nhân dân, đồng thời tăng cường sức miễn dịch và sức đề kháng của văn hoá Việt nam đối với sự thẩm thấu những ảnh hưởng của văn hoá phương Tây làm nguy hại cho văn hoá của dân tộc.

Năm, cần đẩy mạnh việc quản lý nhập khẩu các sản phẩm văn hoá phương Tây, xây dựng cơ chế dự báo về sự an toàn văn hoá quốc gia có hiệu quả. Xây dựng cơ chế dự báo an toàn, là phải đi sâu phân tích tình hình phát triển công nghiệp văn hoá nước ta, xu thế lưu thông các sản phẩm văn hoá trên thị trường văn hoá quốc tế, đánh giá khách quan các sản phẩm văn hoá phương Tây khi đi vào thị trường nước ta có thể gây ra tác động tiêu cực cho công nghiệp văn hoá nước ta như thế nào. Trên cơ sở đó, một mặt định hướng vận dụng các biện pháp về pháp

luật, hành chính, thị trường, kinh tế và các biện pháp quản chế khác đảm bảo cho sự an toàn văn hóa của nước ta; mặt khác giúp cho các chủ thể quản lý nhận biết và phân biệt sản phẩm văn hoá phương Tây sẽ đi vào nước ta, tìm cách thu hút và nhập khẩu những sản phẩm phù hợp lợi ích văn hoá của chúng ta và có lợi cho công nghiệp văn hoá của nước nhà phát triển. Từ chối và tẩy chay những sản phẩm văn hoá nguy hại đến lợi ích văn hoá của dân tộc, từ đó không chế kiểm soát chặt chẽ những nhân tố và sức mạnh có thể gây ra mối đe doạ sinh tồn và phát triển đối với văn hoá và phát triển công nghiệp văn hoá nước ta. Bên cạnh đó, chúng ta có tài nguyên văn hóa dân tộc phong phú phải được kích thích cho sống động bằng cuộc sống hiện tại. Chúng ta phải kiên quyết bảo vệ di sản văn hóa dân tộc, phải từ trong truyền thống dân tộc thu hút lấy dinh dưỡng dồi dào để phát triển và hiện đại hóa văn hóa dân tộc, đồng thời với việc tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa tiên tiến của nhân loại trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Chỉ có như vậy mới có thể tăng cường được sức sáng tạo và sức cạnh tranh quốc tế của văn hóa Việt Nam, mới thực sự bảo đảm cho an toàn văn hóa của nước nhà

Tóm lại, đối với một quốc gia, sức mạnh không chỉ thể hiện trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quân sự...mà nó còn thể hiện thông qua sức mạnh mềm văn hoá. Một quốc gia dân tộc phải thực sự bản lĩnh và trí tuệ mới có thể bảo vệ và gìn giữ các giá trị văn hoá của mình. Chính vì vậy, để bảo vệ được các giá trị đó thì mỗi công dân của Việt Nam, trong đó có sinh viên trường Đại học Tây Nguyên cần phải nhận thức đúng đắn về vấn đề chủ quyền văn hoá. Luôn tỉnh táo trước âm mưu của các thế lực thù địch khi sử dụng sức mạnh mềm văn hoá để chống phá chủ quyền văn hoá của nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Phạm Huy Kỳ, 2013, Chủ quyền văn hóa và an toàn văn hóa - vấn đề đặt ra với Việt Nam hiện nay, <https://ajc.hcma.vn/Pages/nghien-cuu-khoa-hoc.aspx?CateID=679&ItemID=3346>
2. GS.TS Trần Ngọc Thêm, “Văn hoá Trung Quốc và văn hoá Việt Nam – Một số vấn đề cần bàn”, Tạp chí số 13, trang 16, Hà Nội, 2014.

SINH VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI VAI TRÒ TRUNG TÂM CỐ KẾT CỘNG ĐỒNG, KIẾN TẠO VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

TS. Phạm Trọng Lượng

Phòng Công tác sinh viên, Trường Đại học Tây Nguyên

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, quan hệ tộc người (Ethnic group/Ethnicity) tồn tại với nhiều dạng thức khác nhau. Ở cấp độ cá nhân có các dạng quan hệ cá nhân với người đồng tộc; quan hệ cá nhân với người khác tộc người. Ở cấp độ cộng đồng có: quan hệ trong nội bộ cộng đồng (quan hệ giữa các nhóm cùng tộc người trong nước); quan hệ giữa tộc người này với tộc người khác và quan hệ liên cộng đồng. Ở cấp độ dân tộc - quốc gia và quốc gia - dân tộc (Nation-State). Trong các mối quan hệ trên thì quan hệ tộc người thì quan hệ quốc gia - dân tộc (Nation-State) là vấn đề then chốt. Quan hệ này có liên quan mật thiết đến các tộc người, đến quan hệ nhà nước với tộc người, và hơn thế là sự ổn định, phát triển của các tộc người trong một quốc gia thống nhất. Bên cạnh đó còn có quan hệ dân tộc xuyên quốc gia.

Vấn đề ý thức tộc người, ý thức quốc gia dân tộc, sự cố kết cộng đồng quốc gia - dân tộc đã được đề cao trong lịch sử Việt Nam. Quốc gia - dân tộc Việt Nam có vị trí địa lý hết sức đặc biệt, là bạn hàng xóm “núi liền núi - sông liền sông” với một quốc gia - dân tộc luôn có tư tưởng bành trướng, xâm lược đó là Trung Quốc. Ý thức quốc gia - dân tộc không chỉ tồn tại trong bộ phận thượng tầng kiến trúc mà còn ở tất cả người dân Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay, việc nhận diện và làm sâu sắc hơn vấn đề cố kết cộng đồng làm nền tảng cho quá trình kiến tạo, phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số, phát huy văn hóa dân tộc quốc gia trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu quốc tế là điều cần thiết. Để đất nước ổn định, quốc gia cường thịnh, có bản sắc thì việc xây dựng quốc gia - dân tộc cần có sự cố kết cộng đồng cao và sự kiến tạo liên tục. Điều đó có nghĩa, xây dựng quốc gia - dân tộc không chỉ là kinh tế mà cả văn hóa, và là một quá trình liên tục, lâu dài, không có thời điểm kết thúc, bởi trong những bối cảnh mới luôn đặt ra các thách thức mới. Như vậy, quốc gia - dân tộc là kết quả của một quá trình cộng đồng kiến tạo liên tục, không ngừng nghỉ. Sự kiến tạo trước hết thuộc về trách nhiệm của nhà nước, của công dân ở quốc gia - dân tộc đó, ở từng cá nhân trong mỗi tộc người và sau nữa có thể có cả sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế và các nước phát triển. Tuy nhiên, sự giúp đỡ này thường chỉ ở hợp phần xây dựng quốc gia, còn xây dựng dân tộc hay rõ hơn là xây dựng sự cố kết và bản sắc dân tộc lại thuộc về bản thân quốc gia - dân tộc đó.

Trong nội tại, tự thân sự cố kết cộng đồng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó các yếu tố ý thức tộc người, yếu tố hiểu biết tự thân văn hóa tộc người, yếu tố kiến tạo, hội nhập là các yếu tố then chốt. Không khó khi chúng ta dẫn chứng trên thế giới hiện nay có nhiều dân tộc, quốc gia thiếu sự cố kết, kiến tạo, vì quá trình hội nhập mà họ mất bản sắc văn hóa của mình, không thể nhận diện trong thế giới phẳng này. Ngược lại có nhiều quốc gia thành công trong kiến tạo thương hiệu quốc gia qua nhận diện văn hóa và ý thức cố kết tộc người.

Vấn đề cốt lõi ở đây, Việt Nam hiện đang chịu tác động của tất cả các yếu tố trên đặc biệt là quá trình hội nhập. Chủ thể quan trọng trong hội nhập là những người trẻ tuổi, đặc biệt là sinh viên. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, số sinh viên hệ đại học cả nước năm học 2019 - 2020 là 1.672.881 người (số liệu không bao gồm các trường đại học, học viện thuộc khối An ninh, Quốc phòng). Số sinh viên tốt nghiệp đại học là 263.172 người. Năm học 2019 - 2020, có 103.181 sinh viên là người dân tộc thiểu số, chiếm tỉ lệ 6.16% tổng số sinh viên cả nước.

Với số lượng sinh viên hết sức đông đảo và là đại diện tiêu biểu cho lớp trẻ, có trình độ, có năng lực, nhanh nhạy và có khả năng tiếp thu các yếu tố mới. Do vậy, sinh viên được coi là đối tượng có vai trò trung tâm cho các hoạt động nhằm phát huy giá trị văn hóa dân tộc, là trung tâm cho sự cố kết cộng đồng và là đại diện cho sức mạnh và tương lai quốc gia dân tộc ở tâm vĩ mô.

Đối với các dân tộc thiểu số, trí thức và đặc biệt là sinh viên là vốn quý, là nguồn vốn con người có vai trò then chốt cho quá trình cố kết, kiến tạo và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số.

2. VẤN ĐỀ QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÍNH CỐ KẾT CỘNG ĐỒNG HIỆN NAY Ở VIỆT NAM

Nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng, để quan hệ dân tộc và tính cố kết cộng đồng dân tộc bền vững phải đảm bảo ba nguyên tắc cơ bản trong xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam là: (i) Nguyên tắc đoàn kết dân tộc; (ii) Nguyên tắc bình đẳng; (iii) Nguyên tắc tôn trọng. Trong ba nguyên tắc này, nguyên tắc đoàn kết dân tộc là quan trọng nhất. Ba nguyên tắc này cũng là nền tảng trong quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Việt Nam là một quốc gia thống nhất đa dân tộc, có 54 dân tộc cùng sinh sống, cư trú đan xen. Các dân tộc có truyền thống đoàn kết, luôn kề vai sát cánh trong quá trình dựng nước và giữ nước. Từ trước đến nay, Đảng và nhà nước luôn coi trọng vấn đề dân tộc và nhất quán trong chính sách là “bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển”. Hiện nay, đất nước đổi mới và hội nhập quốc tế toàn diện, nhiều thời cơ và thách thức đan xen, việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc sẽ tạo sự cố kết dân tộc rất có ý nghĩa, là điểm tựa phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết vì một mục tiêu đất nước hùng cường.

Để đảm bảo mục tiêu trên, nhiều văn bản đã được ban hành nhằm quản lý, hoạch định chính sách phát triển khối đoàn kết dân tộc. Hệ thống chủ trương, chính sách, pháp luật về vấn đề dân tộc, đoàn kết dân tộc được ban hành trên nhiều lĩnh vực, khá toàn diện và phủ kín các địa bàn vùng dân tộc, miền núi, đặc biệt liên quan đến xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội. Nhiều văn bản quy định rõ nội dung cụ thể và quan điểm coi trọng bình đẳng, công bằng, hiệu quả trong giải quyết vấn đề dân tộc. Với hệ thống chính sách trên, trong những năm qua chúng ta đã đạt khá nhiều thành tựu về công tác dân tộc, xác lập những tiền đề quan trọng cho sự cố kết dân tộc, tộc người.

Kinh tế của đồng bào có bước phát triển rõ rệt, đời sống được nâng lên, diện mạo vùng dân tộc thiểu số (DTTS) khởi sắc với hệ thống kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện. Nền kinh tế bước đầu chuyển dịch theo hướng thị trường, phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng vùng, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống người dân.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được quy định rõ ràng. Hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng DTTS được kiện toàn, hoạt động tương đối hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người DTTS được quan tâm, được quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Văn hóa của đồng bào DTTS có bước phát triển và đạt một số kết quả đáng khích lệ. Thiết chế văn hóa có sự tái cấu trúc và từng bước hình thành diện mạo mới phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào được bảo tồn và phát huy. Ý thức của đồng bào trong giữ gìn các giá trị truyền thống tốt đẹp, thực hiện nếp sống văn minh được nâng lên.

Về các vấn đề xã hội, giáo dục, y tế có bước phát triển mới. Đối với giáo dục, cơ sở vật chất trường lớp được đầu tư nâng cấp. Chính sách về giáo dục, đào tạo, chế độ cho giáo viên và học sinh, sinh viên được thực hiện tương đối tốt, đúng đối tượng, tạo điều kiện nâng cao chất lượng dạy và học, thu hút con em đồng bào đến trường.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc bước đầu được chú trọng. Tăng cường phối hợp với các đối tác quốc tế trong việc nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác dân tộc; khuyến khích việc giúp đỡ, hỗ trợ đầu tư phát triển vùng DTTS. Hoạt động tuyên truyền đối ngoại, tổ chức giao lưu, kết nghĩa góp phần tăng cường đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc vùng biên giới được đẩy mạnh.

Đây là những thành quả quan trọng, tạo môi trường lành mạnh trong quan hệ dân tộc, nâng cao vị thế của từng dân tộc, xác lập niềm tin vào mối quan hệ cố kết các dân tộc tốt đẹp từ trong lịch sử.

Tuy nhiên, việc giải quyết vấn đề dân tộc trong thời gian qua còn một số bất cập, hạn chế. Trong xây dựng và triển khai chính sách pháp luật về dân tộc còn thiếu quy định về quy trình xây dựng chính sách; chưa phân định rõ ràng, cụ thể nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi cấp trong việc ban hành chế độ chính sách. Nhiều vấn đề của DTTS đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết nhưng chưa hoặc thể hiện chưa đầy đủ trong các văn bản luật, pháp lệnh, nghị quyết... Còn thiếu một số chính sách phát triển bền vững cho vùng đồng bào DTTS. Mặt khác, nhiều nội dung chính sách dân tộc còn có sự chồng chéo, chưa sát và hợp với thực tiễn hoặc thiếu nguồn lực thực thi, làm hạn chế hiệu quả của hệ thống chính sách pháp luật. Việc rà soát xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thiện một số đề án, chính sách dân tộc còn chậm, chất lượng còn hạn chế.

Trong phát triển kinh tế, mặc dù tốc độ tăng trưởng khá nhanh song đóng góp còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng. Hệ thống kết cấu hạ tầng tuy được cải thiện song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Sản xuất nông nghiệp là chủ đạo, tự phát, chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao, hiện vẫn còn nhiều nhóm DTTS, nhiều vùng có trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp hơn rất nhiều so với bình quân của cả nước, nhiều nhóm dân tộc, nhiều nơi nguy cơ tái nghèo lớn, đời sống bấp bênh.

Hệ thống chính trị cơ sở ở một số vùng DTTS còn yếu kém. Công tác quản lý xã hội chưa sâu sát, không nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của đồng bào, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới. Đội ngũ cán bộ là người DTTS tuy có tăng về số lượng nhưng chất lượng chưa cao, thiếu chuyên môn nghiệp vụ.

Đời sống văn hóa - xã hội của đồng bào DTTS tuy có những tiến bộ nhiều mặt, song mức hưởng thụ văn hóa của người dân còn thấp. Bản sắc văn hóa truyền thống của nhiều dân tộc đang bị mai một. Có dân tộc đang đứng trước nguy cơ mất bản sắc văn hóa, suy giảm số lượng, chất lượng dân số. Chất lượng giáo dục thấp. Tình trạng sức khỏe của đồng bào cải thiện chậm. Tỷ lệ tử vong của trẻ em, tỷ lệ suy dinh dưỡng, tỷ suất sinh tử còn cao. Dịch vụ y tế kém phát triển so với nhu cầu, chất lượng khám chữa bệnh thấp.

Những hạn chế trên tác động rất lớn đến quan hệ dân tộc và tính cố kết cộng đồng ở Việt Nam hiện nay. Hệ quả của những hạn chế trên trong mối tương quan với quan hệ và sự cố kết dân tộc ở Việt Nam mà điểm hình là ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam hiện đang hiện tồn tại “cái gì đó?”. Các cuộc bạo loạn diễn ra ở Tây Nguyên, vùng người Hmông ở Điện Biên, xung đột đất đai ở Tây Nam Bộ là “cái gì đó?”, nguyên nhân từ đâu, tại sao? Trong lịch sử hiện đại, Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam là “căn cứ địa” của cách mạng, là đỉnh cao của sự cố kết cộng đồng, sự đoàn kết Kinh - Thượng, là “thành trì”, “biểu tượng” của chế độ. Điều này có nghĩa là, tác động vào các mối quan hệ dân tộc, cố kết dân tộc không chỉ từ chúng ta, nhận thức kiểu chúng ta mà còn nhiều thế lực khác. Các cuộc bạo loạn ở Tây Nguyên, Điện Biên không chỉ là vấn đề đất đai, kinh tế, quan hệ dân tộc, cố kết dân tộc mà thấp thoáng sau đó là yếu tố tôn giáo, các yếu tố nước ngoài và yếu tố “li khai”.

Ngoài ra, các yếu tố lịch sử đã và đang được khơi lại có ảnh hưởng đến mối quan hệ dân tộc. Sự đa dạng văn hóa dân tộc là di sản quý báu, song ở một số nơi và một số dân tộc, ảnh hưởng của văn hóa quốc gia chưa sâu đậm, các yếu tố lịch sử làm giảm sự thống nhất về ý thức tộc người, ảnh hưởng đến cố kết của cộng đồng quốc gia - dân tộc.

Với thực trạng đó, xu hướng của quan hệ và sự cố kết cộng đồng dân tộc trong thời gian đến ở Việt Nam vẫn là: Thứ nhất, sự gia tăng các yếu tố chính trị, tôn giáo trong bối cảnh xây dựng quan hệ dân tộc, cố kết dân tộc ngày càng khó khăn; Thứ hai, các vấn đề về dân tộc, quan hệ dân tộc, cố kết dân tộc sẽ được quan tâm toàn diện và sâu sắc hơn; Thứ ba, ngày càng nhiều các tổ chức chính trị, các quốc gia ngầm định hoặc công khai chống đối. Một số phần tử ở nước ngoài tăng cường hoạt động ở vùng dân tộc đặc biệt là Tây Nguyên, Tây Bắc và Tây Nam; Thứ tư, kinh tế phát triển, đất nước hội nhập sâu rộng, quan hệ xã hội, sự cố kết cộng đồng trong nội bộ dân tộc, giữa dân tộc này với dân tộc khác, giữa dân tộc với cộng đồng quốc gia – dân tộc tiếp tục có những thay đổi lớn lao; Thứ năm, dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập, quan hệ dân tộc, cố kết dân tộc và hơn nữa là văn hóa dân tộc sẽ được kiến tạo, tái cấu trúc do tiếp thu nhiều yếu tố văn hóa mới; Thứ sáu, dân tộc và tôn giáo sẽ là hai lĩnh vực được gắn kết chặt chẽ trong tương lai.

3. VẤN ĐỀ KIẾN TẠO VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ HIỆN NAY Ở VIỆT NAM

Gần đây, thuật ngữ kiến tạo được sử dụng rộng rãi ở tất cả các ngành khoa học đặc biệt là trong giảng dạy. Tuy nhiên, thuật ngữ kiến tạo được sử dụng trong văn hóa vẫn còn nhiều băn khoăn. Hiện nay người ta mới chú trọng đến kiến tạo văn hóa doanh nghiệp là chính, lĩnh vực khác trong văn hóa còn bỏ trống.

Thông thường, trong lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, thuật ngữ kiến tạo văn hóa

được hiểu như xây dựng, tái tạo. Cũng có ý kiến khác trong các nhà nghiên cứu văn hóa, thuật ngữ kiến tạo văn hóa được hiểu là tái cấu trúc.

Đối với các doanh nghiệp, tạo lập thương hiệu và nâng cao giá trị thương hiệu không chỉ ở chất lượng sản phẩm mà còn là kiến tạo văn hóa, thúc đẩy giá trị cộng đồng xã hội. Có 5 vấn cốt lõi dẫn đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp thất bại, đó chính là:

- (1) Thiếu sự nhận thức sâu sắc về văn hóa và tầm quan trọng của văn hóa.
- (2) Thiếu một tầm nhìn rõ ràng cho văn hóa doanh nghiệp của mình.
- (3) Thiếu một phương pháp luận đúng đắn và tối ưu để xây dựng văn hóa.
- (4) Thiếu một giải pháp cụ thể để hiện thực hóa phương pháp luận đó.
- (5) Thiếu sự quyết tâm và nỗ lực bền bỉ trong quá trình xây dựng văn hóa.

Cũng giống như doanh nghiệp, kiến tạo và phát triển văn hóa tộc người ở đây cũng giống như xây dựng thương hiệu doanh nghiệp, đó chính là thương hiệu văn hóa dân tộc.

Sự kiến tạo thương hiệu văn hóa dân tộc ở đây cũng phải dựa trên: i/ Chúng ta thiếu những hiểu biết, nhận thức sâu sắc về bản sắc văn hóa dân tộc, và tầm quan trọng của văn hóa đến sự tồn vong của chính tộc người mình; ii/ Chúng ta thiếu một tầm nhìn rõ ràng cho văn hóa và có đề án cụ thể về sự phát triển văn hóa của chính dân tộc mình; iii/ Chúng ta thiếu hệ thống phương pháp luận đúng đắn và tối ưu để giữ gìn, bảo vệ, xây dựng và phát huy giá trị văn hóa của chính dân tộc mình; iv/ Chúng ta thiếu giải pháp cụ thể để hiện thực hóa phương pháp luận đó, và v/ Chúng ta thiếu sự quyết tâm và nỗ lực bền bỉ trong quá trình kiến tạo, xây dựng văn hóa.

Hiện nay, vấn đề phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số luôn là một nội dung quan trọng nhận được nhiều quan tâm. Ở cấp độ quan điểm, chính sách, Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định, văn hóa các dân tộc thiểu số là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất, đa dạng. Các chủ trương, chính sách được ban hành thực hiện đã góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tạo động lực để phát triển đời sống kinh tế, xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ngày 27/7/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1270/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”. Cho đến nay đề án đã kết thúc, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số đạt được nhiều kết quả. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số được cụ thể hóa bằng nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực. 407 dự án sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc Việt Nam, 145 di sản văn hóa văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Có hơn 80 lễ hội truyền thống tiêu biểu của các DTTS được Bộ VH, TT & DL hỗ trợ các địa phương tổ chức phục dựng, bảo tồn và phát triển đúng mục đích, phù hợp với từng dân tộc; hơn 30 làng, bản, buôn truyền thống của 25 dân tộc thuộc các tỉnh đại diện cho vùng, miền trên cả nước được hỗ trợ đầu tư bảo tồn, gắn phát triển du lịch với khai thác, phát huy giá trị bản sắc văn hóa. Sau 2 đợt xét tặng (năm 2015 và 2019), đã có 559 nghệ nhân là người dân tộc thiểu số được Chủ tịch nước phong tặng/truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước. Từ đó nhân rộng, phát triển để xây dựng các làng văn hóa - du lịch, điểm văn hóa du lịch, tạo đà chuyển

dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh tốc độ xóa đói, giảm nghèo.

Như vậy, trong khoảng hơn khoảng 10 năm lại đây, nhiều dự án bảo tồn di sản văn hóa đã được tiến hành và đạt được nhiều kết quả đáng kể. Để tiếp tục thực hiện tốt hơn, chúng ta cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục đổi mới hệ thống chính sách về sưu tầm, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa theo hướng cơ bản, đồng bộ, lâu dài. Trong đó tập trung vào ban hành các chính sách cụ thể hướng vào lĩnh vực bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các DTTS, ngôn ngữ DTTS, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS.

Hai là, triển khai tốt, trọng tâm, trọng điểm Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó, Dự án số 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch” do Bộ VH-TT & DL chủ trì, phối hợp triển khai phải lựa chọn được nội dung cốt lõi thực hiện.

Ba là, Coi trọng việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết; bảo tồn làng, bản, buôn; và phát huy lễ hội truyền thống của các dân tộc gắn với phát triển du lịch; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào thông qua việc xây dựng, tổ chức các hoạt động văn hóa lễ hội của đồng bào DTTS.

Bốn là, Chú trọng các chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng DTTS. Khen thưởng, công nhận, ghi nhận, động viên, hỗ trợ cho các nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng đi đầu trong bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các DTTS.

Như vậy, trong kiến tạo văn hóa tộc người, về căn cơ chúng ta còn nhận thức chưa toàn diện, trong quá trình thực hiện thiếu lý luận và lúng túng trong thực tế thực hiện. Do vậy vấn đề phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số hiện nay ở Việt Nam trong quá trình thực hiện còn nhiều chông gai.

4. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA SINH VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CỐ KẾT CỘNG ĐỒNG, KIẾN TẠO VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

Theo theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, số sinh viên hệ đại học cả nước năm học 2019 - 2020 là 1.672,881 sinh viên (không bao gồm các trường đại học, học viện thuộc khối An ninh, Quốc phòng). Số sinh viên tốt nghiệp đại học là 263,172 sinh viên. Có 103,181 sinh viên là người dân tộc thiểu số trên cả nước năm học 2019 - 2020 (chiếm tỉ lệ 6,16%).

Bảng 1. Quy mô sinh viên/sinh viên dân tộc thiểu số Việt Nam
năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020

Năm học	Năm học 2018-2019			Năm học 2019 - 2020	
	Tổng số	Loại hình		Tổng số	Loại hình
		Công lập	Ngoài công lập		Công lập
Quy mô sinh viên đại học	1,526,111	1,261,529	264,582	1,672,881	1,359,402
- Nữ	780,289	641,744	138,545	912,660	743,272
- Dân tộc thiểu số	89,078	78,141	10,937	103,181	89,650
Chia theo hình thức đào tạo					
- Chính Quy	1,346,545	1,090,547	255,998	1,514,862	1,210,300
- Vừa làm vừa học	144,211	136,315	7,896	118,419	110,493
- Đào tạo từ xa	35,355	34,667	688	39,600	38,609

Nguồn: Cục Công nghệ thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2020

Cùng với sinh viên người DTTS cả nước, sinh viên DTTS học tại Trường Đại học Tây Nguyên chiếm tỉ lệ khá lớn (hơn 20%) gồm nhiều dân tộc khác nhau. Sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên nói chung, sinh viên là người DTTS học tại Trường có những đặc điểm rất nổi bật:

Thứ nhất, dễ tiếp thu cái mới, thích cái mới, nhạy cảm với các vấn đề văn hóa, chính trị, xã hội, đôi khi khó kiểm soát nếu không được định hướng tốt.

Thứ hai, công nghệ thông tin phát triển, thế giới phẳng, sự hình thành môi trường ảo, hình thành một lối sống ảo, dễ bị cuốn theo xu hướng. Từ đó, hình thành phương pháp tư duy của thời đại công nghệ thông tin với đặc trưng: Ngôn ngữ ngắn gọn, viết bằng bàn phím thay vì cây bút, có tính lắp ghép, hệ thống, hạn chế sự bay bổng về mặt hình tượng trực quan, vì thế dễ sống trong môi trường ảo, hiện thực ở, giao tiếp ảo.

Thứ ba, về môi trường sống, sinh viên học tập trung tại trường, sinh hoạt trong một cộng đồng (trường, lớp) gồm chủ yếu là những thành viên tương đối đồng nhất về tri thức, lứa tuổi, với những quan hệ có tính chất khá gần gũi. Do vậy, dễ tạo ra xu hướng đồng nhất, dễ quên các yếu tố truyền thống.

Thứ tư, do môi trường ảo và các yếu tố khác tác động nên tư tưởng, thái độ bị quan trọng sinh viên xuất hiện ngày một nhiều.

Thứ năm, ngoài các đặc điểm trên, sinh viên Trường còn có các điểm yếu khác như: học với tư tưởng làm thầy, làm lãnh đạo, làm quản lí, chưa phải học để làm thợ, để làm người lao động; ít chủ động tự tìm kiếm cơ hội; thiếu tự tin về tri thức và kĩ năng, thiên về chỉ trích, phê bình,...

Trường Đại học Tây Nguyên là một trường công lập, được thành lập năm 1977, đứng chân trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Trong suốt 44 năm qua (1977 - 2021), Nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đóng góp vào sự nghiệp phát triển của khu vực Tây Nguyên và cả nước trên nhiều lĩnh vực: Đào tạo; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ các địa phương công tác giáo dục, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe cộng đồng; bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa các dân tộc, góp phần quan trọng trong bảo đảm an ninh – chính trị và

quốc phòng cho khu vực Tây Nguyên. Hiện Trường đào tạo 36 ngành trình độ Đại học, 08 ngành trình độ Cao đẳng, 11 ngành liên thông từ Cao đẳng lên Đại học hệ chính quy, 18 ngành hệ vừa làm vừa học, 09 ngành liên thông từ Trung cấp lên Đại học hệ chính quy, 10 ngành hệ Vừa làm vừa học; 18 ngành Sau đại học. Ngoài ra, Nhà trường còn có Trường THPT Thực hành Cao Nguyên, Trường Mầm non 11/11, Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên phục vụ nhu cầu học tập và khám chữa bệnh. Nhà trường hiện có 655 cán bộ, giảng viên trong đó đại đa số có trình độ giáo sư, Phó giáo sư, tiến sĩ, ... vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, giàu kinh nghiệm, tận tâm.

Trường Đại học Tây Nguyên đang nỗ lực phấn đấu xây dựng hình ảnh nhà trường năng động, thân thiện, là chỗ dựa vững chắc cho gia đình, xã hội, là địa chỉ tin cậy để HSSV học tập, rèn luyện.

Hiện nay, Trường đang đào tạo 7,954 sinh viên hệ chính quy trong đó có 1,698 sinh viên là người dân tộc thiểu số (chiếm 21,3%).

Bảng 2. Quy mô sinh viên/sinh viên dân tộc thiểu số

Trường Đại học Tây Nguyên năm học 2020 - 2021

Stt	Khoa	Số lượng	Dân tộc
1	Chăn nuôi Thú Y	564	67
2	Khoa học tự nhiên và công nghệ	606	74
3	Kinh tế	1,908	241
4	Lý luận chính trị	84	54
5	Ngoại ngữ	742	153
6	Nông lâm Nghiệp	317	66
7	Sư phạm	939	511
8	Y dược	2,794	532
Tổng		7,954	1,698

Nguồn: Phòng Công tác sinh viên, Trường Đại học Tây Nguyên năm 2021

Số sinh viên DTTS theo học tại Trường Đại học Tây Nguyên hàng năm giao động khoảng 20% tổng số sinh viên toàn trường.

Bảng 2. Quy mô sinh viên dân tộc thiểu số Trường Đại học Tây Nguyên

Năm học	Dân tộc	Số lượng	Năm học	Dân tộc	Số lượng	Năm học	Dân tộc	Số lượng	Năm học	Dân tộc	Số lượng
Năm học 2018 - 2019	Ê đê	396	Năm học 2019 - 2020	Ê đê	401	Năm học 2020 - 2021	Ê đê	447	Năm học 2021 - 2022	Ê đê	451
	Gia rai	186		Gia rai	200		Gia rai	256		Gia rai	257
	Chăm	79		Chăm	98		Chăm	124		Chăm	142
	Mường	45		Mường	47		Mường	46		Mường	49
	Nùng	176		Nùng	137		Nùng	129		Nùng	114
	Tày	167		Tày	156		Tày	137		Tày	143
	Thái	46		Thái	37		Thái	30		Thái	33

Nguồn: Phòng Công tác sinh viên, Trường Đại học Tây Nguyên năm 2021

Với các đặc điểm sinh viên DTTS nói riêng, sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên nói chung, chúng ta dễ nhận diện vai trò của sinh viên DTTS trong cố kết cộng đồng, kiến tạo và phát huy văn hóa các DTTS.

Thứ nhất, đặc điểm nhanh nhậy, ưa cái dễ, dễ chấp nhận cái đơn giản, học theo xu hướng nhanh, nhưng thụ động, ít tự tạo cơ hội nên việc sinh viên DTTS tiếp thu những mặt tích cực, tiên tiến của văn hóa hiện đại theo đúng nghĩa sẽ khó khăn,

đồng thời việc tự hào, phát huy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc không hề đơn giản.

Thứ hai, việc định hướng chuẩn mực và phát huy văn hóa truyền thống dân tộc trong sinh viên DTTS gặp nhiều khó khăn. Mỗi một thế hệ có hệ quy chiếu văn hóa khác nhau do các khách thể tác động không giống nhau. Việc này càng khó khăn hơn trong việc kiến tạo lại văn hóa của chính dân tộc mình để hội nhập thành công.

Thứ ba, xuất phát từ thực tế tác động, ví như trong giao tiếp ứng xử của sinh viên với sinh viên hiện nay đã có nhiều sự thay đổi so với thế hệ trước đây. Trong suy nghĩ của sinh viên hiện nay, bạn bè không cần quá câu nệ, chuẩn mực trong lời nói. Việc không cầu kỳ trong lời ăn tiếng nói dẫn đến dễ chấp nhận những từ vốn “không đẹp”, thiếu ý nghĩa các từ, cấu trúc ngôn ngữ đơn giản,... Điều này không làm vốn từ ngữ tiếng dân tộc giàu có thêm, phong phú thêm, độc đáo thêm mà còn làm mất đi vẻ đẹp, vẻ thuần túy, trong sáng của ngôn ngữ tộc người. Như vậy, đây là kiến tạo mới theo hướng đánh mất bản sắc ngôn ngữ. Môi trường học đường đại học là nơi học tập nghiên cứu, tiếp nhận tri thức quý báu và phát huy nó thì nay trở thành địa chỉ đánh mất bản sắc nhanh nhất.

Như vậy, sinh viên DTTS với vai trò trung tâm cổ kết cộng đồng, kiến tạo và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số thực sự đang là vấn đề đặt ra cho chính bản thân sinh viên, thầy cô giáo, nhà trường và các nhà hoạch định chính sách. Sinh viên đại học, sinh viên người DTTS không chỉ là tầng lớp có trình độ, có năng lực mà còn mạng trong đó giá trị khát vọng của dân tộc mình, mang hồn của dân tộc lan tỏa đến bạn bè năm châu. Nhận diện tộc người qua đặc điểm văn hóa tộc người chứ không phải là đặc điểm kinh tế hay cá nhân.

5. MỘT VÀI GỢI Ý ĐỂ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA SINH VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CỔ KẾT CỘNG ĐỒNG, KIẾN TẠO VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

Một là: Giúp sinh viên DTTS nhận thức rõ tầm quan trọng của bản sắc dân tộc.

Thế giới đã bước sang cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Điều đó đặt nước ta trước thách thức mới về cổ kết cộng đồng, kiến tạo và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung. Việt Nam vừa phải cố gắng phát triển để theo kịp các nước tiên tiến, mặt khác phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Trước những khó khăn, thử thách đó sinh viên với vai trò, vị trí của mình phải nhận thức đầy đủ và hành động có trách nhiệm để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Chung tay với cộng đồng, sinh viên DTTS nói riêng phải tự mình phấn đấu, rèn luyện, tự trau dồi bản thân, những kỹ năng cần thiết, nỗ lực rèn luyện vì lợi ích chung của cộng đồng, vì sự phát triển của cá nhân và cao hơn nữa là dân tộc mình. Các em cần có bản lĩnh văn hóa, tìm hiểu, tiếp thu những phong tục, truyền thống quý báu của dân tộc mình, đầu tư trí tuệ, kiến tạo các hoạt động, sản phẩm văn hóa của dân tộc mình phù hợp với tình hình mới để quảng bá, phát huy văn hóa của chính dân tộc mình.

Hai là: Phải xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể, thực chất để phát huy vai trò của sinh viên DTTS.

Hiện nay có nhiều chương trình ở cấp độ cộng đồng. Tuy nhiên đầu tư cho đổi

tượng là sinh viên thì còn ít, mới chú trọng khẩu hiệu, hô hào, thiếu thực chất. Do vậy, cần thiết các đơn vị, các cấp, ngành phải có chương trình, chiến lược cụ thể, thống nhất và thực chất hỗ trợ sinh viên trong việc cố kết cộng đồng, kiến tạo và phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số nói riêng và văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó mới phát huy được vai trò của sinh viên trong quá trình này.

Mặt khác, muốn phát huy được văn hóa truyền thống thì phải xây dựng các chuẩn mực về văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng. Tiếp tục giáo dục, bồi dưỡng đạo đức, lối sống có văn hóa cho sinh viên, góp phần giữ gìn và phát triển những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc, xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa.

Ba là: Tổ chức cho sinh viên DTTS các hoạt động trải nghiệm về văn hóa, giảm lý thuyết, tăng trải nghiệm.

Đối với các trường đại học trong cả nước, cần thay đổi cấu trúc chương trình đào tạo theo hướng giảm lý thuyết, tăng trải nghiệm; cần phải coi trọng khối kiến thức khoa học xã hội nhân văn, nhân bản. Rất nhiều các trường, các nhà giáo, nhà quản lý và hiện xã hội của chúng ta đang xem thường khối kiến thức khoa học xã hội nhân văn, nhân bản. Nếu mất tiền, mất tài sản, ... chúng ta có thể tìm lại, xây dựng lại, còn mất văn hóa, nhân văn, nhân bản thì rất khó gọi là người.

Bốn là: Phát huy tính tích cực và chủ động của sinh viên DTTS

Sinh viên DTTS cần chủ động, tích cực trong giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa trong quá trình hội nhập. Sinh viên phải nhận thấy trách nhiệm của mình đối với dân tộc, với quốc gia để quảng bá vẻ đẹp về đất nước, con người Việt Nam với thế giới. Tích cực trong quá trình tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để kiến tạo chính mình và văn hóa của dân tộc mình. Việc tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới giúp sinh viên hiểu được trách nhiệm giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc. Bên cạnh đó, giúp sinh viên có trách nhiệm xây dựng và phát triển đất nước. Đừng biến thành những người ích kỷ, thực dụng, quay lưng với truyền thống, mất gốc, lai căng...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Huyền Chi (2010), *Hiện đại và động thái truyền thông ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trương Minh Đức (2005), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Trương Minh Đức (2016), *Quan hệ tộc người ở Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đặng Nguyên Anh (Chủ biên - 2016), *Biến đổi xã hội ở Việt Nam - Truyền thống và hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Vương Xuân Tình (2019), *Cộng đồng kiến tạo tộc người với quốc gia - dân tộc trên thế giới và ở Việt Nam*, Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Viện Dân tộc học (2017), *Những vấn đề cơ bản, cấp bách về dân tộc, tộc người ở nước ta hiện nay: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. <https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ko-giao-duc-dai-hoc.aspx?ItemID=7389>.

Truy cập ngày 04/12/2021.

THƯƠNG HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN – GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG KIẾN TẠO VÀ PHÁT TRIỂN

PGS.TS. Buôn Krông Tuyết Nhung, ThS. Trần Thị Lệ Thanh
Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên, Trường Đại học Tây Nguyên

Tóm tắt: Thương hiệu là biểu tượng, là cách thức mà một cá nhân hoặc tổ chức kiến tạo nên. Thương hiệu có thể là văn hóa vật thể, hoặc phi vật thể được công bố, được xã hội công nhận, là một trong những yếu tố của văn hóa, là tài sản, là linh hồn của cá nhân hoặc tổ chức, là yếu tố không thể thiếu để tạo nên niềm tin và nâng cao chất lượng cuộc sống. Hơn 44 năm kiến tạo và phát triển, Trường Đại học Tây Nguyên (TTN) đã tạo được thương hiệu trong làng đại học Việt Nam và quốc tế. Sự nhận diện về Logo, tên trường và kiến trúc thương hiệu của Trường TTN với mong muốn khẳng định thương hiệu văn hóa của Trường TTN trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong phát triển kinh tế, xã hội và ổn định QPAN các tỉnh Tây Nguyên và trong khu vực.

Từ khóa: TTN, giá trị, văn hóa, thương hiệu

1. Khái luận về giá trị văn hóa và thương hiệu

Giá trị (value) là một khái niệm trừu tượng, “là cái làm cho một vật nào đó có ích lợi, đáng quý về một mặt nào đó. Đó có thể là giá trị nghệ thuật, giá trị tinh thần, giá trị sử dụng, giá trị của một sáng kiến kĩ thuật...”⁶. Với góc độ của văn hóa học, giá trị văn hóa được hiểu là phong tục tập quán,



Toàn cảnh Trường TTN

nguyên tắc, chuẩn mực, là hệ thống tri thức được kết tinh và sáng tạo của con người trong quá trình tương tác với tự nhiên, xã hội.

⁶ Từ điển tiếng Việt, Hoàng Phê chủ biên, Nxb Đà Nẵng, 2014, trang 386,

Giá trị văn hóa là sản phẩm của quá trình nhận thức, là một hình thái của đời sống vật chất và tinh thần của con người, bao gồm “hệ thống những đánh giá mang tính chủ quan của con người về tự nhiên, xã hội và tư duy theo hướng những cái gì đó được xem là cần, tốt, hay, đẹp. Nói cách



TTN – Biểu tượng giá trị văn hóa thương hiệu

khác, giá trị văn hóa chính là những cái được con người cho là “chân, thiện, mỹ” có tác dụng khẳng định và nâng cao bản chất con người. Do vậy, giá trị văn hóa được đề cập ở đây là giá trị xã hội, gắn bó mật thiết với hoạt động đời sống, tồn tại và phát triển của mỗi xã hội. Có thể nói, giá trị văn hóa được hiểu là một hình thái ý thức vật chất và tinh thần của cộng đồng có chức năng định hướng cho các mục tiêu, phương hướng và hành động của con người trong xã hội. Như vậy, giá trị văn hóa dân tộc được hiểu bao gồm các chuẩn mực giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được con người sáng tạo từ lâu đời, mang tính bền vững và được trao truyền từ đời này sang đời khác. Giá trị văn hóa dân tộc được biểu hiện qua cấu trúc hữu hình hoặc cấu trúc vô hình (tuyên bố và quan niệm chung: quan niệm của Edgar H. Schein). Trong dạng thức cấu trúc hữu hình và cấu trúc vô hình (tuyên bố, quan niệm...) thương hiệu được xem là một trong những cốt lõi tạo ra hệ giá trị văn hóa dân tộc.

Thương hiệu phải được hiểu theo nghĩa là "a famous brand", hoặc "a valuable brand". Về bản chất, “Thương hiệu là một cái tên, một từ ngữ, một dấu hiệu, một biểu tượng, một hình vẽ hay tổng thể các yếu tố kể trên nhằm xác định một sản phẩm hay một dịch vụ của một (hay một nhóm) sản phẩm hay dịch vụ của một người nào đó (hoặc tổ chức) nào đó” đã được công



bổ, công nhận (định nghĩa của Hiệp hội Marketing Hoa Kỳ). Còn tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (W/PO) lại trình bày như sau: “Thương hiệu là một dấu hiệu đặc biệt để nhận biết một sản phẩm hàng hoá hay một dịch vụ nào đó được sản xuất hay được cung cấp bởi một cá nhân hay một tổ chức. Đối với doanh nghiệp, thương hiệu là

khái niệm trong người tiêu dùng về sản phẩm, dịch vụ với dấu hiệu của doanh nghiệp gắn lên bề mặt sản phẩm dịch vụ nhằm khẳng định chất lượng và xuất xứ. Thương hiệu là một tài sản vô hình quan trọng và đối với các doanh nghiệp lớn, giá trị thương hiệu của doanh nghiệp chiếm một phần đáng kể trong tổng giá trị của doanh nghiệp”⁷

Qua hai khái niệm trên, có thể hiểu, thương hiệu là tập hợp những hình ảnh về tổ chức, hoặc là một biểu tượng, một hình ảnh của một sản phẩm, một nhóm hàng hóa hay dịch vụ nào đó nhằm giúp mọi người nhận biết được để phân biệt với các tổ chức, các sản phẩm, nhóm hàng hóa hay dịch vụ khác. Mặt khác, thương hiệu còn mang tính đại diện cho cá nhân, tổ chức, cho doanh nghiệp. "Các dấu hiệu" có thể bao gồm các biểu tượng, logo, khẩu hiệu biểu ngữ, âm thanh, quy ước v.v...



Đối với Trường TTN, văn hóa, thương hiệu của Trường bao gồm hệ thống văn hóa vật thể và phi vật thể được kiến tạo từ năm 1977 đến nay. Trong phạm vi của Bài tham luận Hội thảo khoa học, nhóm tác giả chia sẻ sự nhận diện văn hóa Trường TTN qua biểu tượng Logo, tên trường, kiến trúc thương hiệu của Trường Đại học (TTN), góp phần khẳng định vai trò của Trường TTN trong kiến tạo và phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong phát triển.

2. Tên Trường TTN – Giá trị văn hóa được kiến tạo gắn với khu vực Tây Nguyên

Trong sự nghiệp đổi mới, Đảng ta luôn coi trọng vị trí, vai trò của văn hóa, khẳng định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh cho sự phát triển. Hiện nay, trước những thách thức đặt ra của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, càng phải chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc vì sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cùng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu hiện nay, yêu cầu bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa được đặt ra đối với bất kỳ dân tộc hay quốc gia nào trên thế giới. Trong xu hướng hiện đại, bảo tồn và phát triển di sản văn hóa là gắn di sản đó vào sự phát triển của đời sống xã hội. Mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển là kế thừa và phát triển nó phù hợp với thực tiễn theo sự phát triển của quy luật khách quan, mà vấn đề quan trọng nhất là đề cao giá trị cốt lõi của văn hóa trong phát triển.

⁷ https://cdmginc.com/?gclid=EAIaIQobChMIpIObrbPQ9AIVVq2WCh3SPwnEEAAYASAAEgINevD_BwE

Giá trị văn hóa được gọi là “vốn văn hóa” với các đặc điểm tiêu biểu là: (1) Giá trị văn hóa có khả năng bổ sung làm gia tăng giá trị kinh tế của một sản phẩm văn hóa với tư cách là loại “sản phẩm có giá trị đặc thù”; (2) Giá trị văn hóa góp phần xây dựng nhân cách, điều chỉnh hành vi cá nhân làm cho nguồn nhân lực xã hội có chất lượng trí tuệ cao hơn,



Cổng Trường TTN – Biểu tượng giá trị văn hóa gắn với tên Trường

đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội; (3) Vốn văn hóa là một bộ phận cấu thành môi trường xã hội lành mạnh - yếu tố không thể thiếu trong phát triển bền vững; (4) Một sản phẩm có hàm lượng văn hóa, trí tuệ càng cao thì giá trị hàng hóa/giá trị thương phẩm càng tăng. Xét về cấu trúc, di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa vật thể (kiến trúc, di sản thiên nhiên, bảo vật, cổ vật, đền đài, thành quách, biểu tượng, ...) và di sản văn hóa phi vật thể (nghệ thuật, văn chương, tri thức, kỹ năng, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bí quyết công nghệ...), mang những giá trị văn hóa - vốn văn hóa đặc sắc, tiêu biểu cho lịch sử xây dựng và phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Tiếp cận từ góc độ kinh tế học, các di sản văn hóa không chỉ mang giá trị văn hóa, mà còn mang giá trị kinh tế, có khả năng tạo ra lợi nhuận và sinh kế cho cộng đồng. Do đó, bảo tồn một cách bền vững và hiệu quả góp phần gia tăng giá trị của di sản văn hóa.

Xác định được giá trị đó, địa danh của Tây Nguyên được xác định gắn với tên của Trường Đại học Tây Nguyên trước khi được công bố. Tên Trường TTN xuất hiện chính thức được công bố trong văn bản hành chính của Nhà nước vào ngày 11 tháng 11 năm 1977 theo Quyết định số 298/CP của Hội đồng Chính phủ gắn với sự kiện Giáo sư – Đại tá - Bác sỹ Y-Tlam Kbuôr (1925 - 2008) nhậm chức Hiệu trưởng đầu tiên của Trường TTN vào tháng 11/1977 (từ năm 1977 đến năm 1985). Tên trường TTN không những dùng để chỉ cơ sở đào tạo mà chứa đựng trong nó nhiều ý nghĩa và các giá trị văn hóa, lịch sử. TTN thể hiện rõ cụm từ xác định loại cơ sở đào tạo là trường đại học gắn với khu vực Tây Nguyên và không trùng lặp với bất cứ tên của cơ sở giáo dục nào khác theo quy định như trong Điều 3 của Điều lệ trường đại học theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 được Thủ tướng phê duyệt. Thương hiệu TTN bảo đảm sự trong sáng về ngôn ngữ, thể hiện rõ nhiệm vụ, chức năng của cơ sở đào tạo và đặc biệt gắn với không gian văn hóa khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên.

Qua 44 năm hình thành và phát triển, Trường Đại học Tây Nguyên đã, đang và tiếp tục sứ mạng của mình trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao và công cuộc phát triển kinh tế, xã hội khu vực Tây Nguyên và cho đất nước. Với tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Tây Nguyên xác định là trường đại học đào tạo

đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông - lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. Trong bối cảnh chung của xu thế hội nhập và nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao của thực tiễn, việc nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường không chỉ khẳng định vai trò, vị thế của Trường TTN trong công tác đào tạo mà còn góp phần phát triển kinh tế, xã hội và ổn định QPAN các tỉnh Tây Nguyên và trong khu vực. Nằm tại vị trí đặc lợi của khu vực Nam Đông Dương, trong không gian đa dạng văn hóa tộc người, với sứ mạng là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, Trường Đại học Tây Nguyên xác định nhiệm vụ chính trị của mình là bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc. Trường TTN đủ điều kiện để tạo dựng môi trường giảng dạy, nghiên cứu, học tập và làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, hiện đại, kỷ cương và trách nhiệm, TTN đã khẳng định vị thế và thương hiệu của mình trong sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học và chuyển giao ứng dụng KHCN vào thực tiễn.

3. Logo – “biểu tượng văn hóa đặc thù” của thương hiệu Trường TTN

Tên trường TTN đã tạo ra uy tín về thương hiệu cho riêng mình, được thừa nhận về tính pháp lý và tính thực tiễn. Thương hiệu của trường TTN không chỉ được thể hiện qua tên trường TTN mà còn thể hiện rõ nét qua biểu tượng Logo và trong các



hình thái vật chất và cách tổ chức quản trị nhà trường để tạo nên văn hóa TTN. Như đã đề cập ở phần trên, nếu xét về cấu trúc của văn hóa thì Logo của Trường TTN vừa là sản phẩm của văn hóa vật thể (chất liệu, hình dáng, màu sắc...), vừa là sản phẩm của văn hóa phi vật thể (giá trị lịch sử, văn hóa, giáo dục, thẩm mỹ...) của một cơ sở đào tạo. Chính vì thế, Logo của Trường TTN là một sản phẩm của văn hóa mang tính đặc thù. Đó là biểu tượng gắn với trí tuệ, niềm tin, giá trị, các chuẩn mực văn và đi liền với nó là tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường, được các thành viên trong và ngoài trường thừa nhận và tôn trọng.

Nhân kỷ niệm 25 hình thành và phát triển (năm 2002), với ý tưởng bắt nguồn từ tâm huyết đối với sự nghiệp giáo dục, bồi dưỡng nhân lực cho khu vực Tây Nguyên, họa sỹ Hoàng Tiến Tựu – nguyên là Giảng viên Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên đã thiết kế biểu tượng (Logo) dành cho TTN gắn với tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường TTN. Ý nghĩa của Logo TTN được thể hiện



qua cấu trúc, màu sắc kết hợp hài hòa với biểu tượng của văn hóa Tây Nguyên. Ý nghĩa Logo của Trường TTN là một cấu trúc hài hòa, thống nhất giữa yếu tố tự nhiên và yếu tố xã hội. 1/. Tổng thể: mang đặc trưng văn hóa Tây nguyên, 2/ Bố cục: hình tròn tượng trưng cho sự chu đáo, đầy đủ (chất lượng đào tạo). Màu sắc: Màu xanh tượng trưng cho đại ngàn Tây nguyên, màu vàng tượng trưng cho màu đất Ba zan, màu trắng là sự trong sáng, chân tình (như người dân Tây nguyên). Đường vòng cung, có họa tiết cách điệu hình mặt trời (có trong nhiều tác phẩm dân gian Tây nguyên) tượng trưng cho sự phát triển, dòng chữ tiếng Anh như một dây cung (nà). Chữ ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN ở vị trí trung tâm và 6 bậc cấp, (bắt đầu từ ngày thành lập Trường 1977) đi lên, đại diện cho niên chế đào tạo của khối y khoa 6 năm. Hình cây bút cách điệu như ngọn lửa trí tuệ với quyển sách mở, mang ý nghĩa rằng: sau khi ra trường, người học được đào tạo tại Trường TTN là những trí thức với sứ mệnh là phục vụ nhân dân, đất nước. Toàn bộ các họa tiết được đặt dưới mái Nhà Rông (một đặc trưng Tây nguyên) – một biểu tượng độc đáo thể hiện sức mạnh, lịch sử, cội nguồn và tinh thần đoàn kết các dân tộc.

Từ đó, Logon của Trường TTN chính thức được công nhận và được gắn với thương hiệu và gắn sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, mục tiêu phát triển và triết lý giáo dục của Trường Đại học Tây Nguyên là: (1) Sứ mạng (Mission): Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. (2) Tầm nhìn (Vision): Đến năm 2035, Trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm Quốc gia trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, nông - lâm nghiệp, môi trường, kinh tế, tự nhiên và xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội. (3) Giá trị cốt lõi (Core values): Sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học; Chất lượng giáo dục là mục tiêu hàng đầu; Hội nhập và hợp tác quốc tế là giá trị cho sự phát triển. (4) Mục tiêu chiến lược (Strategic objective): Mục tiêu của Trường trong giai đoạn hiện nay là phát triển thành trường đại học trọng điểm của khu vực và cả nước, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, là nơi nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng của khu vực Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung và vùng tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia; Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao,

cơ sở vật chất hiện đại, chương trình đào tạo tiên tiến; Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị Nhà trường; Kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc.

(5) Triết lý giáo dục (educational philosophy): Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học.



4. Kiến trúc thương hiệu (Brand Architecture) – giá trị văn hóa đặc trưng của TTN

Kiến trúc thương hiệu là chiến lược thuộc tầm vĩ mô của tổ chức, của tập đoàn hoặc của doanh nghiệp, với mục đích nhằm xây dựng nền tảng sinh thái cho toàn bộ sự hình thành và phát triển của thương hiệu mà tổ chức nào đó thiết kế nhằm để định hướng chiến lược phát triển trong tương lai. Đối với lĩnh vực giáo dục, kiến trúc thương hiệu được thể hiện qua kiến trúc giảng đường, khu hành chính, khu thực hành, trải nghiệm, cách quản trị và vận hành phát triển của nó... Kiến trúc thương hiệu là một trong những yếu tố quan trọng trong tổng thể gắn liền với tên và logo của cơ sở đào tạo. Kiến trúc thương hiệu của cơ sở đào tạo sẽ giúp nhà quản trị đại học quy hoạch chiến lược gắn với cơ sở vật chất trong chiến lược phát triển phục vụ các hoạt động dạy và học trong hệ thống tổ chức, quản trị của cơ sở đào tạo.



Điểm khác biệt, ấn tượng và thu hút những ai đến với ngôi trường TTN chính là kiến trúc sinh thái. Trong sự đa dạng của kiến trúc sinh thái, TTN đã dựa vào kiến trúc văn hóa nhà sàn (nhà dài) vào trong thiết kế các nhà hiệu bộ, giảng đường, khu thực hành, cư xá sinh viên như một hình thức gìn giữ bản sắc của dân tộc. Chúng ta dễ dàng nhận diện được kiến trúc nhà dài Tây Nguyên được thể hiện rõ qua kiến trúc khu hiệu bộ Nhà A, Giảng đường 5, giảng đường 2, giảng đường 6, các giảng đường trước đây nằm tại vị trí giảng đường 7, 8 và giảng đường 9 hiện nay, các dãy nhà sau

giảng đường 2 dành cho các phòng thí nghiệm. Hai đầu hồi của các dãy nhà được thiết kế nhô ra và chiều dài của ngôi nhà nhìn tương tự như một chiếc thuyền dài, đó là đặc trưng của kiến trúc nhà Êđê, Jrai, K'Ho...

Kiến trúc này phù hợp với kiến trúc hiện đại, được Trường TTN và các tổ chức, người dân kế thừa, vận dụng trong thiết kế nhà ở, nhà thờ, trường học, khu làm việc ở các tỉnh thành trong và ngoài khu vực Tây Nguyên. Kiến trúc nhà dài Tây Nguyên được đánh giá là một trong những công trình kiến trúc đặc biệt nhất tại Việt Nam, thể hiện lối kiến trúc truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên.

Kiểu thiết kế kiến trúc nhà sàn Việt Nam được TTN kế thừa, xây dựng bởi có thể tiết kiệm được diện tích, tận dụng được không gian và tạo ra sự thoáng đãng, cao ráo, bề thế. Kiến trúc này tại Trường TTN, mặc dù vật liệu có sự thay đổi về chiều dài, chiều rộng và chất liệu, nhưng vẫn tạo nên cảm nhận về sự



chân thực và sự độc đáo trong đa dạng văn hóa về kiến trúc **nhà sàn Tây Nguyên**. Đặc trưng này là sự kế thừa văn hóa dân tộc để xây dựng hình ảnh thương hiệu. Kiểu kiến trúc vừa truyền thống vừa hiện đại, thân thiện, giản dị nhưng rất đặc trưng, hiện thân của tư duy linh hoạt, thích ứng với phát triển để tạo thương hiệu của Trường. Sự vận dụng này không chỉ thể hiện tầm nhìn của Trường TTN trong kiến trúc thương hiệu mà còn là vai trò của Trường trong công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam trong phát triển. Đây là nhiệm vụ chính trị đã được khẳng định trong “Sứ mạng của nhà trường: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc”.



Ngoài ra, thương hiệu văn hóa của Trường TTN còn được nhận diện được qua chất lượng đào tạo, quản trị, tổ chức đào tạo; biểu tượng trong hiệu danh thiếp (card visit), thư mời, phong bì, hóa đơn, thẻ công chức, viên chức, thẻ giảng viên, thẻ sinh

viên, sắc màu trang phục, hình ảnh nhận diện trên mạng xã hội, website, các tuyên bố và thông điệp trong các cuộc hội thảo trong và ngoài nước, các tuyên bố trên truyền thông về dịch vụ, sản phẩm đào tạo, sản phẩm khoa học và ứng dụng chuyển giao trong thực tiễn.

5. Kết luận



Trên nền tảng thương hiệu của các thế hệ đi trước đã xây dựng, vẫn đề đặt ra hiện nay đối với Trường Đại học Tây Nguyên là:

(1) Cần tiếp tục phát huy uy tín, thương hiệu của Trường TTN; khoa học, xây dựng nhân cách Việt Nam trong môi trường giáo dục. Cần tăng cường công tác giáo dục nâng cao nhận thức đúng đắn về giá trị văn hóa dân tộc cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trường TTN, phát huy tinh thần tự hào về bản sắc văn hóa của trường trong đội ngũ giảng viên, nhân viên và sinh viên; phát huy các giá trị văn hóa dân tộc vào thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. (2) Vận dụng sáng tạo, linh hoạt bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong thiết kế, xây dựng kiến trúc thương hiệu, cơ sở hạ tầng và các hoạt động liên quan đến công tác quản lý và đào tạo tại Trường TTN. Cần tiếp tục quán triệt quan điểm của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo gắn với nâng cao chất lượng bồi dưỡng các giá trị văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung và Trường TTN nói riêng. Cần có chuyên đề hoặc các hoạt động cho sinh viên hiểu sâu sắc về văn hóa nhà trường; Hình thức bồi dưỡng chủ yếu thông qua các hoạt động của hội sinh viên, đoàn thanh niên. Đồng thời, chú trọng bồi dưỡng thông qua thực tiễn tổ chức các hội thi tìm hiểu về lịch sử văn hóa của Trường thông qua hình thức viết hoặc diễn đàn, tổ chức hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật. Mời các chuyên gia lịch sử, các nhà văn hóa trao đổi, hội thoại, nói chuyện... để quảng bá về thương hiệu trường, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo các giá trị văn hóa. (3) Phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa trong bồi dưỡng các giá trị văn hóa dân tộc trong đội ngũ cấp ủy, cán bộ chủ chốt của trường để có nhận thức sâu sắc hơn về vai trò, giá trị văn hóa nhằm chỉ đạo đúng đắn, phù hợp với văn hóa nhà trường. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của hệ thống thư viện, phòng truyền thống, phong cách làm việc nhằm phát huy thương hiệu và văn hóa nhà trường. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng các thiết chế văn hóa, kịp thời khắc phục những sai lệch, tiêu cực, có biện pháp giải quyết phù hợp trong công tác phục vụ đào tạo, giáo dục. Biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tốt trong công tác

bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa nhà trường. (4) Trường cần đánh giá, tổng kết lại các hoạt động về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa nhà trường và văn hóa dân tộc Việt Nam để hoàn chỉnh và phát huy vai trò của thiết chế văn hóa nhà trường, đặc biệt chú trọng hơn trong việc kế thừa các giá trị văn hóa đã có để phát huy trong xây dựng cơ sở hạ tầng và các hoạt động quản trị nhà trường để tạo điểm nhấn về bản sắc văn hóa Tây Nguyên như đã tuyên bố trong Mục tiêu chiến lược (Strategic objective): Mục tiêu của Trường trong giai đoạn hiện nay là phát triển thành trường đại học trọng điểm của khu vực và cả nước, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, là nơi nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng của khu vực Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung và vùng tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia; Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, cơ sở vật chất hiện đại, chương trình đào tạo tiên tiến; Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị Nhà trường; Kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc”, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững QPAN trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và các nước trong khu vực./.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 Anne – Hautecloque (1955) *Người Êđê – một xã hội mẫu quyền*, Nguyên Ngọc, Phùng Ngọc Cửu, Nxb Văn hoá Dân tộc giới thiệu năm 2004.
- 2 Cửu Long Giang và Toan Ánh (1969), *Cao nguyên miền thượng*, Nxb Sài Gòn giới thiệu năm 1974.
- 3 DamBo (Jacques Dournes) (1955), *Miền đất huyền ảo - các dân tộc miền núi Nam Đông Dương*, Nguyên Ngọc dịch, Nhà xuất bản Hội Nhà văn công bố năm 2003.
- 4 Jacques Dournes (2013), *Pötao, một lý thuyết về quyền lực ở người Jörai Đông Dương*, Nguyên Ngọc dịch, Nhà xuất bản Tri thức.
- 5 Georges Condominas (1957), *Chúng tôi ăn rừng Gô*, được dịch ra tiếng Việt, NXB Thế giới, xuất bản năm 2008.
- 6 Lê Văn Khoa, Phạm Quang Tú (đồng chủ biên), (2014), *Hướng tới phát triển bền vững*

Tây Nguyên, Viện Phát triển (CODE), Nxb Tri thức, trang 147.

- 7 Lê Xuân Kiều, Một số vấn đề về văn hóa và phát triển, <http://huc.edu.vn/chi-tiet/1046/.html>
- 8 Buôn Krông Tuyết Nhung (2016), *Giá trị văn hóa Tây Nguyên trong phát triển*, In trong sách “Giá trị văn hóa truyền thống Tây Nguyên với phát triển”, tr 104 – 157, Nxb CTQG, Hà Nội.
- 9 Buôn Krông Tuyết Nhung (chủ biên), *Luật tục Bahnar*, Nxb VHDT, 2019, Hà Nội.
- 10 Trần Huy Tạo, Văn hóa với phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay. www.epu.edu.vn/khct/default.aspx? =12844
- 11 Ngô Đức Thịnh, *Một số vấn đề lý luận và nghiên cứu hệ giá trị văn hóa truyền thống trong đổi mới và hội nhập*, Báo cáo Hội thảo KH, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TPHCM, 17/9/2009 tại Đồng Nai.
- 12 http://tn.ttn.edu.vn/khoasupham/index.php?option=com_content&view=article&id=262&catid=102&Itemid=512
- 13 https://cdmginc.com/?gclid=EAIaIQobChMIpIObrbPQ9AIVVq2WCh3SPwnEEAAYASAAEgINevD_BwE

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TÂY NGUYÊN

TS. Trương Thông Tuấn

Trung tâm KHXH&NV Tây Nguyên

I. Đánh giá về thực trạng văn hóa Tây Nguyên:

Văn hóa Tây Nguyên hiện nay là văn hóa đa dạng phong phú của nhiều dân tộc và đang trong quá trình tiếp thu, tiếp biến diễn ra khá mạnh mẽ, tạo bức tranh văn hóa tổng hợp nhiều sắc màu (được tựu trung rõ nét ở lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo). Và đặc thù là:

- Văn hóa Tây Nguyên đối mặt với những thách thức khá lớn (sự gia tăng dân số cơ học; thu hẹp nguồn tài nguyên; tăng cường quan hệ dân tộc và tôn giáo; sức ép kinh tế thị trường và toàn cầu hóa...)

- Việc lưu giữ và thực hành tri thức dân gian Tây Nguyên ở Tây Nguyên đứng trước sức ép bị giảm sút (mạnh là ở thôn buôn, xã phường hầu như vắng văn hóa lễ hội, tín ngưỡng; nhạc cụ, chiêng trống tại gia đình mất gần hết...)

- Việc thực hành những khía cạnh văn hóa thường nhật đang nguy cơ bị biến chất do các yếu tố tác động ngoại cảnh, đặc biệt là nền kinh tế thị trường và sự mở rộng giao lưu giữa các dân tộc và tôn giáo (Biến đổi việc thờ cúng ông bà tổ tiên; mất nhiều các nghi lễ vòng đời con người, cây trồng...)

- Việc tuyên truyền giáo dục văn hóa mangs năng tính trường quy lý thuyết, tách rời khỏi thực tế cộng đồng và xa cách với văn hóa bản địa và lại tình trạng dân trí thấp luôn bị thấp là một trong những nguyên nhân đã dẫn đến sự không bền vững của nền tảng tinh thần phát triển xã hội. Tức là năng tính trường quy sách vở đã cản trở những động năng tiềm ẩn trong văn hóa.

* Những tiềm năng và thế mạnh:

- Tiềm năng nổi bật của văn hóa Tây Nguyên là sự đa dạng về loại hình và cách biểu hiện, thể hiện ở đặc trưng riêng của mỗi dân tộc, mỗi địa phương và sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc và các nhóm văn hóa.

- Tại Tây Nguyên, một số thiết chế truyền thống cơ bản (luật tục, tập quán) của mỗi dân tộc vẫn còn giữ được vai trò quan trọng, trung tâm của đời sống văn hóa của mỗi dân tộc.

- Những hoạt động văn hóa thường nhật vẫn duy trì được cái cốt lõi giá trị tinh thần dân tộc, chưa bị thương mại hóa hoàn toàn (Lễ bỏ mã, lễ đặt tên, lễ kết nghĩa...)

* Đánh giá thực trạng văn hóa từ lăng kính cụ thể:

Theo quan sát và tìm hiểu của riêng tôi từ các già làng, người trí thức, người có uy tín là dân tộc bản địa thì mối quan hệ giữa văn hóa truyền thống và văn hóa hiện tại thì biết rằng:

- Trong cuộc sống hiện đại, người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên vẫn khẳng định rằng không bao giờ mất đi những giá trị cốt lõi về văn hóa truyền thống của mình.

- Nếu già làng, người có uy tín trong buôn làng mà ít dần thì là các giá trị văn hóa truyền thống cũng sẽ dần mất theo.

- Văn hóa của mỗi dân tộc bản địa ở Tây Nguyên đang bị mai một rất nhanh.

- Người dân tộc thiểu số Tây Nguyên rất mong muốn phát triển nhiều mặt để

phù hợp với cuộc sống hiện đại nhưng vẫn giữ được cốt lõi văn hóa của dân tộc mình.

II. Những quan điểm khoa học trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa:

*** Quan điểm tổng thể:**

- Văn hóa là một thành tố của tổng thể xã hội, gắn bó chặt chẽ với kinh tế - xã hội. Văn hóa là thành quả và động năng của phát triển, chính văn hóa là nền tảng tinh thần phát triển xã hội.

- Tây Nguyên bao gồm nhiều dân tộc tại chỗ đã từ lâu chung sống với các dân tộc từ nơi khác tới trong đó có người Kinh và ngày càng mở rộng các mối quan hệ dân tộc, giao lưu văn hóa và đặc biệt là các tôn giáo ngày càng phát triển. Nên không tách rời vấn đề văn hóa dân tộc khỏi vấn đề quan hệ dân tộc và quan hệ tôn giáo.

*** Tiếp cận liên ngành:**

- Ngành văn hóa không thể tách rời khỏi các ban ngành khác như: Giáo dục, lao động, du lịch, quy hoạch khai thác tài nguyên, đầu tư, v.v....

*** Quan điểm chủ thể văn hóa (hoặc tiếp cận bản địa):**

- Đặt con người vào trung tâm, ưu tiên lắng kính chủ thể. Tức là người Tây Nguyên là có quyền lựa chọn và quyết định những gì cần bảo tồn và phát huy và bảo tồn và phát huy cho người Tây Nguyên.

- Tiếp cận với quyền lợi, lợi ích, tự tôn và tôn trọng của các dân tộc Tây Nguyên.

- Các ngành liên quan nhận thức đầy đủ: Tiềm năng văn hóa Tây Nguyên là đa dạng và người Tây Nguyên rất sáng tạo văn hóa và cũng tiếp biến văn hóa khá mạnh mẽ.

III. Một số quan điểm, tiếp cận cần tránh:

*** Tiếp cận trên xuống, chủ quan mệnh lệnh:**

- Tư duy cụ thể máy móc và xơ cứng: đòi hỏi đưa ra một danh mục gồm những hạng mục những yếu tố nào, khía cạnh gì cần bảo tồn và phát huy, khía cạnh nào cần loại bỏ.

- Tư duy lãnh đạo theo cảm tính, không dựa trên luận cứ khoa học, mang tính mệnh lệnh, phong trào.

*** Tư duy mô hình hóa:**

- Biến một can thiệp thành công một điển hình, nhân rộng thành một mô hình.
+ Ví dụ 1. nhà văn hóa, trung tâm/ điểm bưu điện xã xuất phát từ đồng bằng Bắc Bộ, trở thành điển hình nhân rộng toàn quốc.

+ Ví dụ 2. dân chủ cấp cơ sở (thiếu ý kiến người dân tộc thiểu số)

- Cần tính đến hoàn cảnh cụ thể của từng dân tộc, từng địa phương, không chạy theo mô hình.

*** Xu hướng vật thể hóa, xơ cứng hóa văn hóa:**

- Thị trường, đặc biệt là du lịch, thường dẫn đến tầm thường văn hóa, sân khấu hóa nghi lễ và đời sống thường nhật. Biến đời thường thành trình diễn, biến những gì thiêng liêng thành trò mua vui.

+ Ví dụ 1. "làng vui chơi, làng ca hát".

+ Ví dụ 2. nhã nhạc, công chiêng.

IV. Chiến lược văn hóa:

*** Về hành chính nhà nước:**

- Đưa tư duy liên ngành vào các ngành các cấp từ trung ương đến địa phương.

- Xây dựng, kết nối, và chia sẻ một số **cơ sở dữ liệu** kinh tế - xã hội, dân tộc -

văn hóa, địa - chính trị giữa các ban ngành.

*** Về kinh tế - xã hội và lao động - việc làm:**

- Tạo cơ hội bình đẳng về tiếp cận nguồn và cơ hội việc làm.
- Quan điểm đúng về **bình đẳng**: không phải là bình quân mà theo tỉ trọng và hoàn cảnh cụ thể.

*** Về giáo dục:**

- Xây dựng giải pháp tổng thể về giáo dục: xây dựng cơ sở vật chất cần đặt trong tổng thể về con người và môi trường văn hóa.

- Địa phương hóa nội dung giảng dạy.
- Tái nhận thức vấn đề ngôn ngữ: song ngữ hay đa ngôn ngữ ?
- Đưa tiếp cận đa dạng văn hóa vào sư phạm nhà trường.
- Hội nhập giáo dục vào cộng đồng.

*** Về tôn giáo, tín ngưỡng:**

- Tái nhận thức, cân nhắc, lựa chọn quan điểm **đoàn kết tôn giáo** và **tiếp cận liên văn hóa tôn giáo**.

- Coi tôn giáo là một **chủ thể/ tác nhân tích cực** trong bảo tồn, phát huy văn hóa, và đặc biệt là trong hội nhập quốc tế.

*** Về truyền thông:**

- Đưa tiếp cận lắng kính bản địa/chủ thể vào truyền thông.
- Chủ động đi trước nắm vững truyền thông điện tử quốc tế (internet).

V. Biện pháp trước mắt:

*** Về hành chính:**

- Xây dựng một thói quen làm việc liên ngành, chia sẻ thông tin, tư vấn hoạch định chính sách dựa trên tiếp cận liên ngành.

- Nắm vững quy trình từ nghiên cứu cơ bản đến ứng dụng, can thiệp và hoạch định chính sách. Biện chứng của thực tiễn.

- Nâng cao hiểu biết về địa phương và các dân tộc Tây Nguyên cho cán bộ các sở ban ngành.

- Tăng cường đào tạo cán bộ người dân tộc.

- Tin dùng cán bộ dân tộc trong các vị trí chủ chốt trong việc hoạch định và thực thi chính sách.

*** Về kinh tế - xã hội và lao động việc làm:**

- Đảm bảo bình đẳng về cơ hội phát triển kinh tế.
- Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp đầu tư và tuyển dụng/ sử dụng lao động về quyền được có việc làm của đồng bào dân tộc thiểu số.

*** Về giáo dục:**

- Đối với chương trình giảng dạy:

- + Đưa nội dung văn hóa địa phương vào học đường.

- + Nghiên cứu và đề ra chính sách ngôn ngữ trong nhà trường: song ngữ hay đa ngôn ngữ.

- Đối với giáo viên:

- + Nâng cao nhận thức về văn hóa địa phương và văn hóa dân tộc.

- + Ưu tiên đào tạo giáo viên mẫu giáo và tiểu học là người địa phương, người dân tộc.

Giải pháp từ lăng kính cộng đồng:

Giải pháp giáo dục: Cần phải dạy học bằng tiếng dân tộc Tây Nguyên; Cần phải có thêm nhiều thầy cô giáo là dân tộc Tây Nguyên dạy con em người Tây Nguyên; Cần phải giảng dạy về văn hóa địa phương trong trường học.

- Đối với cộng đồng: Hội nhập nhà trường vào môi trường văn hóa cộng đồng. Nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh và cộng đồng về quyền tham gia tư vấn giáo dục. Coi cộng đồng là một chủ thể tích cực trong giáo dục nhà trường.

*** Về tôn giáo, tín ngưỡng:**

- Đối với tín ngưỡng dân gian và đời sống tinh thần bản địa:

+ Ngăn chặn xu hướng du lịch hóa và sân khấu hóa đời sống dân gian.

+ Ngăn chặn xu hướng thị trường hóa, tầm thường hóa đời sống tinh thần và những giá trị thiêng của cộng đồng.

- Đối với các tôn giáo thế giới:

+ Khắc phục quan niệm **ly tâm** và chính trị hóa tôn giáo.

+ Coi sinh hoạt tôn giáo như một thiết chế văn hóa bình thường của đời sống xã hội.

+ Chủ động hội nhập, giới thiệu những giá trị quốc tế/ xuyên quốc gia của tôn giáo.

+ Giao lưu giữa các nhóm văn hóa địa phương có những tôn giáo khác nhau.

*** Về truyền thông:**

- Mở các lớp tập huấn làm phóng sự, bản tin, phim ngắn từ lăng kính bản địa xuất phát từ quan niệm của địa phương.

- Đa dạng hóa các loại hình trình bày văn hóa (không phải sân khấu hóa): các cuộc trưng bày lưu động, sân khấu nhỏ, khuyến khích sáng tác mang đặc trưng riêng của từng cộng đồng.

*** Giải pháp từ nhân dân:**

Quan điểm đánh giá về mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại:

- Trong cuộc sống hiện đại, người Tây Nguyên vẫn không mất đi văn hóa truyền thống.

- Văn hóa Tây Nguyên cần phải phát triển phù hợp với cuộc sống hiện đại.

- Người trí thức, uy tín và già làng ít đi là truyền thống sẽ mất theo và ngược lại.

- Văn hóa Tây Nguyên ở nhiều địa phương đang bị mai một nghiêm trọng.

*** Triết lý lấy dân làm gốc:**

- Các DT Tây Nguyên là nơi xuất phát những ý tưởng và nhu cầu bảo tồn văn hóa là Tây Nguyên.

- Các DT ở Tây Nguyên là nguồn tái sản xuất văn hóa.

- Tính biện chứng của niềm tin (niềm tin là sức mạnh)

- Quan điểm xây và chống, trong đó xây là chính.

Kết luận: Mọi chính sách hoặc hành động ứng dụng can thiệp ở Tây Nguyên cần xuất phát từ việc **hiểu sâu sắc** hiện trạng, nhu cầu và tiềm năng trong dân, nhằm vào lợi ích của người dân Tây Nguyên và sự vững chắc của Quốc gia.

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG BÀO TÂY NGUYÊN CHO SINH VIÊN

ThS. Phạm Huy Tựa

Trung tâm GDQP Tây Nguyên, Trường Đại học Tây Nguyên

TÓM TẮT

Thiên nhiên hào phóng ban tặng cho Tây Nguyên một vùng đất màu mỡ, giàu tài nguyên để nuôi dưỡng con người nơi đây. Nhưng với vị trí địa lý rất quan trọng về quốc phòng, an ninh cũng đã tạo nên những thử thách ngặt nghèo cho cộng đồng các dân tộc bản địa khi luôn phải đối mặt với những hoạt động xâm lược, chống phá của kẻ thù. Trải qua các giai đoạn lịch sử, đồng bào Tây Nguyên đã luôn đoàn kết chống quân xâm lược, làm chỗ dựa tin cậy của Đảng và góp phần tích cực vào thắng lợi chung của dân tộc. Ngày nay, cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội của cả nước, Tây Nguyên ngày càng trở nên nhộn nhịp hơn do sự gia tăng dân số cơ học ngày càng lớn, nảy sinh các yếu tố phức tạp trong quá trình tiếp xúc xã hội, kết hợp với những tác động tiêu cực từ các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch đã có những ảnh hưởng nhất định đến truyền thống, văn hóa của cộng đồng các dân tộc bản địa.

Thực tế trên đòi hỏi công tác giáo dục giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc nói chung, truyền thống cách mạng nói riêng của đồng bào Tây Nguyên đối với mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ cần phải được quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh bền vững của vùng Tây Nguyên. Góp phần thực hiện nhiệm vụ quan trọng nêu trên, trong những năm qua Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Tây Nguyên (Trung tâm) đã chú trọng triển khai thực hiện công tác giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên trong các khóa học giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQPAN) và đã đạt được những kết quả quan trọng, cần được tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

Từ khóa: Truyền thống cách mạng, đồng bào Tây Nguyên, giáo dục quốc phòng và an ninh

1. Sự cần thiết phải giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên

1.1. Tầm quan trọng của vùng Tây Nguyên đối với quốc phòng, an ninh

Tây Nguyên là vùng cao nguyên rộng lớn nằm ở phía Tây và Tây Nam của nước ta, gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng; có giới hạn về tọa độ địa lý: từ 11⁰12' vĩ Bắc (tỉnh Lâm Đồng) đến 15⁰25' vĩ Bắc (tỉnh Kon Tum); từ 107⁰10' kinh Đông (tỉnh Đắk Nông) đến 108⁰59' kinh Đông (tỉnh Đắk Lắk). Trong mối quan hệ về địa lý với các vùng lân cận, Tây Nguyên có phía Đông và phía Bắc tiếp giáp với các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ; phía Nam giáp với vùng Đông Nam bộ; phía Tây giáp với tỉnh Attapeu của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (135km đường biên giới) và giáp với hai tỉnh Ratanakiri, Mondulakiri của Vương quốc Campuchia (378km đường biên giới) [3].

Xét về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, vị trí địa lí của Tây Nguyên không chỉ có ý nghĩa chiến lược đối với trong nước mà còn có ý nghĩa quan trọng cả ở phương diện quốc tế. Với diện tích 54.641km² [4], vùng Tây Nguyên chiếm 1/6 diện tích đất liền của cả nước, giữ vai trò án ngữ và chi phối khu vực Nam Trung bộ trên cả bốn hướng. Nếu không di chuyển trực tiếp qua địa bàn Tây Nguyên, phía Bắc muốn di chuyển xuống phía Nam qua tỉnh Quảng Nam đã có tỉnh Kon Tum tiếp giáp chi phối; phía Nam muốn di chuyển lên phía Bắc qua tỉnh Bình Thuận đã có tỉnh Lâm Đồng tiếp giáp chi phối. Với vai trò án ngữ trực tiếp, Tây Nguyên có cửa ngõ phía Tây Nam tiếp giáp với hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước thuộc vùng Đông Nam bộ; cửa ngõ phía Bắc, phía Đông và phía Nam tiếp giáp với 7 tỉnh duyên hải Nam Trung bộ (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận); đặc biệt, Tây Nguyên là phen đầu phía Tây của Tổ quốc tiếp giáp với Lào và Căm - pu - chia.

Vị trí địa lí của vùng Tây Nguyên vừa có vai trò án ngữ và chi phối, kết hợp với tính chất địa hình là các cao nguyên liền kề, trải dài được bao bọc bởi dãy Trường Sơn Nam rất thuận lợi cho việc bố trí và triển khai thế trận phòng thủ quân sự trên mọi cấp độ tác chiến, do đó Tây Nguyên là địa bàn luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm hàng đầu về quốc phòng, an ninh để tập trung xây dựng thành khu vực phòng thủ mang tầm chiến lược của đất nước.

1.2. Vài nét về truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên

Lịch sử đã chứng minh, trong thời đại Hồ Chí Minh đồng bào Tây Nguyên luôn một lòng son sắt theo Đảng, theo Bác Hồ đứng lên đánh giặc bảo vệ quê hương, bản làng. Họ đã có công lớn trong việc nuôi dưỡng lực lượng cách mạng và trực tiếp đánh giặc bằng tất cả những gì có trong tay, kể cả nhiều lần phải tự đốt làng hay chuyển cả buôn làng đi nơi khác để tránh quân thù. Lòng yêu quê hương đất nước mãnh liệt, ý chí kiên cường chống giặc, sự đoàn kết cộng đồng quyết không lùi bước trước sức mạnh của kẻ thù, sự hi sinh, đóng góp cả về sức người, sức của và sự trung thành với đất nước trong suốt chiều dài lịch sử chống quân xâm lược đã tạo nên truyền thống cách mạng tốt đẹp của đồng bào Tây Nguyên.

Trong lịch sử chống thực dân Pháp của đồng bào Tây Nguyên có thể kể đến tù trưởng N'Trang Long, người dân tộc M'nông đã lãnh đạo đồng bào M'nông đánh Pháp trong suốt 24 năm (1912-1935). N'Trang Long đã lãnh đạo dân làng tự đốt hết nhà cửa, tạm rời buôn làng vào rừng lập chiến khu chống giặc. Bằng kế hoạch trá hàng, tháng 8/1914 N'Trang Long đã tổ chức lực lượng tiêu diệt tên Giám binh Henri Maitre và 50 lính Pháp [7], phục kích trên đường số 14 giết tên chỉ huy Gatille (1931), tập kích đồn 65 giết chết tên chỉ huy Leconte (1933) [4],...

Tuy cuộc khởi nghĩa của N'Trang Long cuối cùng bị dập tắt nhưng hình ảnh của N'Trang Long đã khích lệ lòng yêu nước và tinh thần dân tộc của đồng bào Tây Nguyên kế tiếp nhau đứng lên chống quân xâm lược và lực lượng người bản xứ theo Pháp, như đồng bào Xtiêng, Êđê, Mạ, Chăm, Cơ-ho,..., khơi dậy nhiều phong trào chống Pháp khác trên khắp vùng Tây Nguyên, làm cho thực dân Pháp nhiều phen kinh hồn bạt vía chỉ với bấy đó, bàn chông thô sơ.

Đồng bào dân tộc Ba-na ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã thành lập các đơn vị du kích để trực tiếp chiến đấu và phối hợp với bộ đội chủ lực đánh địch. Tiêu biểu như làng kháng chiến Stor do Anh hùng

Đinh Núp chỉ huy, dù có những thời điểm dân làng Stơ đã phải dời làng chín lần để tránh quân Pháp bố ráp [4]. Trải qua nhiều ngày đói cơm lạt muối nhưng với ý chí kiên cường, lòng trung thành với cách mạng và chủ yếu chỉ với các loại vũ khí thô sơ tự tạo như bàn chông, bẫy đá, mìn tự tạo, nỏ, cung, tên tẩm độc... dân quân du kích Ba-na đã đánh lui hàng chục trận càn của địch, góp phần bảo vệ vững chắc các khu căn cứ, hậu cần cách mạng...

Tiếp nối truyền thống cách mạng, trong kháng chiến chống Mỹ, đồng bào Tây Nguyên đã tích cực sản xuất lương thực nuôi cán bộ, bộ đội, chăm sóc thương bệnh binh, đi dân công, làm đường, gửi đạn, đào hầm, cung cấp tình hình địch và dẫn đường cho bộ đội. Trong hoàn cảnh khó khăn ác liệt của chiến tranh, với phương tiện sản xuất còn rất thô sơ, khí hậu khắc nghiệt, lại bị địch thường xuyên theo dõi, bố ráp, chất độc hóa học rải khắp núi rừng và còn thiếu đói nhưng đồng bào vẫn tích cực sản xuất, sẵn sàng ăn sắn, ăn rau rừng để dành gạo cho bộ đội.

Đọc theo hành lang đường mòn Hồ Chí Minh có phong trào thi đua làm “rẫy cách mạng”. Đồng bào đã tạo ra các vật sắn làm nguồn lương thực dự trữ cho bộ đội. Sự đóng góp lương thực, thực phẩm nếu đem so sánh với dân số và điều kiện, trình độ canh tác của đồng bào Tây Nguyên mới thấy vô cùng to lớn. Năm 1971, 1972 chưa đầy 30.000 dân căn cứ của Kon Tum đã ủng hộ cho cách mạng 540 tấn gạo, 200 tấn bắp, 420 tấn sắn. Bình quân mỗi người đóng góp ủng hộ cách mạng trên 38kg/năm. Ở Gia Lai, trong năm 1972 chỉ có khoảng 80.000 dân mà đã huy động, động viên thu mua được trên 850 tấn gạo, 650 tấn sắn, 450 tấn bắp và hàng trăm tấn hoa màu khác [5]...

Trải qua các cuộc kháng chiến gian khổ và anh dũng, đồng bào Tây Nguyên đã cống hiến cho đất nước những người con ưu tú, xả thân vì Tổ quốc và vun đắp cho mối tình đoàn kết, keo sơn giữa các dân tộc, tiêu biểu như các anh hùng: Đinh Núp, dân tộc Ba-na; Kpă Klong, Kpă Ó, dân tộc Jrai; Y Buông, A Tranh, dân tộc Xơ Đăng; A Mét, dân tộc Giẻ Triêng; N’Trang Long, dân tộc M’Nông, và các vị cách mạng tiêu biểu như: Y Ngông Niê Kđăm; Y Bih Alêô, dân tộc Ê Đê; Nay Đer, dân tộc Jrai; v.v.

1.3. Sự cần thiết phải giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên

Thực tiễn cho thấy Tây Nguyên là địa bàn mà các thế lực phản động thường xuyên hoạt động. Chúng lợi dụng địa bàn rộng lớn, phức tạp để xâm nhập, lấn trón và cài cắm lực lượng chống phá cách mạng; chúng lợi dụng đồng bào dân tộc thiểu số, cấu kết với những phần tử cực đoan bất mãn với chính quyền, và đặc biệt trong thời gian gần đây chúng tiếp cận và lợi dụng đội ngũ sinh viên đang học tập trong các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học trên địa bàn để tuyên truyền phản cách mạng, truyền đạo trái phép, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê nin, xúi dục, lôi kéo, dụ dỗ đồng bào vượt biên trái phép, từ bỏ sinh hoạt văn hóa truyền thống và các hoạt động nguy hiểm khác nhằm gây mất ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Những hoạt động của chúng ở nhiều thời điểm đã gây ra những hậu quả nhất định, tạo ra nhiều điểm nóng về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nguy cơ diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ chính quyền thường xuyên hiện hữu. Ví dụ điển hình là chúng đã gây ra hai cuộc biểu tình, bạo loạn (tháng 2/2001 và tháng 4/2004) trên địa bàn Tây Nguyên.

Từ thực trạng nêu trên, yêu cầu đặt ra đối với chính quyền các cấp trên địa bàn Tây Nguyên là phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, đẩy mạnh công tác giáo dục bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc và truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho nhân dân, trong đó đặc biệt chú trọng đến đội ngũ sinh viên, vì sinh viên là lực lượng quan trọng, đóng góp trực tiếp vào sự phát triển kinh tế, xã hội và tham gia công tác quản lý xã hội sau khi ra trường. Bên cạnh đó, đội ngũ sinh viên khi đang học tập là đối tượng quan trọng mà các thế lực phản động nhắm tới để mua chuộc, lôi kéo, khống chế, vì các em tuy có kiến thức khoa học nhưng kinh nghiệm cuộc sống chưa sâu sắc, các em còn thiếu kinh nghiệm trong sinh hoạt xã hội dẫn đến bông bột, chủ quan, thiếu kiểm chế, khi gặp khó khăn dễ hoang mang, dễ bị lợi dụng, dụ dỗ, kích động, dễ bị định hướng sai về tư tưởng và hành động chính trị.

Làm tốt công tác giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên chính là giúp các em nhận thức sâu sắc được giá trị của độc lập tự do, biết ơn các thế hệ đi trước đã hi sinh để thế hệ trẻ ngày nay được sống trong hòa bình, phát triển, và tự hào được sống và làm việc trên mảnh đất Tây Nguyên anh hùng. Trên cơ sở đó hình thành trong mỗi sinh viên sức mạnh nội sinh để miễn nhiễm với mọi sự xâm nhập có hại cho bản thân, gia đình và xã hội, xây dựng ý chí quyết tâm, tự giác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống của dân tộc, góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Công tác giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên của Trung tâm GDQPAN Trường Đại học Tây Nguyên

Trung tâm GDQPAN Trường Đại học Tây Nguyên là một đơn vị đào tạo trực thuộc Trường Đại học Tây Nguyên, được thành lập theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [1]. Trung tâm có chức năng chính là tổ chức đào tạo môn học GDQPAN cho sinh viên theo chương trình GDQPAN được ban hành thống nhất trên toàn quốc [2], đồng thời tổ chức cho sinh viên sinh hoạt và rèn luyện tập trung như mô hình đơn vị quân đội theo từng khóa học (04 tuần/01 khóa học) trên cơ sở áp dụng quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm [6]. Quy mô đào tạo của Trung tâm hiện nay đạt khoảng 5.000 sinh viên/năm.

Trong thực tế tổ chức hoạt động GDQPAN, nội dung giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên được Trung tâm thực hiện bằng cách lồng ghép vào các bài giảng trong chương trình GDQPAN, đồng thời kết hợp với việc tổ chức cho sinh viên tham gia vào các hoạt động ngoại khóa bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

2.1. Giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên thông qua hoạt động giảng dạy

Truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên là một nội dung liên hệ thực tiễn quan trọng trong các chuyên đề của chương trình GDQPAN dành cho sinh viên. Theo thống kê, trong 17 bài học thuộc học phần Đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam và học phần Công tác quốc phòng, an ninh thuộc chương trình GDQPAN dành cho sinh viên trong các trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học [2] có tới 09 bài học (chiếm 53% tổng số bài học) có nội dung liên hệ thực tiễn về truyền thống cách mạng của địa phương.

Những nội dung liên hệ thực tiễn trong các bài học có tính chất mở, do đó trong quá trình triển khai các hoạt động tổ chức đào tạo, Trung tâm đã định hướng cho đội ngũ giảng viên khi giảng dạy các nội dung về truyền thống cách mạng của địa phương cần làm nổi bật được giá trị lịch sử và có cách tiếp cận phù hợp với từng chủ đề của mỗi bài học. Ví dụ: trong bài “Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa”, truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cần được khai thác ở giá trị xây dựng tiềm lực chính trị tinh thần. Đó là những đóng góp của đồng bào Tây Nguyên đối với cách mạng trong các cuộc kháng chiến bằng niềm tin tưởng tuyệt đối với Đảng, với Bác Hồ và cách mạng, bằng lòng yêu nước, ý chí kiên cường, tinh thần đoàn kết cộng đồng quyết tâm đánh giặc đến cùng như làng kháng chiến Stơ của Đỉnh Núp, dù 9 lần phải chuyển bản làng đi chỗ khác để tránh giặc [4]; bài “Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa”, truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên được khai thác ở giá trị xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, đồng bào Tây Nguyên đã làm cho mỗi buôn làng đều trở thành những pháo đài đánh giặc, giặc đến là đánh và đánh giặc bằng mọi thứ có trong tay, tạo ra thiên la địa võng, làm cho địch hoang mang, rối loạn, đi đến đâu cũng bị tấn công; hay những nơi sinh hoạt văn hóa, tôn giáo cũng trở thành địa chỉ tin cậy để hoạt động cách mạng, như Chùa Sắc Tứ Khải Đoan, Đình Lạc Giao, v.v.

Giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên thông qua hoạt động giảng dạy thực sự đã giúp sinh viên tiếp cận nội dung vấn đề một cách chủ động, nghiêm túc, có hệ thống, lô gic trong mối quan hệ hữu cơ với đường lối quân sự, an ninh của Đảng. Những kiến thức về truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên mà sinh viên tiếp thu được trong quá trình học tập là nền tảng vững chắc để hình thành trong mỗi sinh viên lòng tự hào về lịch sử, truyền thống, văn hóa cách mạng của dân tộc, làm cơ sở định hướng đúng đắn về thái độ và hành động của cá nhân trong việc góp phần xây dựng, bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống, văn hóa, giúp sinh viên có nền tảng ý thức chính trị vững chắc để chủ động ứng xử phù hợp với các mối quan hệ xã hội.

2.2. Giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa

2.2.1. Tổ chức hoạt động chào cờ đầu tuần

Hoạt động chào cờ được tiến hành vào đầu buổi sáng ngày thứ Hai hàng tuần là một trong các chế độ sinh hoạt tập thể quan trọng đối với sinh viên khi học tập và sinh hoạt tại Trung tâm. Nội dung buổi chào cờ gồm hoạt động chào Quốc kỳ, hát Quốc ca, nhận xét tình hình hoạt động của đơn vị trong tuần, phổ biến kế hoạch hoạt động của tuần mới, thông báo tình hình thời sự và tuyên truyền chính trị - xã hội nhân các ngày lễ lớn hoặc các sự kiện quan trọng diễn ra trong tuần.

Giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên được Trung tâm lồng ghép vào hoạt động chào cờ đầu tuần nhân dịp các ngày kỷ niệm như: ngày giải phóng Buôn Ma Thuột 10/3, ngày giải phóng miền Nam 30/4, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7, ngày Cách mạng tháng Tám thành công 19/8,... Thông qua việc ôn lại sự kiện và liên hệ đến những đóng góp của đồng bào Tây Nguyên đối với cách mạng dưới không gian Quốc kỳ đã thực sự có tác động tích cực đến nhận thức, tình cảm và lòng

tự hào dân tộc của sinh viên. Đây thực sự là một hình thức giáo dục truyền thống cách mạng đạt hiệu quả cao, có tác dụng thấm sâu trực tiếp vào trái tim mỗi sinh viên, tạo động lực để các em phấn đấu học tập, tự giác rèn luyện.



Một buổi chào cờ đầu tuần tại Trung tâm

2.2.2. Tổ chức hoạt động chiếu phim tư liệu

Chiếu phim tư liệu trên màn ảnh rộng là hoạt động đặc trưng trong công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước thông qua các phóng sự, phim tư liệu chuyên đề, được các đội tuyên truyền lưu động tiến hành tại thực địa các vùng dân cư, doanh trại các đơn vị quân đội, công an,... Nhận thức được đây là một hình thức tuyên truyền, giáo dục hiệu quả và có nội dung thông tin chính thống, được kiểm duyệt chặt chẽ, trong những năm qua Trung tâm đã tham mưu cho Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk và Công an tỉnh Đắk Lắk tổ chức các buổi chiếu phim tư liệu kết hợp với các bộ phim giải trí màn ảnh rộng cho sinh viên tại Trung tâm, tập trung tuyên truyền về truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên ở nhiều góc độ khác nhau.

Thông qua các bộ phim, nội dung tuyên truyền về truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên được sinh viên cảm nhận trong môi trường nghệ thuật điện ảnh vừa nhẹ nhàng vừa sâu sắc, kết hợp với không gian chiếu phim rộng lớn tại sân chào cờ vào buổi tối với hàng trăm người cùng xem đã tạo nên những kỷ niệm khó quên đối với mỗi sinh viên, từ đó tạo ra hiệu quả giáo dục rất cao.



Một buổi chiếu phim tư liệu màn ảnh rộng tại Trung tâm

2.2.3. Tổ chức hoạt động tham quan di tích lịch sử cách mạng

Các di tích lịch sử cách mạng có vai trò rất quan trọng trong công tác giáo dục truyền thống cách mạng đối với sinh viên, vì mỗi di tích là một câu chuyện có thật về lịch sử tại thực địa. Những tư liệu, hình ảnh, hiện vật, cấu trúc xây dựng của di tích vừa phải thể hiện tính trung thực, nguyên bản vừa được sắp xếp một cách khoa học, thẩm mỹ để tái hiện lịch sử. Thông qua hoạt động tham quan, mỗi sinh viên có cơ hội được cảm nhận thực tế không gian di tích, tiếp cận trực tiếp được các thông tin tư liệu, tận mắt quan sát các hiện vật minh chứng quá trình lịch sử, do đó có tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến trạng thái tâm lý tích cực của sinh viên.

Trong các khóa học GDQPAN, Trung tâm luôn chú trọng đến công tác tổ chức cho sinh viên tham quan các di tích lịch sử trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột bằng nguồn kinh phí do Trường Đại học Tây Nguyên đảm bảo. Trung bình mỗi năm tổng kinh phí chi tổ chức hoạt động tham quan các di tích lịch sử khoảng gần 200 triệu đồng. Tính đến tháng 11 năm 2021, Trung tâm đã tổ chức gần 40 đợt tham quan tại di tích Nhà Đầy Buôn Ma Thuột và Bảo tàng Đắc Lắc cho gần 8 ngàn lượt

sinh viên tham gia.

Thông qua hoạt động tham quan, Trung tâm yêu cầu đối với mỗi sinh viên phải tự nghiên cứu, quan sát, thu thập thông tin tại di tích lịch sử để làm cơ sở viết bài thu hoạch theo chủ đề được giao, nhờ đó đã tạo động lực để mỗi sinh viên thực sự quan tâm đến việc tiếp thu, nghiên cứu thông tin lịch sử tuyên thống cách mạng nhằm nâng cao kiến thức thực tiễn, bồi dưỡng tin thần yêu nước, xây dựng quyết tâm giữ gìn, bảo vệ hòa bình và nền độc lập của dân tộc.



Hình ảnh một buổi tham quan Nhà Đầy Buôn Ma Thuật

2.2.4. Tổ chức hoạt động viếng nghĩa trang liệt sĩ

Hoạt động viếng nghĩa trang liệt sĩ được Trung tâm tổ chức mỗi năm một lần vào ngày 27/7 cho các lớp sinh viên đang học tại Trung tâm vào thời điểm này. Đây được đánh giá là hoạt động có ý nghĩa đặc biệt, vừa phù hợp với môi trường hoạt động trong lĩnh vực quân sự của Trung tâm, vừa giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm thực tế truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc.

Chương trình viếng nghĩa trang liệt sĩ bao gồm hoạt động làm lễ tri ân trước tượng đài nghĩa trang và hoạt động thấp nhang tri ân tại các phần mộ liệt sĩ. Sinh viên được nghe các cựu chiến binh kể lại những câu chuyện về sự hi sinh anh dũng của các liệt sĩ, về những mất mát, đau thương của nhân dân trong chiến tranh, về truyền thống cách mạng của dân tộc Việt Nam nói chung và của đồng bào Tây Nguyên nói riêng,...

Tham gia vào hoạt động viếng nghĩa trang liệt sĩ mỗi sinh viên đều có cảm giác chậm lại và dành những giây phút soi xét lại bản thân để tự điều chỉnh nhận thức và hành động xứng đáng với truyền thống cách mạng và sự hi sinh xương máu của các lớp cha anh cho hòa bình, độc lập dân tộc mà các em được hưởng ngày nay.



Một buổi viếng Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Đắk Lắk

3. Kết luận

Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên nhằm góp phần giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống, văn hóa của dân tộc, tăng cường sức mạnh nội sinh của thể hệ trẻ để chiến thắng mọi âm mưu và thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc nền hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của đất nước nói chung, vùng Tây Nguyên nói riêng, bằng những hành động thiết thực và cụ thể, trong những năm qua Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Tây Nguyên đã thường xuyên chú trọng làm tốt công tác giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên trong các khóa học GDQPAN thông qua hoạt động giảng dạy và các hoạt động ngoại khóa, như hoạt động chào cờ đầu tuần, hoạt động chiếu phim tư liệu, hoạt động tham quan di tích lịch sử và hoạt động viếng nghĩa trang liệt sĩ. Những hoạt động giáo dục trên đã thực sự giúp sinh viên nâng cao nhận thức của bản thân trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống, văn hóa của dân tộc nói chung và truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên nói riêng, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của Trung tâm trong công tác GDQPAN cho sinh viên trên địa bàn Tây Nguyên.

Với vị trí địa lý rất quan trọng về quốc phòng và an ninh, đồng thời xuất phát từ tình hình thực tế trên địa bàn Tây Nguyên luôn tiềm ẩn những yếu tố gây bất ổn, khó lường về chính trị, xã hội do hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, đòi hỏi Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Tây Nguyên cần phát huy hơn nữa vai trò, chức năng, nhiệm vụ GDQPAN, chú trọng quan tâm làm tốt hơn nữa công tác giáo dục truyền thống cách mạng của đồng bào Tây Nguyên cho sinh viên để xứng đáng trở thành địa chỉ tiếp lửa truyền thống cách mạng cho các thế hệ sinh viên học tập trên địa bàn Tây Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), Quyết định số 937/2003/QĐ-BGDĐT, ngày 03/03/2003 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Trung tâm GDQP Tây Nguyên trực thuộc Trường Đại học Tây Nguyên; Quyết định số 433/QĐ-BGDĐT, ngày 15/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trung tâm Giáo dục quốc phòng Tây Nguyên thành Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Tây Nguyên, Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học, Hà Nội.
3. Nguyễn Minh Tuệ (2009), Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Thanh (2018), Đặc trưng văn hóa vùng Tây Nguyên, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Thanh Hiền (2009), Những đóng góp của đồng bào các dân tộc thiểu số Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ, tại trang:
<http://web.cema.gov.vn/modules.php?nam=Conten&op=details&mid=117448677>,
6. Trường Đại học Tây Nguyên (2020), Quyết định số 2107/QĐ-ĐHTN, ngày 23/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDQPAN Trường Đại học Tây Nguyên, Buôn Ma Thuột.
7. Văn Tạo, chủ biên (2019), Lịch sử quân sự Việt Nam, tập 9, Nxb CTQG.Hà Nội.

VĂN HOÁ CỔ TRUYỀN M'NÔNG, THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

TS. Triệu Văn Thịnh

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên

Tóm tắt

Dân tộc M'Nông có kho tàng văn học dân gian rất phong phú và đa dạng, nó là toàn bộ nền văn hóa truyền thống của dân tộc M'Nông. Văn học dân gian M'Nông mang tính nguyên hợp cao, bao gồm nhiều yếu tố, từ thần thoại, truyện cổ, luật tục, sử thi, lời nói vần đến các hình thức hát dân ca, các hình thức diễn xướng âm nhạc và vũ đạo; từ những kiến trúc trên ngôi nhà dài đến những hoa văn trang trí trên các vật dụng và các loại y phục; từ những quy tắc ứng xử trong cộng đồng đến các nghi lễ và lễ hội... Tất cả đã tạo nên một kho tàng văn hóa hết sức sống động, có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với toàn thể cộng đồng và được người M'Nông lưu truyền, cất giữ hàng ngàn đời nay. Kho tàng ấy đã tạo nên những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc M'Nông. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội hiện nay, văn hoá truyền thống của người M'Nông đang ngày càng bị mai một và có nguy cơ biến mất hoặc đã được tổ chức theo lối hiện đại hoá và mang màu sắc thương mại; bên cạnh đó, các văn hoá vật thể đang bị buôn bán một cách vô tổ chức, không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng... Thực trạng trên đặt ra cho chúng ta rất nhiều thách thức và đòi hỏi các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng phải có những biện pháp hữu hiệu nhằm bảo tồn, gìn giữ những giá trị văn hoá truyền thống của người M'Nông.

1. Một số nét về thực trạng văn hóa truyền thống của người M'Nông

Nền văn hoá truyền thống của người M'Nông hiện nay đang ngày càng bị mai một, thực trạng này có nhiều nguyên nhân, có những nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Trong quá trình tiếp cận với người M'Nông, chúng tôi được họ cho biết, văn hóa cổ truyền đang dần biến mất nhanh chóng khỏi đời sống cộng đồng và rất mong muốn khôi phục lại những nét văn hóa đặc sắc của cha ông để lại.

Trong những năm đất nước có chiến tranh, người M'Nông phải sống rải rác trong các nương rẫy để tránh bom đạn, do đó các nghi lễ, lễ hội truyền thống của dân tộc không được tổ chức và các buổi sinh hoạt văn hoá cộng đồng cũng không được duy trì thường xuyên; âm thanh của các loại nhạc cụ đã vắng trong các bon làng trong một thời gian dài. Mặt khác phần lớn số lượng các loại cồng chiêng đã bị chiến tranh tàn phá, đồng thời số cồng chiêng còn sót lại hiện nay đang bị buôn bán không có tổ chức, không có sự quản lý của bất cứ một cơ quan hoặc một cấp chính quyền nào. Rất nhiều hiện vật văn hoá vật thể như các loại cồng chiêng, các loại nhạc cụ, các loại vật dụng sinh hoạt... đang dần đi khỏi các bon làng M'Nông. Điều đáng lưu ý là hiện nay, những người trẻ tuổi hầu hết không biết đánh cồng chiêng, không biết thổi các loại nhạc cụ của dân tộc mình. Những người biết đánh cồng chiêng, biết chế tác và chơi các loại nhạc cụ của dân tộc đang ngày càng ít dần và hầu hết đã cao tuổi. Đây là một nỗi lo rất đáng để chúng ta lưu tâm.

Họ cũng cho biết, nghề đan lát và dệt thổ cẩm cũng đang mất dần khỏi các bon làng M'Nông và rất cần phải có những biện pháp tích cực mới mong bảo lưu được. Ngày xưa do không có chợ nên nhà nào cũng trồng bông để kéo sợi, dệt khổ, dệt váy để dùng trong gia đình. Ngày nay quần áo, chăn màn ở chợ bán rất nhiều mà giá cả lại rẻ hơn rất nhiều so với các sản phẩm thổ cẩm. Người dân chỉ bỏ ra một ngày công

đi làm cũng có thể mua được một hai bộ quần áo và một tấm mền để đắp, trong khi đó nếu dệt một bộ váy áo theo phương thức truyền thống cũng phải mất vài tháng, thậm chí cả năm trời. Hiện nay gần như không còn việc truyền dạy nghề đan lát và dệt thổ cẩm trong cộng đồng người M'Nông; chỉ còn lại rất ít các cụ bà biết dệt, thêu thổ cẩm và các cụ ông biết đan lát mây tre, nếu không có những hành động kịp thời, một thời gian ngắn nữa những người này sẽ mang những giá trị văn hóa của dân tộc về với ông bà, tổ tiên.

Trong xã hội hiện đại, các nghi lễ và lễ hội truyền thống như Lễ ăn trâu, Lễ dựng nêu gọi hồn lúa, Lễ cúng bến nước... để cầu trời ban cho mưa thuận gió hoà, cho hoa màu tốt tươi gần như đã không còn trong đời sống của cộng đồng người M'Nông. Hiện nay những người biết cúng, biết cầu khẩn trời và thần linh gần như đã không còn chính vì vậy mà đã rất lâu rồi người M'Nông đã không tổ chức được các nghi lễ và lễ hội truyền thống. Nếu như trước kia ở các bon làng M'Nông luôn diễn ra các nghi lễ và lễ hội, họ tổ chức “ăn năm uống tháng” thì bây giờ theo khảo sát của chúng tôi gần như đã không còn nét sinh hoạt văn hoá này.

Các nghi thức cưới hỏi và tang ma cũng không còn được duy trì theo những nghi thức truyền thống. Hiện nay, hầu hết đám cưới được tổ chức tại các nhà hàng, tổ chức ăn uống linh đình mà gần như không quan tâm đến các nghi lễ truyền thống. Đám cưới ngày xưa được tiến hành với nhiều nghi lễ truyền thống để tỏ lòng biết ơn với ông bà tổ tiên, là dịp để người ông bà, cha mẹ truyền dạy cho con trẻ biết cách ăn ở, đối xử với cha mẹ và cộng đồng làng bon. Hiện nay, đám cưới chủ yếu tổ chức ăn uống linh đình, vui chơi ca hát là chính mà ít quan tâm đến những nét đẹp của văn hóa truyền thống.

Việc lưu truyền các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian như sử thi, dân ca, luật tục, gia phả, truyện cổ... cũng ít được chú trọng. Hiện nay những người biết hát kể các tác phẩm văn học dân gian còn lại rất ít và hầu như đều đã lớn tuổi và nếu chúng ta không tiếp cận để sưu tầm, ghi chép lại thì nguy cơ đến một ngày nào đó chúng ta sẽ không còn được biết đến những tác phẩm văn học dân gian của người M'Nông - sản phẩm văn hoá phi vật thể độc đáo của người M'Nông.

Rất nhiều người M'Nông cho rằng nếu tiếng cồng chiêng và tiếng của các loại nhạc cụ mất đi thì bon làng M'Nông sẽ buồn lắm. Các bài hát sử thi, những bài ca dao dân ca, những câu hát vắn điệu của người M'Nông chứa đựng giá trị văn hoá vô cùng độc đáo, mà nếu mất đi, người M'Nông sẽ quên hết lịch sử và văn hoá của dân tộc mình.

Ngày xưa trên vùng cao nguyên đại ngàn, người M'Nông chưa có trường học, các thế hệ ông bà tổ tiên răn dạy con cháu bằng sử thi, bằng luật tục, bằng các câu tục ngữ ca dao; dạy cho con cháu biết yêu thương, giúp đỡ nhau, đoàn kết nhau và sống làm ăn lương thiện. Hiện nay đảng và Nhà nước đang rất quan tâm đến đời sống và văn hoá của đồng bào Tây Nguyên trong đó có dân tộc M'Nông, trong những năm gần đây Nhà nước đã chi số tiền lên đến hàng tỉ đồng nhằm bảo tồn và lưu giữ các giá trị văn hoá của người Tây Nguyên. Kết quả đã đạt được những thành công rất đáng khích lệ tuy nhiên đó mới chỉ là những kết quả ban đầu có tính chất khai phá. Trong thời gian tới cần phải có những giải pháp quyết liệt và đồng bộ hơn thì chúng ta mới có thể bảo tồn và lưu giữ được những giá trị văn hoá của cộng đồng dân tộc M'Nông.

2. Một số khuyến nghị và giải pháp

Văn học cổ truyền là tấm gương phản chiếu thế giới quan, nhân sinh quan của dân tộc M'ông. Qua văn học dân gian, chúng ta còn biết được tư tưởng, tình cảm và những ước mơ của họ về một cuộc sống sung túc, giàu có, đông vui, với những kỳ lễ hội quanh năm suốt tháng... Tuy nhiên hiện nay, môi trường, không gian diễn xướng gần như đã không còn để cho những sinh hoạt văn hóa dân gian được diễn ra một cách tự nhiên trong cuộc sống của cộng đồng. Điều này đặt ra cho chúng ta những trăn trở để tìm ra những giải pháp căn cơ để cho các sinh hoạt văn hóa dân gian M'ông cũng như của các dân tộc khác có thể tồn tại và phát triển được trong bối cảnh xã hội hiện đại. Dưới đây chúng tôi đưa ra một số kiến nghị và giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy được những giá trị của kho tàng văn hóa dân gian M'ông.

1. Việc trước mắt là phải bắt tay ngay vào việc đào tạo các nghệ nhân trẻ tuổi để thay thế các nghệ nhân hiện nay hầu hết tuổi đã cao, sức đã yếu. Những người nghệ nhân trẻ tuổi sau này sẽ mở các lớp truyền dạy kho tàng văn hóa truyền thống cho các thế hệ mai sau. Thời gian trước mắt là mở các lớp dạy nghề dệt thổ cẩm, nghề đan lát thủ công và hát kể sử thi, mặc dù chúng ta biết hiện nay để làm được việc này là rất khó khăn nhưng đây là một nhu cầu bức thiết khiến chúng ta phải quyết tâm thực hiện. Qua khảo sát, chúng tôi được biết hiện nay cũng có một vài nơi mở lớp để truyền dạy văn hoá truyền thống tuy nhiên rất ít người tham gia, đặc biệt là giới trẻ. Họ tỏ ra rất thờ ơ và chẳng mấy quan tâm đến những hoạt động này. Vì vậy chúng tôi mạnh dạn đề xuất với ngành Giáo dục và Đào tạo có thể đưa vấn đề này vào trong nhà trường từ bậc tiểu học đến trung học, kết hợp việc dạy văn hoá với dạy tiếng mẹ đẻ và văn hoá của dân tộc M'ông bởi hiện nay số người biết và sử dụng tiếng M'ông và am hiểu văn hoá M'ông không còn nhiều.

2. Ngành Giáo dục và Đào tạo có thể đưa chương trình dạy tiếng dân tộc vào trong trường học ngay từ bậc tiểu học ở những vùng có đông cư dân M'ông sinh sống, dạy giống như môn ngoại ngữ. Hết bậc tiểu học các em có thể biết và sử dụng tiếng M'ông một cách thuần thục. Khi lên bậc trung học cơ sở sẽ dạy cho các em các câu tục ngữ, ca dao, lời nói vắn, sử thi, gia phả kết hợp với việc dạy cho các em biết đánh cồng chiêng, biết sử dụng các loại nhạc cụ truyền thống và biết một cách cơ bản về các nghề thủ công như đan lát, làm tượng nhà mồ v.v... Lên đến bậc THPT, về cơ bản các em biết sử dụng và chế tác các loại nhạc cụ truyền thống, biết hát kể sử thi và biết về gia phả và lịch sử của dân tộc mình.

3. Như chúng ta đã biết, kho tàng văn hóa dân gian của người M'ông có vị trí rất quan trọng và có giá trị giáo dục cao đối với mọi người dân M'ông. Nó có giá trị trong việc khuyên dạy con người. Đã làm người thì phải biết giữ điều tốt, tránh làm điều xấu, biết cách ứng xử trong quan hệ với gia tộc và cộng đồng; không được vi phạm vào những điều mà luật tục đã ngăn cấm. Để không vướng vào những tội lỗi mà cộng đồng đã quy định thì mọi người M'ông phải biết về luật tục, sử thi và gia phả... Bởi vì tổ tiên người M'ông đã dạy, để tránh loạn luân, phải học thuộc gia phả ít nhất năm thế hệ, con cháu chưa qua năm thế hệ nhất thiết không được yêu nhau, không được cưới gả... Từ thực tế đó, chúng ta cần có những chính sách để khuyến khích các nghệ nhân truyền dạy cho mọi người dân M'ông biết về văn hoá truyền thống và lịch sử của dân tộc mình.

4. Hiện nay công tác sưu tầm kho tàng văn học dân gian M'ông đã đạt được nhiều

kết quả rất đáng trân trọng, xong việc phát hành đang còn gặp nhiều hạn chế. Hiện nay số lượng các tác phẩm văn học đã sưu tầm và xuất bản được mới chỉ phân phối đến một số cơ quan nghiên cứu và một số trường học mà gần như chưa đến được với các bon làng của M'ông - nơi sẽ là những "địa chỉ đỏ" để bảo tồn và lưu giữ kho tàng văn hóa cổ truyền của dân tộc. Vấn đề khó khăn nhất đối với chúng ta hiện nay là làm sao đưa được kho tàng văn học dân gian trở về với cộng đồng dân tộc M'ông - nơi nó đã được sinh thành, nuôi dưỡng và tồn tại lâu bền trong suốt tiến trình hình thành và phát triển của lịch sử tộc người. Đây là một bài toán khó, cần có sự chung tay, chung sức của tất cả các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bé Viết Đăng, Chu Thái Sơn... (1982), Đại cương các dân tộc ÊĐê, MNông ở Đak Lak, Nxb Khoa học xã hội.
2. Nguyễn Việt Hùng (2011), Công thức truyền thống trong sử thi - Ot Ndrong, Luận án tiến sĩ Văn học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Đinh Gia Khánh và các cộng sự (1998), Văn học dân gian Việt Nam, Nxb Giáo dục.
4. Đinh Gia Khánh và các cộng sự (2000), Tổng tập văn học Việt Nam (T41), Nxb Khoa học xã hội.
5. Đỗ Hồng Kỳ (1996), Sử thi thần thoại M'ông, Nxb Khoa học xã hội.
6. Đỗ Hồng Kỳ (2001), Những khía cạnh văn hóa dân gian M'ông Nong, Nxb Văn hóa dân tộc.
8. V.I.A. PRôp (1996), Đặc trưng của Phônclô, Nxb Giáo dục.

SỰ HỒI SINH VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC BẢN ĐỊA Ở TỈNH ĐẮK LẮK

TS. Nguyễn Khắc Trinh

Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐH Tây Nguyên

Mở đầu

Trong các tôn giáo du nhập vào Tây Nguyên, Tin lành là tôn giáo có mặt muộn nhất (khoảng đầu thế kỷ XX). Đã có một thời hoạt động của đạo Tin lành ở Việt Nam nói chung, Tây Nguyên nói riêng bị gián đoạn. Nhưng hiện nay, với những chính sách cụ thể nhằm đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, được sự cho phép của cơ quan quản lý nhà nước, hoạt động của đạo Tin lành ở Đắk Lắk đã có sự gia tăng mạnh mẽ, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Sự gia tăng “đột biến” của đạo Tin lành đã và đang có những tác động to lớn đến đời sống của nhân dân cũng như đối với việc quản lý xã hội của chính quyền địa phương. Bài viết này sẽ tập trung phân tích một số tác động từ sự phát triển của đạo Tin lành đối với cộng đồng người dân tộc bản địa ở Tây Nguyên.

1. Thực trạng, nguyên nhân

Đắk Lắk là tỉnh nằm ở trung tâm của khu vực Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị và an ninh quốc phòng đối với khu vực và cả nước; với tổng diện tích tự nhiên là 13.125 km², dân số 1.833.251 người thuộc 47 thành phần dân tộc, trong đó người cộng đồng DTTS có 665.430 người chiếm trên 36%⁸.

Tín ngưỡng cổ truyền của các DTTS Tây Nguyên là tín ngưỡng đa thần, họ thờ cúng các vị thần gắn với đời sống và lao động sản xuất. Người Tây Nguyên cho rằng, các hiện tượng thiên nhiên đều có linh hồn, có sức mạnh huyền bí, kì diệu và các vị thần có khả năng che chở cho con người trong cuộc sống và lao động, sản xuất. Tín ngưỡng này là căn nguyên hình thành nhiều nghi lễ cúng thần ở người bản địa Tây Nguyên; trong đó, một số nghi lễ vẫn còn hiện hữu trong đời sống hiện nay. Trong các vị thần của người Tây Nguyên, Giàng là vị thần chiếm vị trí thống lĩnh trong đời sống tinh thần. Giàng là người sinh ra, cai quản và luôn đồng hành cùng người Tây Nguyên (có thể hiểu Giàng là Trời). Chính tín ngưỡng tâm linh này là điều kiện tốt cho các tôn giáo xâm nhập vào cộng đồng người Tây Nguyên, trong đó có đạo Tin Lành.

Cũng như xã hội Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX, với những biến động về chính trị kéo theo sự du nhập các tôn giáo, chủ yếu là các tôn giáo phương Tây, ở tỉnh Đắk Lắk, sự xuất hiện của đạo Tin lành muộn hơn so với các tôn giáo khác, tuy nhiên không phải vì vậy mà nó không có sự hiện diện đầy đủ. Hiện nay với những chính sách đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, hoạt động của đạo Tin lành ở tỉnh Đắk Lắk đã có sự gia tăng mạnh mẽ, nhất là trong vùng đồng bào DTTS.

Theo thống kê của cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện có 19 hệ phái Tin lành hoạt động, trong đó có 08 hệ phái đã được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, tổng số tín đồ khoảng 193.160 người, hoạt động tại 409/2.475 thôn, buôn, tổ dân phố; 140/184 xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh, trong đó có 186.000 tín đồ là người DTTS (chiếm 96%)⁹. Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền

⁸ Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk, phần tổng quan.

^{9,4,5} Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 của Ban Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk, tr 1,2.

Nam) là hệ phái có ảnh hưởng lớn nhất trong hệ thống tổ chức của đạo Tin lành với 49 chi hội được cấp phép, 198 điểm nhóm đăng ký sinh hoạt và 60 nhóm kê khai hoạt động chưa được cấp phép¹⁰. Tổng số tín đồ của đạo Hội là 177.156 tín đồ, trong đó có 174.257 tín đồ là người đồng bào DTTS, chiếm khoảng 90% tổng số tín đồ theo đạo Tin lành toàn tỉnh¹¹. Về chức sắc: 42 Mục sư, 89 Mục sư nhiệm chức, 110 Truyền đạo. Nhìn chung, sinh hoạt tại các Chi hội, điểm nhóm cơ bản chấp hành nội dung, chương trình đã đăng ký với chính quyền địa phương. Ngoài ra còn có 17 hệ phái Tin lành khác với khoảng 14.891 tín đồ, chiếm 7,7% tổng số tín đồ theo đạo Tin lành toàn tỉnh¹².

Từ số liệu trên cho thấy, số lượng tín đồ theo đạo Tin lành ở tỉnh Đắk Lắk đã chiếm hơn 10% dân số toàn tỉnh và phát triển mạnh trong cộng đồng người DTTS (chiếm trên 30%). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc du nhập và gia tăng ảnh hưởng của đạo Tin lành ở tỉnh Đắk Lắk. Cụ thể như:

Thứ nhất, đời sống kinh tế - văn hóa chậm phát triển cùng với những hủ tục lạc hậu gắn với tín ngưỡng đa thần như ma chay, cưới xin, cúng bái và mê tín dị đoan do lịch sử để lại đang đè nặng lên đời sống của cộng đồng các DTTS ở Đắk Lắk, cản trở sự tiến bộ, vươn lên của họ.

Thứ hai, các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống của các DTTS ở Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng đang mai một dần; vị thế của già làng, trưởng buôn, người đứng đầu dòng họ bị giảm sút; các lễ hội truyền thống bị thu hẹp và ngày càng thưa thớt, không còn sức hút đối với nhân dân, nhất là giới trẻ. Trong khi đó chúng ta chưa đề xuất được các hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng phù hợp. Điều này đã tạo nên khoảng trống trong môi trường văn hóa và đời sống tinh thần của đồng bào DTTS, khiến họ tìm đến với tôn giáo nói chung, đạo Tin lành nói riêng như là một cách thức để thỏa mãn nhu cầu trong đời sống tinh thần.

Thứ ba, sự suy yếu dần “hệ miễn dịch” của tâm thức văn hóa – tôn giáo dân tộc truyền thống chính là nguyên nhân để các tôn giáo, trong đó có đạo Tin lành thâm nhập mạnh mẽ. Chúng ta biết rằng, tôn giáo vừa là một hình thái ý thức xã hội, vừa là một thực thể xã hội. Nó vừa chịu sự chi phối của hiện thực xã hội, vừa phản ánh thực trạng của hiện thực xã hội. Chính những biến động kinh tế, văn hóa, chính trị và xã hội trong thời gian gần đây đã làm suy yếu dần “hệ miễn dịch” của tâm thức văn hóa – tôn giáo dân tộc truyền thống của đồng bào DTTS và dẫn đến sự xâm nhập rất nhanh của đạo Tin lành hiện nay.

2. Những ảnh hưởng của từ hoạt động của đạo Tin lành đến cộng đồng các dân tộc bản địa ở tỉnh Đắk Lắk

Sự gia tăng hoạt động của đạo Tin lành đã tạo ra những tác động đa chiều đối với đời sống của cộng đồng các DTTS ở tỉnh Đắk Lắk. Nó vừa tạo ra những yếu tố mới làm cơ sở cho những giá trị xã hội, đồng thời cũng tạo ra những ảnh hưởng và hệ lụy không nhỏ đang từng bước tác động đến cộng đồng các dân tộc bản địa.

• Những yếu tố mới được tạo dựng:

Cùng với sự tiến bộ của xã hội, sự du nhập của tôn giáo nói chung, đạo Tin lành nói riêng cũng góp phần tạo nên những nét mới mẻ, mang hơi hướng của văn minh

¹⁰ Theo quy định tại Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 04/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ

nhân loại cho những khu vực có sự ảnh hưởng của tôn giáo này. Cụ thể, nó đã góp phần hạn chế những phong tục, tập quán lạc hậu đã và đang đè nặng lên cuộc sống của đồng bào các dân tộc bản địa, nhất là việc hạn chế những yếu tố mê tín, dị đoan, những hình thức nghi lễ mang tính ma thuật, cổ hủ, tiêu biểu như: tục chôn chung, nổi dây, các tục lệ cúng bái người chết hoặc ốm đau, bệnh tật..., đồng thời giúp họ biết quan tâm đến việc đời sống văn hóa mới trên cơ sở phát huy những giá trị tiêu biểu của các cộng đồng DTTS.

Ở một góc độ khác, với những lời răn dạy về đạo đức, nhân văn và nếp sống tiến bộ, đạo Tin lành đã góp phần xây dựng đời sống lành mạnh đối với cộng đồng DTTS, giúp họ tránh xa các tệ nạn xã hội...

Dưới góc độ kinh tế, việc khuyến khích các hộ gia đình trẻ tách hộ đã góp phần tạo nên những cộng đồng dân cư mới mà ở đó, vai trò của các thành viên trong gia đình (cả vợ và chồng) đều được phát huy trong lao động sản xuất cũng là một yếu tố tích cực, tạo điều kiện cho việc làm ăn, tích lũy và phát triển kinh tế hộ.

Mặt khác, với cộng đồng dân cư cùng chung tín ngưỡng sẽ có xu hướng gắn kết, chia sẻ và giúp đỡ nhau mà vốn dĩ trong cộng đồng dân cư truyền thống, yếu tố này chỉ được thực hiện trong phạm vi hẹp, giữa những người cùng dòng tộc...

Đây chính là những lợi ích thực tế cần ghi nhận như là sự đóng góp của đạo Tin lành đối với cộng đồng người DTTS không chỉ ở tỉnh Đắk Lắk, mà đối với cả vùng Tây Nguyên. Đây chính yếu tố cốt lõi tạo nên sự hấp dẫn của đạo Tin lành đối với đồng bào DTTS, khiến cho số lượng tín đồ theo đạo này gia tăng nhanh.

• *Những ảnh hưởng tiêu cực*

Bên cạnh một số giá trị mới được tạo ra thì sự gia tăng đột biến số lượng tín đồ của đạo Tin lành là người DTTS tại Đắk Lắk và những phức tạp vốn có từ hoạt động của chính tôn giáo này đã có những ảnh hưởng đối với thiết chế văn hóa truyền thống của cộng đồng các DTTS nơi đây.

Thứ nhất, ảnh hưởng đến đời sống tâm linh và tín ngưỡng truyền thống của đồng bào các DTTS ở Đắk Lắk.

Các DTTS ở Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng không có tập quán du canh, du cư, mà có truyền thống cư trú ổn định. Chính điều này đã hình thành nên những buôn, làng cư trú ổn định và từng bước tạo dựng được những giá trị truyền thống, trong đó yếu tố tín ngưỡng là chủ đạo nhất.

Hoạt động thực thi các nghi lễ truyền thống đã quy tụ dân làng vào các hoạt động hướng vọng về những biểu tượng tâm linh, siêu thực mà theo họ luôn tồn tại bên cạnh con người, che chở, giúp đỡ con người trước những những đe dọa, rủi ro của cuộc sống hoặc trừng phạt họ khi có những hành sai trái. Niềm tin tinh thần này là sợi dây vô hình tạo sự cố kết cộng đồng bền chặt, ràng buộc đến từng cá nhân, gia đình và dòng tộc. Cũng từ đây, các giá trị truyền thống về văn hóa, đạo đức, lối sống trong cộng đồng DTTS từng bước hình thành và phát triển ổn định.

Sự du nhập của đạo Tin lành dù có mang đến những yếu tố văn hóa mới, nhưng lại tạo ra những tác động trái chiều so với trật tự xã hội truyền thống và tạo nên những biến đổi tư tưởng, tình cảm, tâm lý trong bộ phận đồng bào theo đạo. Việc bị khuất phục bởi những giáo lý của đạo Tin lành đồng nghĩa với việc sẽ tôn thờ một vị thần mới mà theo giáo lý phải giữ vị trí độc tôn trong đời sống tinh thần. Lúc này tín

nguồn truyền thống sẽ trở nên thứ yếu, đồng nghĩa với việc suy giảm niềm tin, tình cảm của cộng đồng người theo đạo đối với cộng đồng truyền thống. Có thể nói, sự xuất hiện của đạo Tin lành trong các cộng đồng dân cư bản địa được ví như một dòng chảy nhân tạo xuyên qua các cộng đồng dân cư mà nó thâm nhập, đẩy họ dạt về hai phía khác nhau, thậm chí đối lập nhau.

Hai là, sự hồi sinh và phát triển của đạo Tin lành đã và đang có những tác động mạnh mẽ đến cộng đồng văn hóa, vào lớp người có uy tín trong xã hội.

Cũng giống như cộng đồng tâm linh, yếu tố văn hóa là một trong những sợi dây tạo nên sự cố kết cộng đồng các DTTS ở Đắk Lắk bằng những ràng buộc vô hình nhưng nó vô cùng bền chặt. Đó là những thói quen, phong tục, tập quán... được truyền từ đời này qua đời khác, trong đó có những yếu tố đã trở thành đặc trưng, thành thuần phong, mỹ tục hiển hiện rất rõ trong Luật tục.

Hiện nay ở những nơi đạo Tin lành xâm nhập, rất dễ nhận thấy hiện tượng suy giảm về văn hóa, xã hội truyền thống. Luật tục không còn ràng buộc được hành vi con người và không còn giá trị trong đời sống hiện tại. Cùng với đó, các yếu tố văn hóa và tính linh thiêng của các lễ hội dần mất đi chỗ đứng vốn có của nó. Trật tự xã hội truyền thống và những giá trị tinh thần từ đó đảo lộn, thay thế bằng việc thực hành các nghi lễ tôn giáo. Nguy cơ về một đời sống tinh thần không có bản sắc là một thực tế nhãn tiền đã và đang hiện hữu ở một số cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (trong cả cộng đồng người Kinh và người DTTS).

Mặt khác, đối với các DTTS ở Đắk Lắk, bên cạnh chỗ dựa tinh thần là lễ nghi trong tín ngưỡng truyền thống (các vị thần), thì già làng, trưởng họ, những người có uy tín đóng một vai trò hết sức quan trọng. Họ là cầu nối, thậm chí là hiện hữu cho sức mạnh của các vị thần, là niềm tin, chỗ dựa tinh thần cho buôn làng. Do đó, trong thiết chế xã hội truyền thống, tiếng nói của những người này có trọng lượng rất lớn, quyết định và giữ vững tính nghiêm minh trong mọi hoạt động của cộng đồng người bản địa. Trong thiết chế xã hội văn minh, quyền năng và sức mạnh của bộ máy quản lý, được điều hành bởi một hệ thống pháp luật có vai trò tối thượng, nhưng vẫn phải thừa nhận sự tồn tại và hiệu lực của thiết chế truyền thống này.

Tuy nhiên, việc các tôn giáo trong đó có đạo Tin lành xác lập được chỗ đứng trong cộng đồng các DTTS đã tác động mạnh mẽ đến vai trò của các già làng, trưởng họ. Với việc thực hành các quy ước và nghi lễ tôn giáo, đạo Tin lành đã vô tình hoặc cố ý làm mất đi vai trò của lớp người này. Trên thực tế có nhiều tín đồ Tin lành khi xảy ra các vụ việc gì, họ không chấp nhận sự điều chỉnh của luật tục, không cần già làng phân xử, mà yêu cầu xét xử theo luật pháp khiến cho vai trò của già làng, trưởng họ ngày càng mờ nhạt. Vì vậy, dù lớp người này có nỗ lực cố gắng gìn giữ tín ngưỡng, tập quán tốt đẹp của buôn, làng mình nhưng trước tác động do các yếu tố tôn giáo mới gây nên với chính những người thân thuộc, khiến họ gặp khó khăn và thậm chí sẽ từ bỏ ý định và vai trò của mình trước cộng đồng.

Ba là, ảnh hưởng đến mối quan hệ và khối đại đoàn kết của các dân tộc.

Một yếu tố vô cùng quan trọng trong thiết chế xã hội truyền thống của đồng bào các DTTS ở tỉnh Đắk Lắk đó là Buôn, Làng. Đây là một kết cấu tổng thể về kinh tế, văn hóa, xã hội và có tính bền vững cao, là nét truyền thống đặc trưng của đồng bào các dân tộc. Nói rõ hơn, buôn, làng là một cộng đồng về cư trú, là không gian sinh tồn,

môi trường sống và có tính sở hữu về lợi ích vật chất lẫn tinh thần, được tạo dựng trong quá trình cùng chung sống lâu dài, có tính bền vững.

Việc chuyển đổi mạnh mẽ từ tín ngưỡng truyền thống sang các tôn giáo khác đã có những ảnh hưởng đa chiều, phức tạp, nhất là trong cộng đồng dân cư theo đạo Tin lành. Việc có tới 96% số tín đồ là người DTTS, đạo Tin lành đang tạo ra những khó khăn, phức tạp trong việc giải quyết hài hòa vấn đề dân tộc, tôn giáo tỉnh Đắk Lắk nói chung, trong các địa bàn cư trú của người DTTS nói riêng.

Có thể hình dung, việc đạo Tin lành thâm nhập vào các vùng dân cư bản địa như một ngoại lực có sức công phá mạnh, tấn công vào khối đoàn kết của các tộc người bản địa, làm nó tách ra thành nhiều mảnh vụn với nhiều hình thù khác nhau và không đồng thuận. Ở những người cùng theo một tôn giáo, có một điểm chung là cùng đức tin, nên đã hình thành các cộng đồng người xây dựng trên mối quan hệ tôn giáo - dân tộc hay tôn giáo - liên dân tộc, tạo ra xu hướng gắn kết, giúp đỡ nhau. Hình thức cổ kết cộng đồng này ở một số địa phương có biểu hiện lẫn át các hình thức cổ kết truyền thống theo dân tộc, dòng họ trong một địa bàn cư trú.

Thứ tư: ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia.

Một điều đáng lưu ý trong sự biến đổi tôn giáo, nhất là các tổ chức chưa được công nhận có tư tưởng cực đoan, không phải hoàn toàn từ nhu cầu tự thân của người dân, mà còn do tác động có chủ ý của việc tuyên truyền và lôi kéo người dân theo đạo trái pháp luật, khiến đời sống tôn giáo tín ngưỡng của các DTTS có những biến động to lớn, đã và đang là những vấn đề phức tạp nhất hiện nay ở tỉnh Đắk Lắk.

Với một địa bàn có nhiều yếu tố nhạy cảm như tỉnh Đắk Lắk, việc lợi dụng các vấn đề dân tộc và tôn giáo đã và đang là vấn đề “nóng” ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển của địa phương. Các thế lực phản động trong và ngoài nước đã lợi dụng những đặc điểm về lịch sử và tâm lý dân tộc, bất cập trong chính sách, thực trạng phát triển KT - XH chưa đồng đều giữa các vùng và các tộc người, để tuyên truyền kích động, lôi kéo người dân. Tổ chức phản động Fulrô lưu vong tiếp tục tuyên truyền, kích động vấn đề nhân quyền, đất đai, đời sống tự do, tôn giáo; chỉ đạo phục hồi tổ chức, phát triển lực lượng, kích động biểu tình bạo loạn dưới nhiều hình thức để làm mất ổn định chính trị tại các địa phương trong tỉnh.

Lợi dụng những vướng mắc trong việc thực hiện chính sách tôn giáo ở cơ sở từ đó thổi phồng để xuyên tạc tình hình tôn giáo vu khống Nhà nước ta vi phạm tự do tôn giáo, vi phạm nhân quyền. Ngoài ra, chúng còn lợi dụng các phương tiện truyền thông như Báo chí, Đài truyền thanh, đài truyền hình, băng đĩa, sách, báo, ... các diễn đàn quốc tế, tổ chức quốc tế, kể cả những lĩnh vực không liên quan đến tôn giáo để vu khống cô lập chính quyền trên trường quốc tế. Tìm cách nắm bắt và nuôi dưỡng những phần tử cầm đầu bất mãn, ly khai hoặc có thái độ chính trị xấu để dựng dậy và tập hợp số tín đồ chức sắc lạc hậu... hình thành lực lượng chống đối trong các tôn giáo ở trong và ngoài nước.

Đối với các nhóm, hệ phái Tin lành, tranh thủ việc Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân để mở rộng địa bàn hoạt động, tăng cường thâm nhập vào vùng DTTS để lôi kéo, phát triển tín đồ đồng thời xảy ra phổ biến tình trạng tranh giành, giành giật tín đồ giữa các nhóm, hệ phái, gây phức tạp ở một số địa bàn dân cư, nhất là trong vùng đồng bào DTTS.

Thực tế trên đã và đang đặt ra những yêu cầu cấp thiết đối với các cơ quan quản lý Nhà nước và toàn xã hội trong việc ổn định tình hình an ninh, trật tự xã hội, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của cộng đồng người DTTS. Do đó, việc tìm ra các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt chính sách tôn giáo và dân tộc là vấn đề quan trọng hiện nay.

3. Một số đề xuất

Một là, phải chú trọng giữ gìn và phát huy, phát triển bản sắc văn hóa của các DTTS. Trước mắt, cần có sự đánh giá, khảo sát lại những giá trị văn hóa truyền thống, tìm hiểu các phong tục tập quán, luật tục, những thiết chế xã hội truyền thống để phân loại, đánh giá, lọc ra những giá trị đích thực để có biện pháp kế thừa, phát huy tốt. Cần chăm lo xây dựng cho đồng bào các DTTS có một đời sống tinh thần lành mạnh. Phải khôi phục các giá trị văn hóa quý báu như: trang phục dân tộc, sinh hoạt cộng đồng, các lễ hội truyền thống, những lễ nghi tôn giáo, tín ngưỡng, hướng đồng bào đến với các sinh hoạt truyền thống này.

Song song với đó, cần định hướng cho thế hệ trẻ nhận thức đúng những giá trị của nền văn hóa truyền thống, quay về với nguồn cội thay vì đi tìm những cái bóng cá trong những nét văn hóa xa lạ.

Mặt khác, phải biết phát huy sức mạnh, uy tín của già làng, trưởng dòng họ trong việc tổ chức cuộc sống buôn làng, vận động nhân dân vươn lên xóa đói giảm nghèo, bài trừ mê tín dị đoan và kêu gọi sự đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc, tôn giáo trong buôn làng.

Hai là, tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân, nhất là đồng bào DTTS ở vùng sâu, vùng xa. Đồng thời khuyến khích, định hướng cho các cộng đồng DTTS gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, tiến đến việc sưu tầm khôi phục hệ thống các thiết chế xã hội truyền thống tích cực, tốt đẹp.

Việc sưu tầm, nghiên cứu và tìm ra những yếu tố tương đồng giữa thiết chế xã hội truyền thống và luật pháp là điều vô cùng quan trọng. Đây chính là giải pháp quan trọng mà chính quyền các cấp cần tập trung thực hiện nhằm tạo ra sự đồng thuận xã hội, tạo tiền đề cho việc xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc.

Cần lưu ý rằng, những kẻ lợi dụng, đội lốt tôn giáo, trong đó có đạo Tin lành đã và đang tìm mọi cách để mở rộng tầm ảnh hưởng của mình, kể cả việc khoét sâu vào sự khác biệt giữa pháp luật và luật tục. Vì vậy, để có một xã hội đồng thuận thì việc đấu tranh để bảo vệ sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời bảo đảm kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống của cộng đồng các DTTS phải được thực hiện thường xuyên, khéo léo và luôn nêu cao tinh thần cảnh giác.

Ba là, cần tập trung thực hiện các chương trình phát triển KT – XH để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng các DTTS.

Thực tế ở Tây Nguyên trong đó có tỉnh Đắk Lắk cho thấy rõ, những hạn chế về đời sống vật chất, tinh thần khiến một bộ phận người dân dễ bị lôi kéo, mua chuộc và có những hành động đi ngược lại với quyền lợi của dân tộc, cộng đồng. Do đó, khi đời sống được nâng cao, người dân sẽ đủ điều kiện, khả năng và tự giác lựa chọn cho mình một đời sống tinh thần dần phù hợp. Lúc đó, ý thức về bản sắc văn hoá dân tộc sẽ được tăng cường, đủ sức đề kháng trước mọi luồng văn hóa lạ, văn hóa độc hại bên ngoài.

Bên là, phải nâng cao năng lực của hệ thống chính quyền và trình độ của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở, nhất là ở vùng đồng bào DTTS.

Hệ thống chính quyền cơ sở, trực tiếp là đội ngũ cán bộ trong quá trình thâm nhập thực tế để đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với nhân dân, họ không những nắm bắt được tình hình thực tế, mong muốn, nguyện vọng của nhân dân mà còn là chỗ dựa của nhân. Do vậy, đây sẽ là lực lượng nòng cốt trong việc định hướng đúng đắn giúp người dân nâng cao trình độ nhận thức và văn hóa, tránh sự đua chạy theo cái mới, lạ để đánh mất mình. Muốn vậy, cần phải xây dựng một hệ thống chính quyền cơ sở đủ mạnh, một đội ngũ cán bộ cơ sở có trình độ, năng lực, bản lĩnh vững vàng và trên hết là lòng nhiệt, thành tâm gắn bó với nhân dân. Trong trường hợp này, việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ cơ sở là người dân tộc bản địa là lựa chọn tốt nhất.

Năm là, không ngừng nâng cao cảnh giác, chủ động và tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc, thực hiện tốt các chính sách đối với đồng bào DTTS, nâng cao đời sống nhân dân. Giáo dục, hướng dẫn đồng bào và những hoạt động văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng lành mạnh. Thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Tăng cường tinh thần đoàn kết, giúp đỡ gắn bó giữa đồng bào các dân tộc hiện nay. Đặc biệt, nên tăng cường giáo dục bản lĩnh và trí tuệ cho đội ngũ thanh thiếu niên đồng bào DTTS.

Với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần vào việc phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của tín ngưỡng truyền thống và những ảnh hưởng tiêu cực của các tôn giáo, nhất là những tổ chức tôn không chính thống.

RESUSCITATION AND IMPACTS OF PROTESTANTISM ON INDIGENEOUS ETHNIC COMMUNITIES IN DAK LAK PROVINCE

Nguyễn Khắc Trinh, PhD

Faculty of Political Science, Tây Nguyen University

SUMMARY

Among the religions imported into Central Highlands, Protestantism appeared the latest (at the beginning of the 20th century). There have been periods when the practice of Protestantism in Vietnam in general and Central Highlands was interrupted. However, thanks to the Government's specific policy on the right to freedom of religions and the allowance of the State administrative authorities, the practice of Protestantism in Dak Lak province has increased dramatically, especially in ethnic minority communities. The "mutative" increase of Protestantism has been making enormous impacts on people's life and the social management of the local authority. This article will focus on analyzing some impacts of the surge of Protestantism on indigenous ethnic communities in Central Highlands.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nội vụ, Kế hoạch số 54/KH-BNV ngày 05/5/2016 *Kế hoạch về công tác đối với đạo Tin lành giai đoạn 2016-2020*, Tài liệu lưu trữ tại Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk.
2. Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, năm 2013.
3. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật số 02/2016/QH14, Luật tín ngưỡng, tôn giáo*, Ban hành ngày 18/11/2016, Tài liệu lưu trữ tại Cổng thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
4. Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk, *Công văn Số 25/SNV-BTG ngày 30/1/2018 về việc Triển khai Nghị định 162/2017/NĐ-CP và công tác quản lý nhà nước đối với đạo Tin lành theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, Tài liệu lưu trữ tại Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk.
5. Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk, *Công văn Số 25/SNV-BTG ngày 30/1/2018 về việc Triển khai Nghị định 162/2017/NĐ-CP và công tác quản lý nhà nước đối với đạo Tin lành theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, Tài liệu lưu trữ tại Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk.
6. Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk, Ban Tôn giáo, *Báo cáo tình hình hình công tác tín ngưỡng, tôn giáo năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2019*, Tài liệu lưu trữ tại Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk.
7. Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg, ngày 04/02/2005 *Về một số công tác đối với đạo Tin Lành*, Cổng thông tin điện tử, Ban Tôn giáo Chính phủ.
8. UBND tỉnh Đắk Lắk, ban hành Công văn số 68/UBND-KGVX, ngày 9/2/2018 *về việc tiếp tục thực hiện công tác đối với đạo Tin lành trong các năm 2018-2020*, Tài liệu lưu trữ tại Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk.